



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TCHQ
2079

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị Định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

Căn cứ Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

Căn cứ Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 07/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa bao gồm: Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế (Phụ lục I), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về áp dụng mức thuế (Phụ lục II), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về phân loại (Phụ lục III), Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về thuế nhập khẩu bổ sung (Phụ lục IV), Bản hướng dẫn xây dựng và sử dụng Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa (Phụ lục V) và các Biểu mẫu kèm theo (Phụ lục VI) (sau đây gọi tắt là Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa).

Điều 2. Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa là cơ sở để cơ quan hải quan sử dụng kiểm tra việc khai báo của người khai hải quan về tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế suất của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa được thông quan theo quy định, được lưu hành nội bộ và sử dụng thống nhất trong ngành hải quan.

Điều 3. Giao Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ và hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này để:

1. Tổ chức triển khai việc khai thác, sử dụng Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa.

2. Tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ; kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa; kết quả xác định mã số, mức thuế vào hệ thống thông tin dữ liệu tương ứng.

3. Tổ chức thu thập, phân tích và tổng hợp các nguồn thông tin theo quy định đề đề xuất, báo cáo Tổng cục Hải quan xây dựng, bổ sung, điều chỉnh Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa theo định kỳ vào ngày 30 hàng tháng.

Điều 4. Giao Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan, Cục trưởng Cục Quản lý rủi ro, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ trưởng Vụ Thanh tra - Kiểm tra: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa gửi Tổng cục Hải quan (Cục thuế xuất nhập khẩu) theo định kỳ vào ngày 30 hàng tháng.

Điều 5. Giao Cục trưởng Cục thuế xuất nhập khẩu: Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất (trong trường hợp cần thiết) trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Danh mục thay thế hoặc Danh mục sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa trên cơ sở thông tin thu thập được và đề xuất sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Kiểm định Hải quan, Cục Quản lý rủi ro, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ Thanh tra - Kiểm tra.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2465/QĐ-TCHQ ngày 30/9/2020, Quyết định số 3001/QĐ-TCHQ ngày 9/11/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 7. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận: *Thư*

- Như Điều 7;
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- TCT Nguyễn Văn Cần (để báo cáo);
- Các Phó TCT (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK - PL (06b)

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU RỦI RO
VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2079** /QĐ-TCHQ ngày **19/7/2021**
của Tổng cục Hải quan)

I. Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về áp dụng mức thuế:

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Xi	2618 đến 2620	2601 đến 2617	Khai báo là Xi để được xuất khẩu quặng và tinh quặng; để hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn và gian lận về chính sách xuất khẩu
2	Đá Granite đã qua gia công thành sản phẩm hoàn chỉnh, mài bóng 1 mặt QC 240cm trở lên 70cmx2cm	68022300	68022300	Khả năng khai sai tổng trị giá tài nguyên khoáng sản và chi phí năng lượng dưới 51% để hưởng thuế suất thuế XK 0%
3	Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dùng làm vật liệu xây dựng	2517490010 2517490020 2517490030 2517490090	25210000	DN khai báo là đá vôi dùng làm VLXD theo thông tư 05/TT-BXD để được hưởng thuế suất thuế XK thấp hơn và gian lận về chính sách xuất khẩu Công văn số 8019/TCHQ-TXNK ngày 22/12/2020 của Tổng cục Hải quan Doanh nghiệp khai báo là đá xây dựng để gian lận chính sách thuế đối với các mặt hàng có thành phần MgO $\geq$ 15% (Dolomit). Mặt hàng Dolomit khi xuất khẩu phải có giấy phép theo Điều 82 Luật Khoáng sản.
4	Xi hạt lò cao	2621900090	26180000 2619000010 2619000090	Mặt hàng khai báo là xi thu được từ ngành công nghiệp khác không phải từ ngành công nghiệp luyện sắt hoặc luyện thép để áp mã số có mức thuế suất thấp. Đề nghị kiểm tra quy trình sản xuất, nguồn gốc xi để làm căn cứ phân loại hàng hóa.

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
5	Than củi từ rừng trồng	4402909010 4402909020	4402909090	Hàng hóa không đáp ứng các quy định tiêu chuẩn than gỗ (hàm lượng tro $\leq 3\%$; hàm lượng carbon cố định là carbon nguyên tố, không mùi, không khói khi tiếp lửa $\geq 70\%$; nhiệt lượng $\geq 7000\text{Kcal/kg}$; hàm lượng lưu huỳnh $\leq 0,2\%$), hoặc không phải là than làm từ mùn cưa

II. Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về phân loại:

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Đá ốp lát màu trắng sữa có nguồn gốc từ đá hoa (đá marble) đã qua gia công chế biến dùng trong xây dựng (có một mặt nhẵn). Kích thước: dài 10-100cm; rộng 10-100cm; dày 7.1-7.3cm, mới 100%, xuất xứ: Việt Nam.	68022100	25151220	Khai sai chủng loại, mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (Đá ốp lát màu trắng sữa có nguồn gốc từ đá hoa (đá marble) đã qua cắt xẻ tạo thành tấm, chưa được đánh bóng, mài nhẵn).
2	Bột đá canxi cacbonat, kích thước hạt $> 1\text{mm}$	2517490010 2517490020	2517490030 2517490090	DN khai báo sai kích cỡ hạt nhằm hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn.
3	Sten đồng	7401000010	26030000	Khai báo là sten đồng để được phép xuất khẩu quặng đồng hoặc tinh quặng đồng
4	Tinh quặng nhôm, hàm lượng $\text{Al}_2\text{O}_3 \geq 50\%$,	2606000090	2606000010	Khai sai tên hàng và mã số để hưởng thuế suất thuế XK. Mặt hàng có bản chất là quặng bauxit dạng thô, thành phần Al_2O_3 , Fe_2O_3 , TiO_2 , MgO và các khoáng vật.
5	Bột kẽm	2817001010	26080000 2620	Mặt hàng là mặt hàng là quặng hoặc xỉ thu được từ quá trình luyện kim nhưng khai báo là bột kẽm oxit 28.17

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
6	Xi thải lò quay dạng bột, tận thu trong quá trình luyện đồng	26203000	26080000	Khai báo sai tên hàng, mã số hàng hóa nhằm mục đích tránh sự kiểm tra về chính sách mặt hàng trong quá trình làm thủ tục hải quan (Doanh nghiệp khai báo mã số : 2620300010, tên hàng: Xi thải lò quay dạng bột, tận thu trong quá trình luyện đồng, Sau khi có Thông báo về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Tỉnh Quảng kẽm sunfua ZnS hàm lượng 46,8% (mã số 26080000))
7	Lưu huỳnh, dạng bột	25030000	28020000	Không khai báo rõ đặc tính hàng hóa nên dễ lẫn với dòng hàng 25030000
8	Viên gỗ mùn cưa, nén thành dạng thanh	44013100	4402909020	Mặt hàng bản chất là "Than làm từ mùn cưa" (mã số 4402.90.90.20), DN khai báo sai tên hàng và mã số nhằm hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp.
9	Than gáo dừa	44029010	44021000	Doanh nghiệp lợi dụng khai báo hàng hóa là than gáo dừa (thuế suất 0%) nhưng thực xuất khẩu than tre (thuế suất 10%) để hưởng thuế suất thấp hơn
10	Thanh gỗ cao su ghép, đã bào, nhẵn và sấy khô	44130000	44072996	Doanh nghiệp lợi dụng để khai báo từ gỗ cao su xẻ (thuế suất 255) thành gỗ cao su ghép (thuế suất 0%) để hưởng thuế suất thấp hơn
11	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã bào hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép đầu nối, có độ dày trên 6mm	44219999	4407991010 4407991090 4407999010 4407999090	Khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
12	Chân bàn, chân ghế (bộ phận của ghế ngồi) (Hàng XK)	94019099	4407	Mặt hàng bản chất là gỗ dạng thanh (thuộc nhóm 44.07), DN khai báo sai tên hàng, mã số nhằm hưởng thuế suất khẩu thấp
13	Sản phẩm gỗ Cao su- Thanh gỗ cao su được ghép ngang và dọc dùng làm trụ cầu thang - DRIED RUBBER WOOD LUMBER (44mm - 55mm X 53mm - 55mm X 800mm - 1100mm	44129990	4407991090 4418	khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất xuất khẩu thấp hơn Trường hợp mặt hàng là sản phẩm loại có thể sử dụng được ngay thì xem xét phân loại vào nhóm 4418

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
14	Gỗ cao su dạng thanh	44130000	44072969 4418	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hoá nhằm hưởng mức thuế suất thấp. Trường hợp mặt hàng là sản phẩm loại có thể sử dụng được ngay thì xem xét phân loại vào nhóm 4418
15	Ván lạng	44123900 44129990	44089010 44089090	Bản chất mặt hàng là gỗ nguyên liệu, DN khai báo là gỗ thành phẩm để được hưởng thuế suất thấp. (VD DN khai báo gỗ ván bạch đàn rừng trồng, mã 4412.39.00 thuế xk 0%, nhưng kiểm tra thực tế là gỗ ván bóc, lạng mã số 4408.90.90, thuế xk 10%)
16	Gỗ để làm sàn hoặc ván sàn, chưa lắp ghép	44189990	44092100 44092200 44092900 44091000	DN khai sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp
17	Ván gỗ cao su ghép dọc – ngang AB (29 x 47 x 860)mm	44187900	44092900	khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất xuất khẩu thấp hơn
18	Đồ kim hoàn bằng vàng, đồ kỹ nghệ bằng vàng, các sản phẩm khác bằng vàng.	7113191090 7113199090 7114190090 7115901090	7113191010 7113199010 7114190010 7115901010	Do thuế xuất khẩu chênh lệch nên DN có thể: + Vàng ở dạng nguyên liệu xuất khẩu khai báo là vàng trang sức, kỹ nghệ để được hưởng thuế suất thuế XK 0%. + Gian lận ở phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng. + Gian lận là xuất khẩu theo hình thức gia công xuất khẩu hoặc gian lận để đủ điều kiện để xác định là được sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu nhập khẩu, xk theo loại hình sản xuất xuất khẩu để không phải xuất trình Phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng.
19	Hộp kim đồng thau dạng tấm có kích thước (14x100x500)mm, hàng mới 100%	74092900	74072100	DN khai báo là dạng tấm mà không khai báo là dạng thanh nhằm hưởng thuế suất xuất khẩu thấp hơn

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
20	Đồng tinh luyện và hợp kim đồng, chưa gia công Đồng ở dạng thanh, que, hình	74091900 74092900 74093900 74094000 74099000 74199999	74031200 74031300 74031900 74032100 74032200 74032900 74071030 74071040 74072100 74072900	Khai báo mã số sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn.
21	Nhôm ở dạng thanh, que và hình	76069100 76069200 76109099 76169990	76041010 76041090 76042110 76042190 76042910 76042930 76042990	Mặt hàng bản chất là Nhôm dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
22	Nhôm chưa gia công hợp kim dạng hình được sản xuất từ phế liệu.	76169990	76012000	DN khai báo sai mã số nhằm hưởng mức thuế suất xuất khẩu thấp hơn
23	Xi nhôm: AL Alloy, hàng mới 100%, xuất xứ Việt Nam.	2620190090	7601200010	Khai sai tên hàng, mã số (hàng là Nhôm hợp kim - hàm lượng nhôm thấp %Al~82,9%, chứa nhiều sắt %Fe ~11,1%, thu từ quá trình phân tách xỉ hợp kim nhôm kẽm, phế liệu nhôm kẽm)
24	Thiếc dạng thanh, que, hình	80070099	8003009010	Mặt hàng bản chất là Thiếc dạng thanh, que, hình. DN khai báo sai mã số, mục đích sử dụng thực tế hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
25	Phế liệu và mảnh vụn của mangan	8111009010 8111009090	81110010	Hàng khó phân biệt, doanh nghiệp khai sai để áp thuế suất thấp
26	Phế liệu và mảnh vụn của Zircon và các sản phẩm làm từ zircon	8109900010 8109900090	81093000	Hàng khó phân biệt, doanh nghiệp khai sai để áp thuế suất thấp
27	Crôm	8112290010 8112290090	81122200	Hàng khó phân biệt, doanh nghiệp khai sai để áp thuế suất thấp
28	Gốm kim loại và các sản phẩm làm từ gốm kim loại, kể cả phế liệu và mảnh vụn	8113000020 8113000090	8113000010	Hàng khó phân biệt, doanh nghiệp khai sai để áp thuế suất thấp
29	Antimon và các sản phẩm làm từ antimon, kể cả phế liệu và mảnh vụn	8110900010 8110900090	81102000	Hàng khó phân biệt, doanh nghiệp khai sai để áp thuế suất thấp

Thư

Phụ lục II
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2679** /QĐ-TCHQ ngày **19/7/2021**
của Tổng cục Hải quan))

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
1	Thịt và phụ phẩm ăn được của gà lôi	98010000	02076000	Khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính đã chặt mảnh của mặt hàng) nhằm hưởng mức thuế suất thấp tại Chương 98, mã số 9801.00.00
2	Cá nước ngọt (còn sống)	03019310	03019390	Khai báo sai mục đích sử dụng từ cá chép thường thành cá chép để làm giống nhằm hưởng mức thuế suất thấp.
3	Động vật giáp xác đông lạnh đã được hun khói: - Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác; - Cua ghe vỏ mềm; - Tôm hùm naup - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh; - Tôm shrimps và tôm prawn khác: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh...	03061190 03061290 03061410 03061500 03061600 03061711 03061719 03061721 03061722 03061729 03061730 03061790 03061900	03061110 03061210 98041410 98041600 98041711 98041719 98041721 98041722 98041729 98041730 98041790 98041900	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính hun khói của hàng hóa) nhằm áp dụng mã số hàng hóa có mức thuế suất thấp hơn (để không áp dụng chương 98)
4	Động vật giáp xác không đông lạnh đã được hun khói (loại đóng hộp kín khí) - Tôm hùm (Homarrus spp.); - Cua ghe; - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh; - Tôm shrimps và tôm prawn khác	03069329 03069529 03069929	03069321 98042819 03069921	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng (không khai báo đặc tính hun khói của hàng hóa) nhằm áp dụng mã số hàng hóa có mức thuế suất thấp hơn (để không áp dụng chương 98)
5	Khoai tây chiên	20052011	19059080	Bản chất hàng hóa là snack nhưng doanh nghiệp khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (trường hợp có C/O mẫu D, thuế suất từ 0% --> 5%), gian lận về mức thuế MFN từ 18%--> 20%

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
6	Chế phẩm hương liệu dùng trong chế biến thực phẩm/Katsuobushi Powder KFP-103	33021090	21069098	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất FTA thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm hương liệu dùng trong chế biến thực phẩm, dạng bột, màu trắng. Thành phần gồm: Hỗn hợp các chất thơm ~ 2% gồm Terpeneene, Linalool, thymol, cymene... và maltodextrin
7	Xi măng chịu lửa, xi măng cao nhôm, xi măng xỉ (xốp) đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanke	38160010	25232100 25232990 25233000	Khai báo sai độ chịu lửa để vào mã số có thuế suất thấp hơn Khai sai mã số hưởng/ áp dụng các biểu FTA nhằm lấy thuế xuất thấp
8	Than Anthracite/ Than Bitum/ Than đá loại khác	27011210 27011290 27011900	27011100	Lợi dụng mặt hàng khó xác định thành phần: than nguyên khai có hàm lượng than Anthracite/than trộn (hỗn hợp gồm Than Anthracite và than đá khác, để khai báo không đầy đủ tên hàng nhằm phân loại vào mã số có thuế bảo vệ môi trường thấp. Cụ thể: Khai sai giới hạn chất bốc (>14%) hoặc khai tỷ lệ chất bốc của than nguyên khai/than trộn (hỗn hợp gồm than Anthracite và than đá khác) để khai báo tên hàng vào mặt hàng Than bitum (than mỡ) hoặc than đá khác (thực tế hàng hóa là than Anthracite hoặc than nguyên khai/than trộn hỗn hợp có thành phần Anthracite). Đối với mặt hàng than đá: -Than Anthracite: Thuế BVMT là 30.000đ/tấn - Than bi-tum: Thuế BVMT là 15.000đ/tấn Căn cứ Khoản 3 Điều 7 Thông tư 12/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.
9	Magiê Sulphat	31022900	28332100	Loại không phải dùng làm phân bón nhưng Khai báo là phân trung lượng bón rễ Magnesium Sulphate để không chịu thuế GTGT
10	Barisulphate	25111000	28332700	Khai sai bản chất để hưởng thuế suất FTA thấp. Bản chất mặt hàng là Barisulphate tổng hợp
11	Hạt nhựa nguyên sinh (đã hoặc chưa hóa dẻo) chưa pha trộn với chất nào khác	390421	39041010	Khai báo vào loại khác để hưởng thuế suất ưu đãi là 0% đối với mã 3904.21.90 hoặc hưởng TS ưu đãi đặc biệt 0% (C/O mẫu E)

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
12	Màng PVC, PVC Film - 0.40T, dạng cuộn, loại không xếp, chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ, kt 518mm*130M. Hàng mới 100%	39219049	39204390	Khai sai mã HS để được hưởng thuế ưu đãi đặc biệt theo C/O form KV là 0%. Tuy nhiên, theo KQPTPL thì mặt hàng không được hưởng thuế ưu đãi đặc biệt. KQPTPL số 505/TB-KĐ2 ngày 4/5/2020 của Chi cục KĐHQ 2
13	Gỗ dán Plywood	44123900	44123300	Thực tế 01 hoặc 02 lớp gỗ ngoài cùng là gỗ không thuộc họ lá kim (gỗ Dái Ngựa; Dương (Polar); Bạch Đàn...) nhưng cố ý khai vào loại có 01 hoặc 02 lớp gỗ ngoài cùng thuộc họ lá kim để gian lận thuế Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
14	Ván plywood	44123900	44123400	Khai báo sai tên hàng, mã số để được hưởng ưu đãi C/O từ Trung Quốc
15	Thanh nẹp phào trần bằng gỗ đã qua xử lý nhiệt và sơn tráng phủ dùng làm khung ảnh	44219190 44219999	44140000	Khai báo vào nhóm sản phẩm khác bằng gỗ để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt khi có C/O form E
16	Giấy phủ màng metalize	48119099	48115999	Doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp, mã số đúng không được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt form E
17	Hộp đựng thức ăn bằng giấy làm từ bã mía loại 1 ngăn có nắp liền dùng 1 lần, kt (600ml, 18g), Hiệu Queen pack, NSX Jinhua Zhongsheng Fiber Product Co., LTD, mới 100%	48236900	48195000	DN khai hộp đựng thức ăn thành khay đựng thức ăn để hưởng thuế suất Biểu ACFTA thấp hơn
18	Vải dệt thoi (vải bò)	52114900	52114200	Doanh nghiệp khai sai tên hàng, mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất tại các biểu thuế ưu đãi đặc biệt. Thực tế hàng là Vải denim. thuế suất ưu đãi đặc biệt Form E 15%, thuế suất NK ưu đãi 12%.
19	Vải dệt thoi, thành phần Polyester Rayon Spandex, đã nhuộm chưa tráng phủ hay ngâm tẩm, dạng cuộn khổ 1.5m, mới 100%	54079200	55151200	Khai không đầy đủ tên hàng, sai mã số để hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%. Bản chất mặt hàng là vải từ xơ stape, không phải từ filament

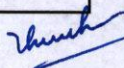
STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
20	Vải dệt thoi 100% sợi filament polyeste, khổ 235cm, định lượng 72g/m ² , vải trơn không dún, loại đã nhuộm, dùng để may ga giường, mới 100%; Mã HS: 54076190; thực tế hàng là: Vải dệt thoi, thành phần gồm 55% xơ staple polyester và 45% filament polyester, chưa ngâm tẩm hay tráng phủ bề mặt, dạng cuộn, khổ 2,35 m; mã HS: 55151200	54077400	55151200	Khai sai tên hàng nhằm áp sang mã khác có thuế suất FTA thấp hơn
21	Vải dệt thoi 100% polyeste đã nhuộm, đã in hình, kích cỡ: dài 528,88m, rộng 2.33m, định lượng 70g/m ² , Có tỷ trọng sợi filament polyeste không dún từ 85% trở lên, hàng mới 100%; xuất xứ: Trung Quốc; mã HS: 54076190, thực tế hàng là: Vải dệt thoi, thành phần 59,2% xơ staple polyester và 40.8% filament polyester chưa ngâm tẩm, tráng phủ bề mặt, đã in, dạng cuộn, khổ 2,33m, định lượng 70g/m ² mã HS: 55151200	54076190	55151200	Khai sai tên hàng nhằm áp sang mã khác có thuế suất FTA thấp hơn (KQPTPL tại TB số 1186/TB-KĐ2)
22	Mex dựng (từ sản phẩm không dệt)/ Sản phẩm không dệt/ Vải không dệt	56031100 56031200 56031300 56031400	56039100 56039200 56039300 56039400	Mặt hàng có bản chất từ xơ stape nhưng lại khai báo từ filament nhân tạo để hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp hơn.

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
23	Vải không dệt từ sợi polyester (23GCX40") (Trọng lượng 23g/m ²)	56039100	56039200	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế có trọng lượng 27g/m ² nhưng DN cố ý khai mã số thuộc mặt hàng có trọng lượng nhỏ hơn 25g/m ² để gian lận thuế. Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
24	Vải mùng, 100% polyester từ xơ nhân tạo, dệt kim sợi dọc	60059090	60053790	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Vải dệt kim sợi dọc, thành phần 100% polyester, bề mặt vải chưa được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, vải đã nhuộm, dạng cuộn. Khai sai mã số để được áp dụng các Biểu thuế FTA (Form E) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt
25	Vải dệt kim	60069000	60053790	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất FTA thấp hơn (KQPTPL số 4138/TB-TCHQ ngày 13/7/2018)
26	Vải dệt kim	60069000	60063290	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất ACFTA thấp hơn (KQPTPL số 6334/TB-TCHQ ngày 06/07/2016)
27	Gạch ống chịu lửa, bọc lõi ra thép dùng trong sản xuất thép (Thành phần, MgO=76,42%, C>=14%.ĐK lỗ: DN110mm, ĐK ngoài: 220mm, dài 1440mm. Tuổi thọ > 200 m.) NSX: GREAT WALL ENTERPRISE LIMITED.mới 100%.	69032000	69032090	Khai sai tên hàng, mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế FTA phải nộp (Ống chịu lửa, bọc lõi ra thép dùng trong sản xuất thép (Thành phần, MgO=76,42%, C>=14%.ĐK lỗ: DN110mm, ĐK ngoài: 220mm, dài 1440mm. Tuổi thọ > 200 m.) NSX: GREAT WALL ENTERPRISE LIMITED.mới 100%).
28	Kính nổi dùng trong xây dựng	70060090	70052190	Khai báo Kính nổi đã gia công, áp mã 70060090 TSNK ưu đãi 30% (C/O form E 0%), thực tế hàng là Kính nổi đã phủ màu mờ, không có cốt thép, chưa gia công thuộc mã 70052190 TSNK ưu đãi 40% (không được hưởng C/O form E)
29	Kính dán cường lực nhiều lớp, xuất xứ Ấn độ	70072990	70080000	Khai sai tên hàng, mã số để hưởng ưu đãi đặc biệt C/O AI

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
30	Mặt hàng thép không hợp kim, dạng cuộn, cán phẳng	7208 7210	7207 7210	- Khai báo vào nhóm 72.08, 72.10 thay vì nhóm 72.10 để hưởng thuế suất thấp - Khai báo vào nhóm mã 72.08, 72.10 thay vì nhóm 72.07 để trốn thuế tự vệ hoặc thay vì nhóm 72.10 để trốn thuế chống bán phá giá. - Khai báo là hàng mới 100% nhưng thực tế doanh nghiệp nhập khẩu hàng đã qua sử dụng, hàng tận dụng từ các nhà máy thép tại nước ngoài nhằm tránh bị quản lý chính sách mặt hàng đối với sắt, thép phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Công văn số 7347/TCHQ-ĐTCBL ngày 18/11/2020 của Tổng cục Hải quan
31	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng thanh và que, dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng dùng làm thép cốt bê tông, có mặt cắt ngang hình tròn đường kính dưới 14mm	72139190	72139120	Mã 72139190 không chịu thuế tự vệ và có mức thuế suất MFN thấp nên DN khai báo vào mã số này mặc dù bản chất của mặt hàng là thép cốt bê tông
32	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng thanh và que, dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng dùng làm thép cốt bê tông, có mặt cắt ngang hình tròn đường kính $\geq 14\text{mm}$	72139990	72139920	Mã 72139990 không chịu thuế tự vệ và có mức thuế suất MFN thấp nên DN khai báo vào mã số này mặc dù bản chất của mặt hàng là thép cốt bê tông
33	Thép không gỉ cán phẳng, cán nguội, chiều dài dưới 4.75mm, chiều rộng từ 600mm trở lên, đã được ủ hoặc được xử lý nhiệt	72193200 72193300 72193400 72193500	72193200 72193300 72193400 72193500	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng "Thép không gỉ cán phẳng, cán nguội, chiều dài dưới 4.75mm, chiều rộng từ 600mm trở lên, đã được ủ hoặc được xử lý nhiệt" để hưởng chênh lệch thuế chống bán phá giá
34	Thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, gia công quá mức cán nguội, đã được ủ hoặc được xử lý nhiệt	72199000	72199000	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng "Thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, gia công quá mức cán nguội, đã được ủ hoặc được xử lý nhiệt" để hưởng chênh lệch thuế chống bán phá giá
35	Bán thành phẩm của thép hợp kim	72254090	72249000	Khai báo là thép tấm cán nóng để tránh thuế tự vệ



STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
36	Ống thổi oxy trong lò luyện thép, đường kính ngoài phi 20mm và đường kính trong 17mm, chiều dài 4m, có đường hàn, bằng thép không hợp kim, hàng mới 100% do TQ SX	73063099	73063091	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế. Thuế MFN của hai mã số đều bằng 10% nhưng mã số 73063091 có thuế FTA cao hơn.
37	Bộ sản phẩm đóng gói bán lẻ mới 100% (gồm: Bulông dài 75mm, đường kính thân 3mm: 04 cái; tắc kê nhựa 55mm: 04 cái; 02 chìa khóa thép dài 100mm và 70mm; bút phốt 100mm: 01 cái; long đèn thép, đường kính ngoài 20mm: 05 cái; bass sắt: 02 cái; 01 miếng đỡ bằng cao su: 01 cái)	83024290	73181510	DN sử dụng C/O khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp hơn
38	Phôi nhôm	76012000	76042910	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Nhôm hợp kim, mặt cắt ngang đồng đặc hình tròn, ở dạng thanh và que được ép đùn DN cố tình khai ở dạng chưa qua gia công để gian lận thuế
39	Vách nhôm	76101090	76109099	Doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp đối với trường hợp hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt form E Nhiều doanh nghiệp khai báo khung vách nhôm cửa các loại áp mã HS 7610.10.90 (Cửa ra vào, cửa sổ, khung cửa, ngưỡng cửa ra vào) để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo hiệp định ACFTA, tuy nhiên khi kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng chỉ là vách nhôm cố định mã HS 7610.90.99
40	Tấm, thanh, dạng hình, ống và các loại tương tự bằng nhôm, đã được gia công để sử dụng làm kết cấu	76042990	76109099	Khai báo không đủ về mô tả hàng hóa (mức độ gia công), mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
41	Nhôm thanh định hình đã được gia công sử dụng làm kết cấu	76042990	76109099	Khai báo mã số là nhôm thanh định hình chưa được gia công để hưởng thuế suất thấp hơn.

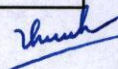
thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
42	Linh kiện xe đạp điện không đồng bộ: Khóa điện (kèm chìa khóa). Sử dụng cho model: DK Poke, Dktron. Hàng mới 100%, do TQ SX	83014090	83012000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất FTA thấp
43	Bản lề sàn MG-FS1, loại xoay 2 chiều bằng thép không gỉ, dùng cho cửa thoát hiểm, hàng mới 100%	83024999	83021000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất FTA thấp
44	Hộp đựng bút học sinh vỏ sắt	42023900	83040099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa, Thuế FTA mã 83040099 cao hơn
45	Bơm nước	84137x	84138113	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế NK thấp Bơm nước không phải bơm ly tâm, nhưng áp mã bơm ly tâm để hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt 0% (C/O mẫu E) (trong khi bơm nước loại khác 8413.8x thuế suất ACFTA 12%) Các trường hợp khai báo là bơm nước, đề nghị Doanh nghiệp khai báo đầy đủ thông tin là bơm nước loại gì, lưu lượng, đặt chìm dưới biển hay không.... Tương ứng như mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã
46	Điều hòa không khí loại âm trần, áp tường	84158291 84158194	84151010	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (đặc biệt các trường hợp có C/O mẫu E). Tổng cục Hải quan đã có công văn hướng dẫn phân loại số 1922/TCHQ-TXNK ngày 03/4/2019.
47	Tủ đông lạnh dung tích trên 200 lít	84183090	84185099	Mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp theo ưu đãi CO mẫu E
48	Bình làm nóng, lạnh nước hoạt động bằng điện	85167990	85161011 85161019	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp (C/O mẫu E)
49	Bộ loa đã lắp cùng 1 vỏ loa	85182990	85182290	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp (trường hợp có C/O mẫu E)
50	Camera giám sát	85258051 85258059	85258040	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp
51	Cáp điện bọc nhựa PVC	85444949	85444941	Khai sai chất liệu bọc của cáp điều khiển (cáp điện nhằm hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp (trường hợp có C/O mẫu E)

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
52	Cáp điện không dùng cho viễn thông, điện áp trên 80V nhưng không quá 1000V, cách điện bằng plastic	85444942 85444949	85444941	Khai sai mã số để được hưởng thuế suất UĐDB thấp hơn (Khai báo sai chất liệu cách điện (thực tế nhựa, khai cao su))
53	Linh kiện, phụ tùng để lắp ráp xe đạp (trừ xe đạp đua)	87149110 87149191 87149199 87149290 87149490	87120020 87120030 87120090	Doanh nghiệp khai báo vào các mã linh kiện, phụ tùng xe đạp. Bản chất mặt hàng nhập khẩu là các linh kiện, phụ tùng đồng bộ của xe đạp (có thể nhập cùng chuyến hoặc nhiều chuyến để tránh việc áp mã số theo xe nguyên chiếc). Việc khai báo không chính xác còn dẫn tới rủi ro về gian lận xuất xứ đối với xe đạp xuất khẩu.
54	Linh kiện, phụ tùng xe đạp điện	871410	87116011 87116091	Doanh nghiệp khai báo vào các mã linh kiện, phụ tùng xe đạp điện, để được hưởng mức thuế suất thấp hơn. Bản chất mặt hàng nhập khẩu là các linh kiện, phụ tùng đồng bộ của xe đạp điện
55	Phụ kiện cho máy rửa phim Ecomat 9000, ELK,	90330010	90109010	DN khai báo sai mã số để hưởng thuế FTA thấp
56	Kệ để đồ dùng trong tiệm cắt tóc, gội đầu, khung bằng sắt, mặt kệ bằng nhựa, loại 5 tầng có bánh xe di chuyển, hàng tháo rời. Model A903. KT (36*32*82.5) cm +/- 10%. Mới 100%	94038990	94032090	DN nhầm lẫn trong phân loại, khai báo sai mã số để hưởng thuế ACFTA thấp
57	Bàn ăn F-404A, đồ nội thất dùng trong phòng ăn khách sạn, kt: 1100x750 (mm), hàng mới 100%	94038990	94032090	DN nhầm lẫn trong phân loại, khai báo sai mã số để hưởng thuế ACFTA thấp
58	Bàn uống coffee F-412, đồ nội thất dùng trong phòng ăn khách sạn, chất liệu: đá + thép, kt: 500x550(MM), hàng mới 100%	94038990	94032090	DN nhầm lẫn trong phân loại, khai báo sai mã số để hưởng thuế ACFTA thấp
59	Bàn phụ trang trí F-420, đồ nội thất trang trí sảnh casino, kt: 505x505x605(MM), đơn giá đúng: 8307,69 HKD, hàng mới 100%	94038990	94032090	DN nhầm lẫn trong phân loại, khai báo sai mã số để hưởng thuế ACFTA thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
60	Bàn tròn/vuông/chữ nhật, mặt bàn bọc giả da, khung thép	94032090	94031000	DN khai báo sai mã số để hưởng thuế FTA thấp
61	Bàn tròn có khung bằng nhôm	94032090	94031000	DN khai báo sai mã số để hưởng thuế FTA thấp
62	Tủ gỗ công nghiệp mini chưa hoàn thiện, có cửa và ngăn kéo, dùng trong phòng khách, đã qua xử lý nhiệt, tăng độ cứng cho gỗ, kích thước 540*500*430mm	94036090	94033000 94034000 94035000	DN khai báo sai mã số để hưởng thuế FTA thấp
63	Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong phòng khách	94036090	94033000 94034000 94035000	Khai sai mục đích sử dụng nhằm hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt C/O mẫu E 0%
64	Khung ghế Sô-fa có thể chuyển thành giường bằng sắt	94019099	94032090	DN sử dụng C/O Form E khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp hơn. thực tế hàng hóa là Giường bằng khung thép, mặt giường bằng vải bố, được thiết kế làm thành mặt ghế khi gắn với Ghế Sofa, có thể gấp xếp lại hoặc mở ra
65	Thép hợp kim dạng thanh dùng để sản xuất nhíp ô tô. Phù hợp với tiêu chuẩn JIS G4801	72286090	98110010	Doanh nghiệp không khai báo thành phần, đặc tính của hàng hóa để không khai báo theo mã số Chương 98 hưởng mức thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
66	Thép hợp kim dạng dây, được gia công tạo hình nguội, mặt cắt ngang hình tròn 2.1mm,	72299099	98110090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Dây thép hợp kim – Hàm lượng Bo lớn hơn 0,0008% tính theo trọng lượng (Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim), chưa qua sơn, phủ, mạ hoặc tráng.
67	Ổng chống bằng thép hàn có đầu nổi đi kèm, đường kính từ 20 inch đến 36 inch, sử dụng trong khoan dầu hoặc khí	73052000	98280000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
68	Thép hợp kim Cr hoặc Bo, cán nóng	72139190 72279000	98110010	Bản chất hàng hóa là Thép hợp kim có chứa Cr hoặc Bo, cán nóng thỏa mãn điều kiện thuộc chương 98, mã số 9811.00.00 TS 10%, đồng thời chịu thuế Tự vệ và thuộc diện có giấy phép NK. Tuy nhiên, DN khai báo là thép không hợp kim, cán nóng, dạng cuộn, áp mã 72139190 TSNK ưu đãi 3%, hoặc khai báo mã 72279000 TSNK ưu đãi 0%.



STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
69	Thép hợp kim có chứa nguyên tố Bo và/hoặc Cr và/hoặc Ti với điều kiện các nguyên tố Bo, Cr, Ti là những nguyên tố quyết định tính hợp kim của thép; không có nguyên tố khác ngoài các nguyên tố trên, trừ chủng loại thép cán phẳng được cán nóng	7225 7226 7227 7228 7229	98110010 98110090	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
70	Ống chống và ống khai thác bằng thép hàn có ren, đường kính từ 2 - 3/8 inch đến 20 inch, sử dụng cho khoan dầu khí, loại bằng thép không gỉ	73062100	98291000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
71	Ống chống và ống khai thác bằng thép hàn có ren, đường kính từ 2 - 3/8 inch đến 20 inch, sử dụng cho khoan dầu khí, loại khác	73062900	98292000	Không Khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
72	Kính tối an toàn dùng cho xe ô tô (có thể khai báo với các tên khác nhau như : kính cửa, kính cửa sau, kính cửa trước, kính chắn gió, kính hậu, kính chết, kính góc, kính an toàn, kính tối nhiệt an toàn,...dùng cho xe ô tô)	70071110	98451000	DN khai báo không đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc Chương 70 Mã hàng này được chi tiết tại Chương 98, nhóm 9845 với các yêu cầu chi tiết về hàng hóa với các tiêu chí như như độ dày, loại cường lực ... Lưu ý: mặt hàng khai báo mã số 9845.10.00 phải là "Phụ tùng linh kiện ô tô nhập khẩu để triển khai QĐ số 229/QĐ-TTg ngày 4/2/2016 về cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô", được quy định chi tiết tại Chương 98 Nghị định số 57/2020

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
73	Kính dán an toàn nhiều lớp dùng cho xe ô tô (có thể khai báo với các tên khác nhau như : kính cửa, kính cửa sau, kính cửa trước, kính chắn gió, kính hậu, kính chết, kính góc, kính an toàn, kính tôi nhiệt an toàn,...dùng cho xe ô tô)	70072110	98452000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc Chương 70 Lưu ý: mặt hàng khai báo mã số 9845.20.00 là "Phụ tùng linh kiện ô tô nhập khẩu để triển khai QĐ số 229/QĐ-TTg ngày 4/2/2016 về cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô", được quy định chi tiết tại Chương 98 Nghị định số 57/2020
74	Bạc nhíp (dùng cho động cơ xe của Chương 87)	84833030	98454000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
75	Bạc phụ tùng dùng cho bộ bánh răng và cụm bánh răng khớp, trục bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động ở dạng riêng biệt; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn.	84834040	98455000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
76	Ổng xy lanh khác dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87	84099944	98453000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
77	Hộp số đã lắp ráp hoàn chỉnh (loại khác)	87084029	98458000	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Hộp giảm tốc trục vít-bánh vít" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
78	Bộ phận của hộp số (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87084092	98459010	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Ổng dẫn sửa dụng cho dẫn dầu hộp số ô tô", để hưởng thuế suất thấp hơn của mã
79	Bánh xe chưa được lắp lốp (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87087032	98459020	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Vành bánh xe". để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương
80	Ổng xả và bộ giảm thanh, bộ phận của chúng (dùng cho xe thuộc nhóm 8703)	87089220	98459090	DN không khai báo theo mã số Chương 98, nhóm 9845 với tên hàng "Ổng xả" để hưởng thuế suất thấp hơn của mã số thuộc 97 Chương

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
81	Xe ô tô có động cơ khác dùng để vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn	87049093	98213093	Mặt hàng có bản chất là bộ linh kiện rời đồng bộ hoặc không đồng bộ để lắp ráp sản xuất ô tô nhưng doanh nghiệp không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp
82	Xe ô tô có động cơ khác dùng để vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn	87049094	98213094	Mặt hàng có bản chất là bộ linh kiện rời đồng bộ hoặc không đồng bộ để lắp ráp sản xuất ô tô nhưng doanh nghiệp không khai báo theo mã số Chương 98 để hưởng thuế suất thấp



Phụ lục III

DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số. **2079** /QĐ-TCHQ ngày **19/7/2021** của
 Tổng cục Hải quan)

STT	Tên hàng hóa		Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra		
1	2	3	4	5	
1	Đuôi trâu đông lạnh không xương (Tail on skint) Hiệu SBW, NSX: Fresh N Frozen Food Tech Pvt Ltd, hàng mới 100%.	02062900	02023000	Khai sai về tên hàng, chủng loại, mã HS, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (Thịt ba chỉ trâu cắt nhỏ đông lạnh không xương (belly) Hiệu SBW, NSX: Fresh N Frozen Food Tech Pvt Ltd, hàng mới 100%).	
2	Thịt dài lợn đông lạnh (FROZEN PORK DIAPHRAGMS). NSX: Martelli F.LLI SPA (mã 643 M), xuất xứ Italia.	02064900	02032900	Khai sai về mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp	
3	Cá saba đông lạnh	03035990 03038911 03038919 03039900	03035420	Khai báo sai mã số hoặc khai sai tên hàng là các loại cá khác để hưởng thuế suất thấp hơn	
4	Mực tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	03074390	'03074310	DN khai báo sai tên khoa học để hưởng thuế suất NK thấp hơn Trường hợp là Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.) thì thuộc 0307.40.10 (thuế MFN 10%)	
5	Kem sữa, kem hoa quả. Chế phẩm từ sữa dành cho trẻ em	19011020	04069000	Khai báo không đầy đủ về thành phần, bỏ qua thành phần chính là pho mát làm ảnh hưởng đến mã số phân loại Thông báo số 787/TB-TCHQ ngày 13/02/2017	
6	Củ tỏi khô	07032090	07129010	Mặt hàng tỏi khô nhưng áp vào mã số tỏi tươi để hưởng thuế suất thấp hơn	
7	Hạt giống ngô ngọt	07139010 10051000 12099190 12099990	07129090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp	
8	Me chua bóc vỏ còn hột	08109060	08134020	Mặt hàng là me khô nhưng khai vào mã số me tươi để hưởng thuế suất thấp hơn	
9	Nguyên liệu thực phẩm bắp hạt/ ngô hạt	10059090	10059010	Mặt hàng có bản chất là ngô hạt dùng để rang nổ (popcorn) nhưng khai báo sai bản chất hàng hóa để áp mã số có mức thuế suất thấp.	

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
10	Bột bắp	11031300 11042300	11022000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột ngô với tỷ lệ trên 90% lọt qua sàng bằng lưới kim loại với kích thước mắt sàng 500µm
11	Bột nở đã pha chế dùng để chế biến thực phẩm bánh (ACTI-FRESH)	21023000	11010011 21069091	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột mỳ và chất nhũ hóa mono and diglycerides của axit béo(E471), natri stearoyl 2-lactylate(E481)...dạng bột hoặc là Hỗn hợp hóa chất thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, dùng trong chế biến thực phẩm
12	Tinh bột	35051010 35051090 38091000	11081100 11081200 11081300 11081400 11081990 19011092 19011099 19012010 19012020 19019019 19019099	Khai báo sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp.
13	Bột Carob - CAROMIC (CAROBA) phụ gia thức ăn chăn nuôi	23080000	12129200	Khai sai chủng loại hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp
14	Than bùn đã đóng bánh, dùng tạo mùn xốp để trồng cây	27030020	14049099	Lợi dụng việc khai báo tên hàng không rõ ràng, không cụ thể thành phần, tính chất, công dụng của hàng hóa nhằm phân loại vào mã số có thuế suất thuế NK thấp hơn. Cụ thể: - Giá thể trồng cây có nguồn gốc thực vật, chưa đủ để chuyển hóa thành than bùn. Thuế suất thuế NK 5% - mã số 1404.90.99 - Than bùn đã đóng bánh. Thuế suất thuế NK 2% - mã số 2703.00.20
15	Dầu hạt ngô - 6280 648 Corn Oil	15152919	15152999	DN khai sai mã số hs để hưởng thuế suất thấp
16	Chất béo thay thế bơ ca cao Choco Hi	15180019	15162098	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dầu hạt cọ đã hydrogen hóa, dạng nhão

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
17	Hỗn hợp dầu thực vật Release Liquid - Release Liquid A V DDPRA-1(41000138)	15180019	15179030	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm tách khuôn có thành phần từ hỗn hợp este của dầu béo, chất nhũ hóa, nước, ...
18	Phụ gia thực phẩm có giá trị dinh dưỡng dùng để chế biến thực phẩm (PALSGAARD 6115)	21069091	15179050	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp dầu thực vật từ lạc, hạnh nhân, tahina...đã hydrogen hóa, dạng rắn
19	NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT BÁNH KẸO: Chất béo thực vật - Oleo 609	15180019	15179090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp của chất béo từ động vật và dầu thực vật, dùng trong chế biến thực phẩm
20	Quick Oil B7401 (Phụ gia thực phẩm) (Hàm lượng chủ yếu là Sáp Carnauba), nguyên liệu sx bánh kẹo	15211000	15179090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Bản chất mặt hàng là chế phẩm dùng trong chế biến thực phẩm có nguồn gốc dầu thực vật, sáp carnauba và vitamin E dạng lỏng.
21	Thực phẩm bổ sung Alaska Deep Sea Fish oil Omega 3,6,9. Lọ 100 viên hăng Nu Health products company	21069099	15179090	Lợi dụng mặt hàng khó xác định bản chất nên khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Mặt hàng là hỗn hợp dầu cá, dầu hạt lanh, dầu hoa anh thảo và các phụ gia khác, dạng viên nang mềm đã được đóng gói bán lẻ 100 viên/lọ
22	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ làm đẹp da, giảm nguy cơ lão hóa, viên nữ sắc Onagre 60 viên nang/hộp	21069072	15179090	Kết quả kiểm tra sau khi có chỉ đạo từ công tác trực ban trực tuyến xác định hàng hóa nhập khẩu thực tế phù hợp phân loại vào mã số 1517.90.90
23	Ruốc cá, ruốc cá hồi	03049900 03054100 21039019	16042099	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
24	Phụ gia thực phẩm chất tạo màu 50# Caramel Glaze Pop (22.68kg/thùng). Hiệu GOLD MEDAL	33021090	17019100	Doanh nghiệp khai báo sai mã HS. Mặt hàng "Caramel Glaze Pop" đã có Thông báo phân loại của Tổng cục Hải quan (Thông báo số 1551/TB-TCHQ ngày 12/3/2020).
25	Hương đường Caramen	21069098	17019100	Doanh nghiệp khai báo sai mã HS để hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn Chênh lệch thuế suất thuế NK từ 8% lên 40% (ngoài hạn ngạch:100%) Thông báo KQPT số 796/TB-KĐ3 ngày 24/5/2021"
26	Đường nâu DARK BROWN SUGAR	17049099	17019910	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất trong hạn ngạch

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
27	Nguyên liệu sản xuất bánh kẹo: Đường Dextrose Anhydrous	17021100	17023010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Đường Glucose dạng bột với hàm lượng Glucose > 99%, DN cố ý khai sai hàm lượng đường là Glucose thành Lactoza để gian lận thuế
28	MALTRIN M100 MALTODEXTRIN 25KG/BAG: Nguyên liệu thực phẩm - Đường Maltodextrin dạng bột, hàm lượng đường khử tính theo hàm lượng chất khô dextroza xấp xỉ 12%, mới 100%.	35051010	17029099	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp (hàng là Maltodextrin dạng bột, hàm lượng đường khử tính theo dextrose xấp xỉ 12% tính theo trọng lượng khô) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 595/TB-KĐ2 ngày 29/05/2020
29	Viên ngậm ho	3004	1704 2106	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
30	Sô cô la loại khác ở dạng khối, miếng, thanh	18063100	18063200	Hàng nhập khẩu là loại không có nhân nhưng doanh nghiệp khai báo là có nhân để hưởng mức thuế suất thấp hơn
31	Sô cô la dạng viên không nhân	18069010	18063200	Hàng nhập khẩu dạng khối không nhân (hình nón...), nhưng doanh nghiệp khai báo là dạng viên không nhân để hưởng mức thuế suất thấp hơn Thông báo số 832/TB-TCHQ ngày 14/2/2017
32	Nguyên liệu sản xuất bánh kẹo: Hỗn hợp Bột ca cao và bột whey	18061000	18069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất FTA thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dạng bột, thành phần: bột ca cao, bột whey – lactose, protein, dùng trong sản xuất bánh.
33	Thực phẩm bổ sung GOLD STANDARD 100% WHEY-MOCHA CAPPUCCINO, dạng bột, 5LB (2.27kg), thành phần hỗn hợp whey Protein, lượng protein 77%, Cacao < 5%, đã khử Maltodextrin, chất béo, mới 100%	19019032	18069090	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
34	Thực phẩm bổ sung PLATINUM HYDROWHEY TURBO CHOCOLATE, dạng bột, 3.5LB (1.58kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	18069090	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
35	Thực phẩm bổ sung SYNTHA 6 CHOCOLATE MILKSHAKE, dạng bột, 5LB (2.26kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	18069090	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
36	Hỗn hợp bột khác của hóa chất với thực phẩm hay các chất có giá trị dinh dưỡng dùng để chế biến thực phẩm (PREMIX TEGRAL SATIN CREME CAKE)	21069091	19012010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột trộn để chế biến bánh ngọt chứa tinh bột, carboxymethylxenlulo, chất nhũ hóa..., không chứa ca cao
37	Kem đặc có đường; thành phần được làm từ đường, nước tinh lọc, bột sữa, dầu thực vật	04029900	19019031	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
38	Thực phẩm bổ sung SERIOUS MASS CHOCOLATE , dạng bột, 12LB (5.44kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	19019032	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo số 1987/TB-KĐ3 ngày 02/12/2019 của Chi cục KĐHQ 3
39	Thực phẩm bổ sung TRUEMASS 1200 CHOCOLATE MilkShake, dạng bột, 10.38LB (4.71kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	19019032	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo số 625/TB-TCHQ ngày 4/2/2020
40	Thực phẩm bổ sung SERIOUS MASS VANILLA dạng bột, 6LB (2.72kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	19019039	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo số 1987/TB-KĐ3 ngày 02/12/2019 của Chi cục KĐHQ 3
41	Thực phẩm bổ sung GOLD STANDARD 100% WHEY DOUBLE RICH CHOCOLATE dạng bột, 2LB (907g), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100	21061000	19019032	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo 4702/TB-TCHQ ngày 14/7/2020 Chế phẩm thực phẩm , dạng bột, thành phần có chứa whey protein (theo TLKT), hàm lượng protein tính theo Nitơ tổng ~77% tính theo trọng lượng ở thể khô , cacao <5% trọng lượng đã khử toàn bộ chất béo , maltodextrin..., đóng gói bán lẻ.

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
42	Thực phẩm bổ sung SYNTHA 6 Isolate - CHOCOLATE MILKSHAKE, dạng bột, 2.01LB (912g), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	19019032	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo 626/TB-TCHQ ngày 04/2/2020 Chế phẩm thực phẩm có chứa protein từ sữa ~67,29% tính theo trọng lượng chất khô, cao dưới 5% trọng lượng đã khử toàn bộ chất béo, chất làm ngọt, hương liệu..., dạng bột, đã đóng gói bán lẻ trong hộp nhựa, trọng lượng 912g/hộp
43	Cháo Shimaya, thành phần: gạo, trứng gà, cá, muối, tinh bột, dầu, táo bẹ, trọng lượng: 250 g/ gói	19011099	19019099	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Thông báo 1386/TB-TCHQ ngày 12/03/2019
44	Miến ăn liền ngũ vị Hikari Miso, 126g/gói, 4x8=32 gói/thùng, NSX: Hikari Miso Co., Ltd. Hàng mới 100%.	19023040	19023030	Khai sai mã để hưởng thuế suất thấp. Mặt hàng khai báo vào mã mì ăn liền nhưng thực tế lại là miến
45	Hạt trân châu (có thành phần từ tinh bột)	2106	19030000	Doanh nghiệp khai báo sai mã HS để hưởng thuế suất thấp hơn
46	Chế phẩm dùng cho trẻ em đã đóng gói bán lẻ - (Cơm nhão trộn gia vị bổ sung như rau, thịt gà...) dùng cho trẻ từ 9 tháng tuổi, 1 gói 80g, HSD 18 tháng (kiểu chế phẩm ăn dặm trẻ em)	19011092 19011099	19049010	Sản phẩm mới dễ nhầm với các mặt hàng thuộc nhóm 19.01 Thông báo số 782, 784, 785, 786/TB-TCHQ ngày 27/01/2016
47	Bắp mảnh nhỏ	10059090	1904	Mặt hàng NK là các mảnh bắp đã được làm chín sơ
48	Yến mạch các loại	11041200	19041090 19042010 19042090	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất ((không khai báo đã được làm chín hay chưa, đã rang hay chưa rang)
49	Bánh không nướng, Bánh quy ngọt, Bánh quy mềm	19053110 19053120	19051000 19052000 19053210 19053220 19054010 19059090	Khai sai mã số nhằm hưởng mức thuế suất thấp
50	Kẹo Malenkoe; Kẹo sữa mềm Chudo có nhân lạc, dừa; Kẹo sữa mềm không nhân Ariadna	17049099 18063100 18069090	19053220	Khai sai bản chất mặt hàng. Kẹo Malenkoe Thông báo XĐTMS số 6694/TB-TCHQ ngày 13/10/2017 Kẹo chudo, kẹo Ariadna: Thông báo gi ống như 224/TB-KĐ ngày 28/2/2017

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
51	Kẹo sữa dừa hạnh nhân Archello, kẹo đường, không chứa cacao, không gelatin, mới 100%, xuất xứ Thổ Nhĩ Kỳ.	17049099	19053220	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp (cấu tạo sản phẩm là: sản phẩm dạng khối cầu, có cấu tạo 3 lớp, lớp ngoài cùng là lớp kem mềm, màu trắng, bề mặt có phủ dừa nạo, bao bọc toàn bộ sản phẩm, lớp tiếp theo là lớp bánh xốp tạo nên dạng khối cầu cho sản phẩm, lớp trong cùng là lớp nhân gồm kem, 1 hạt hạnh nhân, không chứa socola) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 77/TB-KĐ1 ngày 19/02/2020
52	Mặt hàng Snack khoai tây và Snack bắp; khoai tây chiên vị BBQ Snack khoai tây chiên vị tự nhiên; Snack khoai tây chiên vị hành, kem chua; Snack bắp Bacon Cheddar Cheese	19041090	19059080	Khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp. Bản chất mặt hàng ở dạng miếng, lát. Thành phần gồm tinh bột khoai tây, gia vị, hương vị, chất béo
53	Khoai tây chiên, bánh lát khoai tây các vị khác nhau (đóng gói trong hộp giấy); Khoai tây chiên các loại hiệu Pringles	20041000 20052011 20052019 20052091 20052099	19059080 19059090	Khai báo khoai tây chiên nhưng thực tế là bánh lát bằng khoai tây: bánh làm bằng bột khoai tây nhóm 1905) sẽ có thuế suất cao hơn so với khoai tây lát (nhóm 2004, 2005) chiên rồi bảo quản
54	Khoai tây dùng để chiên, trừ dạng lát, dạng mảnh, dạng thanh và dạng que	2005201x	2005209x	Doanh nghiệp lợi dụng thay đổi thuế suất của các dòng hàng để khai thuế suất thấp
55	Chế phẩm dùng trong sản xuất TẮCN : IMMUNOWALL	23099020	21022010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Nấm men dùng hoạt động, dạng bột
56	Hương thịt gà nhân tạo - Chicken base CM - Nguyên liệu sản xuất thực phẩm	33021090	21039029	Bản chất hàng hóa là gia vị hỗn hợp gồm hương liệu, natri glutamate, muối NaCl, doanh nghiệp khai hương thực phẩm để áp thuế suất thấp hơn
57	Bột xuyết dùng trong chế biến thực phẩm	21069099	21041099	Khai báo sai mã số để hưởng mức thuế suất thấp hơn
58	Chế phẩm hương liệu dùng làm hương liệu thực phẩm AMBIANTE (WHITE)	21069098	21069030	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Kem không sữa, thành phần chính từ đường, chất béo, dầu ... dạng lỏng, đóng gói hộp giấy 1000 ml/hộp
59	Thực phẩm bổ sung có thành phần là chất chiết từ rễ và bột của các cây	12119099	21069072	Khai báo sai tên hàng, đặc điểm với nguyên liệu dùng trong chế biến thực phẩm để áp dụng mã số 12119090 nhằm hưởng mức thuế suất thấp

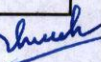
STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
60	Chế phẩm hóa chất dùng trong chế biến thực phẩm	38249970	21069091	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp hóa chất với chất thực phẩm có giá trị dinh dưỡng, dùng trong chế biến thực phẩm.
61	Thực phẩm bổ sung PLATINUM HYDROWHEY VELOCITY VAN 3.5LB (1.58kgs), dạng bột, thành phần hỗn hợp whey Protein, hàm lượng protein 77%, đã khử Maltodextrin, chất béo, hương Vani, mới 100%	19019039	21069099	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông Báo 3768/TB-TCHQ ngày 09/6/2020
62	Thực phẩm bổ sung ISOLATE VANILLA SOFTSERVE, dạng bột, 3.03LB (1.37kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	21069099	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
63	Thực phẩm bổ sung SYNTHA 6 VANILLA ICE CREAM, dạng bột, 10.05LB (4.55kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	21069099	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
64	Thực phẩm bổ sung SYNTHA 6 Isolate -VANILLA Ice Cream, dạng bột, 4.02LB (1.82kgs), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	21069099	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế Thông báo số 626/TB-TCHQ ngày 4/2/2020 Chế phẩm thực phẩm có chứa protein từ sữa ~67,29% tính theo trọng lượng chất khô, cao dưới 5% trọng lượng đã khử toàn bộ chất béo, chất làm ngọt, hương liệu..., dạng bột, đã đóng gói bán lẻ trong hộp nhựa, trọng lượng 912g/hộp.
65	Thực phẩm bổ sung ISOPURE ZERO CARB STRW & CREAM, dạng bột, 1.00LB (453g), thành phần chính Protein cô đặc, mới 100%	21061000	21069099	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
66	Nguyên liệu thực phẩm Chocolate coating	21069098	21069099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Đối với các mặt hàng này, đề nghị khai báo rõ thành phần, công dụng, quy cách đóng gói..

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
67	Nước giải khát Sangaria (vị dưa lưới - Melon soda 500g, vị nho - Grape Lemonade drink 500g, vị tự nhiên - Lemonade drink 500g)	22021090	22021010	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Thông báo giống như 1665/TB-KĐ4 ngày 20/11/2019. Mặt hàng là Đồ uống có ga, dùng ngay không cần pha loãng có thành phần gồm đường, chiết xuất nho/dưa lưới, hương liệu, chất điều chỉnh độ chua. Đóng gói bán lẻ 500g/lon
68	Sản phẩm dinh dưỡng Pediasure (200ml/chai), cho trẻ từ 6 tháng trở lên	19011099		DN khai mã HS có thuế suất thấp hơn
69	Chế phẩm thực phẩm bổ sung, không chứa cồn, không có ga, thành phần chính là đạm, đường, béo, hương liệu đã được đóng gói (Pediasure Grow & Gain nutrition shake vanilla,...)	21069099 21069098 21069096	22029950	Khai sai mã số HS để hưởng thuế suất thấp hơn
70	Thực phẩm bổ sung dạng lỏng, không có ga khác dùng ngay được không cần pha loãng, chứa chiết xuất thực phẩm, vitamin C, đường.../Chiết xuất đông trùng Hạ thảo	21069071 21069072 21069099	22029950	Khai báo sai mã số để hưởng mức thuế suất thấp hơn
71	Nước gạo Morning rice, thể tích 1.5 lit/chai	22029990	22029950	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
72	Cồn e-ti-lích chưa chế biến	29051900	22071000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
73	Soy Protein Concentrate (Chế phẩm bổ sung protein dùng trong thức ăn chăn nuôi)	23099020	23040090	Khai báo sai tính chất hàng hoá để hưởng thuế suất thấp Hàng hóa là chế phẩm từ đậu tương đã tách béo, hàm lượng protein ~ 64% theo khối lượng, dùng trong thức ăn chăn nuôi
74	Phối liệu men kính sử dụng trong sản xuất gốm sứ	32072010	25070000	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
75	Men lót, dùng trong sản xuất gạch men	32072090	25070000	Bản chấp mặt hàng là cao lanh, đất sét cao lanh Doanh nghiệp khai sai tên hàng nhằm hưởng mã số thấp
76	Tinh quặng Zircon, hàm lượng Zircon >60% tính theo khối lượng, dạng bột.	26151000	25309010	Khai sai bản chất mặt hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp. Bản chất mặt hàng không phải là tinh quặng Zircon
77	Bột Zircon 5, nguyên liệu dùng để sản xuất gốm sứ gạch men	81092000	25309010	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp. Bản chất mặt hàng là Zircon silicat loại dùng làm chất cản quang
78	Bột men Glaze S200 - dùng sản xuất men Frit	32072090	25291010 25291090	Doanh nghiệp khai sai tên hàng nhằm hưởng mã số thấp
79	Vảy cán	72044100	26180000 26190000	Lợi dụng khai sai do bản chất mặt hàng có thể là xỉ trong quá trình luyện sắt thép

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
80	Hỗn hợp Hydrocarbon – Hydrocarbon Mixtures	27075000	27101260	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dung môi dầu nhẹ có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng
81	Hỗn hợp dung môi hydrocacbon C6, có chứa khối lượng lớn là n-hexan	29011000	27101270	Khai báo thành n-hexan tinh khiết Chương 29 để hưởng thuế suất thấp
82	Dung dịch tẩy dầu làm sạch bề mặt động cơ, mã CAS 36878-20-3, hiệu: WOLVER (WOLVER ADAPTER), 0.35 lít/ lon x 15 lon/ thùng	38109000	27101943	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã. Thông báo 2052/TB-KĐ2 ngày 16/12/2019
83	Mỡ tiếp xúc	76082000	27101944	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Các mặt hàng này có thể nhập khẩu riêng lẻ hoặc nhập khẩu cùng Ống nhôm tùy theo điều kiện và phương án tổ hợp giao hàng của Nhà thầu nên không phải là phụ kiện bắt buộc đi kèm Ống hợp kim nhôm. Không có các mặt hàng này, Ống nhôm vẫn thực hiện chức năng dẫn điện.
84	Chất chống tạo bọt	38123100 38123900	27101989	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dầu trung, chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, chưng cất ở 2100C thu được 88%, chưng cất ở 2500C thu được 90%, dùng làm chất phá bọt trong công nghiệp
85	Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (HYDRAULIC OIL), dùng cho máy ép cán bàn chải đánh răng.	27101950	27101990	Khai sai mã số, bản chất hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp hơn, bản chất mặt hàng không phải là dầu dùng trong bộ hãm thủy lực.
86	Dầu parafin	27129010	27101990	Khai báo là sáp parafin để tránh thuế môi trường
87	Dầu khoáng và sáp amit, được sử dụng làm chất phá bọt trong công nghiệp	38099190	27101990	DN không khai báo hàm lượng dầu khoáng. Trên thực tế mặt hàng chứa 70% là dầu khoáng. Khai sai nhằm hưởng thuế suất thấp.
88	Chất làm tăng cường độ bóc tách, bảo vệ lô sấy giấy, dạng lỏng.	38099200	27101990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, thuộc phân đoạn dầu nặng dùng để pha chế và kết hợp các hóa chất khác trong công đoạn sản xuất giấy vệ sinh

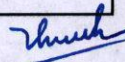


STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
89	Chất xúc tác, xúc tiến lưu hóa cao su	38121000	27101990	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp, Mặt hàng thực tế là Chế phẩm dầu khoáng thuộc phân đoạn dầu nặng, hàm lượng khoáng lớn hơn 70%
90	Chế phẩm hóa học dùng để pha mực in, có chứa trên 70% khối lượng dầu khoáng nguồn gốc dầu mỏ, thuộc phân đoạn dầu nặng.	38249999	27101990	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
91	Chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất dạng lỏng,	38119090	28092099	Không khai bản chất hàng hoá là Dung dịch axit phosphonic hàm lượng >83% theo khối lượng
92	Bột nhôm (Aluminium Oxide)	76031000	28182000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Qua kiểm tra tài liệu kỹ thuật DN cung cấp hoặc kết quả tra cứu tài liệu MSDS trên Internet đều cho thấy thành phần chính của mặt hàng là Nhôm Oxit (Al ₂ O ₃) chiếm từ 95% trở lên
93	Bột Oxit Sắt màu đen dùng để tạo màu trong sản xuất ngói	32064910	28211000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Qua kiểm tra tài liệu kỹ thuật DN cung cấp cho thấy mặt hàng là Oxit Sắt dạng bột, hàm lượng Oxit Sắt quy đổi theo Fe ₂ O ₃ trên 70% tính theo trọng lượng
94	Calcium Chloride- Phụ gia thực phẩm	28272090	28272010	Không khai báo rõ hàm lượng Canxi Clorua (tính theo trọng lượng) để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
95	Bột Khoáng fluorite (96% canxi florua)- T-090 dùng để sản xuất đá mài, hàng mới 100%, xuất xứ Trung Quốcsố 970/TB-KĐ2 ngày 17/6/2019.	25292100	28332990	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp (hàng là Canxi Sunphat dạng bột) KQ Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 970/TB-KĐ2 ngày 17/6/2019
96	Bột canxi carbonate CaCO ₃	38249999	28365010 28365090	Khai là Bột carbonat canxi đã tráng phủ axit béo để hưởng chênh lệch thuế suất thấp
97	Bột Canxi carbonate	25174100 25174900	28365010 28365090 25309090	Không khai bản chất ở dạng khoáng, bột đá tự nhiên hay dạng tổng hợp hóa học
98	Hóa chất cơ bản làm sạch bề mặt thiếc.	38249100	29041000	Hàng hóa có bản chất là stannous methanesulfonate nhưng DN khai báo không đầy đủ thông tin để áp sai mã số HS nhằm hưởng thuế suất thấp

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
99	Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại	38101000	29181590	Bản chất của mặt hàng là Potassium Citrate, DN khai báo thiếu thành phần để áp mã HS của chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại nhằm hưởng thuế suất thấp.
100	Dung dịch chống oxy hóa (Butyl Zimate)	38123100 38123900	29302000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Kẽm dibutyl dithiocarbamate
101	Levofloxacin Hemihydrate	29419000	29349990	Mặt hàng dễ lẫn về mặt phân loại giữa nhóm kháng sinh và nhóm hóa chất hữu cơ fluoroquinolon, nhằm hưởng mức thuế suất thấp
102	Nguyên liệu sản xuất tân dược OFLOXACIN	29419000	29349990	Mặt hàng dễ lẫn về mặt phân loại giữa nhóm kháng sinh và nhóm hóa chất hữu cơ, nhằm hưởng mức thuế suất thấp
103	Nguyên liệu sản xuất thuốc thú y: Azamethiphos	29419000	29349990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại áp mã
104	Nguyên liệu sản xuất thuốc thú y: Diminazene	29419000	29420000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại áp mã
105	Nguyên liệu sản xuất thuốc thú y: Diaceturate	29419000	29420000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại áp mã Đề nghị DN khai báo thành phần, công dụng, tính chất lí hóa, đóng theo bộ sản phẩm hay không, mục đích sử dụng,... để xác định mã số HS
106	Nguyên liệu sản xuất thuốc Omeprazole pellets	29333990	30039000	DN nhằm lẫn trong phân loại và áp mã Hàng hóa đã có KQPTPL thuộc nhóm "Thuốc chứa Omeprazole, dạng hạt đã được bao phủ bằng đường Sucroza, chưa được đóng gói theo liều lượng" tại TB số 1218/TB-TCHQ ngày 1/3/2017. Pellets: vi nang dạng hạt, bao gồm dược chất và tá dược, thường thuộc nhóm bán thành phẩm thuốc). DN dễ nhầm lẫn là nguyên liệu dược (dược chất). Hành vi khai sai mã số hàng hóa nhưng không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp vì đối tượng chịu thuế đã được định danh và có chế tài xử phạt tại điểm B Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020
107	FLEMING,VN-18370-14,Thuốc trị kí sinh trùng,chống nhiễm khuẩn. Hộp 1 vi x 10 viên nén chứa Amoxicillin, Acid clavulanic.	30041019	30041016	Khai sai mã để hưởng thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
108	Thuốc kháng sinh chứa tetracylin hoặc chloramphenicol hoặc các dẫn xuất của chúng.	30042079 30042099	30042071	DN không khai thành phần (không khai loại kháng sinh); không khai báo cách thức sử dụng hoặc khai báo sai cách thức sử dụng
109	Thuốc thú y: Chlortetracycline Feed Grade 15%,25kg/bao, mới 100%; xuất xứ Trung Quốc.	30042099	30042071	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
110	Thuốc thú y có chứa hoạt chất Florfenicol và Doxycycline	30042091 30042099 30049099	30042071	khai sai mã HS, không khai báo rõ cách thức sử dụng
111	Thuốc cảm chứa Acetaminophen	30049099	30049051	Không khai rõ ràng thành phần Paracetamol
112	Tân dược Riticox	30049099	30049059	Doanh nghiệp khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp. Thành phần của tân dược Roticox là Etoricoxib, được xác định theo mã số 30049059 tại Thông tư 06/2018/TT-BYT ngày 6/4/2018 ban hành danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc dùng cho con người và mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu.
113	Phân bón	31059000 31051090	31051020 31052000	Khai sai nguồn gốc phân bón để hưởng thuế suất thấp Các trường hợp khai báo phân bón, đề nghị DN khai báo rõ thành phần, hình dạng,... Tương ứng với mô tả tại Danh mục HHXKNK Việt Nam để có cơ sở áp mã
114	Bán thành phẩm của sơn	32129019	3208 3209 3210	DN khai sai mã số nhằm hưởng mã số thấp Mặt hàng Bán thành phẩm của sơn có thể phân loại tại 3 nhóm 3208, 3209 và 3210
115	Polyme trong dung môi hữu cơ	3901 đến 3913	32081090 32082090 32089090	DN khai sai mã số thuộc chương 39 nhằm hưởng mã số thấp
116	Thuốc màu phân tán trong môi trường không chứa nước dạng lỏng dùng trong sản xuất sơn, thành phần chính gồm có màu hữu cơ, từ nhựa Alkyt, Methoxypropyl acetat...	32129019	32082090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bán thành phẩm của sơn, thành phần gồm: Polyme acrylic, phân tán trong xylen, etylbenzen, butylacetat, ethoxyetyl axetat; dạng lỏng
117	Polyme acrylic dạng nguyên sinh - ACRYLIC RESIN PC190, hàng mới 100%	39069099	32082090	Doanh nghiệp khai sai bản chất hàng hóa (không khai hàm lượng dung môi hữu cơ) để áp mã số có thuế suất thấp



STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
118	Dung dịch polyurethan trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi trên 50% trọng lượng dung dịch	38140000	32089090	DN khai sai mã số nhằm hưởng mã số thấp
119	Nhựa epoxy dạng lỏng dùng trong hóa chất xây dựng -Masterseal	39073030	32089090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất phủ từ nhựa epoxit hai thành phần, dạng lỏng
120	POLYURETHANE B-806LB DẠNG LỎNG	39095000	32089090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dung dịch nhựa dạng lỏng, trong đó trọng lượng dung môi chiếm trên 50% về trọng lượng trong toàn dung dịch, thỏa mãn Chú giải 4 Chương 32
121	Polyme polyisocyanat, polyol (chất đóng rắn), polyether (nhựa epoxy) dạng lỏng, dạng nhão, dung dịch chứa các polyme, hàm lượng dung môi dưới 50% thuộc chương 39 - hỗn hợp các khoáng chất vô cơ	Chương 39, Chương 25, 38249999	32089090	Khai báo riêng lẻ các hóa chất, lợi dụng mặt hàng khó xác định thành phần, bản chất thực tế là bộ sản phẩm chất phủ nhiều thành phần chỉ cần trộn với nhau là thành sản phẩm hoàn chỉnh
122	Chất phủ đi từ polymer trong môi trường không chứa nước	3214	3208	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
123	Sơn đã phân tán trong môi trường không chứa nước	32089090	32091010 32082090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Vecni làm từ polyacrylate trong môi trường nước hoặc trong dung môi hữu cơ
124	Sơn chống thấm nước từ polyvinyl dùng trong xây dựng	32082040	32091090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn
125	Sơn chống ăn mòn, sơn chống cháy, sơn giả gỗ, sơn nước bằng polyme tổng hợp	32099000	32091090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Bản chất là sơn từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl
126	Chất xử lý bề mặt sàn:polyme từ vinyl axetat dùng trong thi công	39059110	32091090	Bản chất hàng hóa là chất phủ đi từ polyme trong môi trường nước, DN khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp hơn
127	Nhựa Methacrylated Acidic - EBECRYL 168	29161300	32100010	DN khai sai mã số hs để hưởng thuế suất thấp. Bản chất hàng hóa là vecni
128	Chế phẩm màu phân tán trong môi trường không chứa nước dùng trong sản xuất sơn	32129019	32100099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Sơn dầu mau khô, thành phần gồm dầu lanh, chất màu, dung môi hữu cơ, napthalene, isodurene, ethyl xylen, mesitylene, ..., dạng lỏng

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
129	Epoxy dạng nguyên sinh (5242A-2), (5242B-2).	39073030	32100099	Doanh nghiệp khai riêng lẻ từng mặt hàng để hưởng thuế suất 0%. Tuy nhiên, trường hợp này khi sử dụng phải trộn hai mặt hàng này lại và phải phân loại theo sản phẩm sau cùng có thuế suất cao (áp dụng Chú giải 1 Phần VII)
130	Nhựa epoxy dạng lỏng. Chất làm cứng (mã HS 38249100)	39073030 38249100	32100099	Doanh nghiệp khai riêng lẻ từng mặt hàng để hưởng thuế suất 0%. Tuy nhiên, trường hợp này khi sử dụng phải trộn hai mặt hàng này lại và phải phân loại theo sản phẩm sau cùng có thuế suất cao (áp dụng Chú giải 1 Phần VII)
131	CHẾ PHẨM THUỐC MÀU HỮU CƠ (D-154#)DẠNG BỘT	39029010	32129011	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bột nhôm phân tán trong dung môi 2-methyl-3-ethylheptane, decane, nonane,... dạng nhão
132	Chế phẩm thuốc màu hữu cơ, dạng lỏng	32041710 32041790	32129019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thuốc màu được phân tán trong môi trường không có nước, dùng để sản xuất sơn, mực in thành phần chính là phức azo với crom, ở dạng lỏng
133	Thuốc màu các loại	32049000 32064990	32129029 32089090 32099000	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp
134	Mặt hàng chất màu hữu cơ dạng lỏng	32041190	32129019 32129029 32081090 32082090 32089090 32151190 32151900 32159090 38140000	Đây là mặt hàng khó xác định về mã số. Doanh nghiệp dễ lợi dụng để khai sai mã số, thuế suất thuế nhập khẩu. Cơ quan Hải quan dễ nhầm lẫn trong việc kiểm tra, phân loại áp mã hàng hóa
135	Chất làm sạch bề mặt kim loại CDV-10 (Cleaning Compound), dùng trong công nghiệp sản xuất chất tẩy sơn. Hàng mới 100%.	34029019	32141000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
136	MC-ADHESIVE PU SOLID Polyurethan dạng lỏng dùng để sản xuất phụ gia bê tông,	39095000	32141000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
137	X 481 E Nhựa epoxit dạng lỏng dùng để sản xuất phụ gia bê tông	39073030	32149000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
138	Thuốc màu	32071000	32151900	Khai không đúng chủng loại hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp Hàng hóa thực tế là mực in màu

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
139	Hộp mực in phun màu các loại (màu xanh, đỏ, vàng, đen) dùng cho máy in phun EPSON	84439920	32151900	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hoá nhằm hưởng mức thuế suất thấp
140	Màu nước hữu cơ	32041900	32159090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là mực in
141	Mực dùng trong ngành công nghiệp thủy tinh, thành phần chính gồm titan dioxit, silic oxit, este của a xít béo, cồn béo	32072090	32159090	Khai báo sai bản chất của hàng hóa thành men màu in chai thủy tinh, mã số 32072090 nhằm hưởng mức thuế suất thấp
142	Hương liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	23099020	33029000	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng thuế suất thấp hơn Đề nghị doanh nghiệp khai báo rõ thành phần, cấu tạo, mục đích sử dụng để làm cơ sở áp mã
143	Kem bôi da Rapider (loại 30ml/tuýp; 66ml/tuýp) dùng để làm lạnh, làm mềm da, Mã: TC003	30049099	33049930	Doanh nghiệp không khai thành phần, không khai cách thức sử dụng nhằm áp sang mã có thuế suất thấp hơn
144	KEM DƯỠNG GIÚP CẢI THIẾN BỀ MẶT DA, GIẢM MỤN ĐẦU ĐEN, CHỐNG OXI HÓA VÀ GIẢM BÓNG NHỜN SUỐT 8H 30ml - 28635/17/CBMP-QLD - (LA ROCHE-POSAY LABORATOIRE DERMATOLOGIQUE EFFACLAR K(+) OILY SKIN	33049920	33049930	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
145	KEM DƯỠNG CÓ MÀU GIÚP GIẢM MỤN, THÔNG THOÁNG LỖ CHÂN LÔNG, NGĂN NGỪA VẾT THÂM VÀ CHE KHUYẾT ĐIỂM 40ml - 98072/19/CBMP-QLD - (LA ROCHE-POSAY LABORATOIRE DERMATOLOGIQUE EFFACLAR DUO(+) UNIFIANT UNIFY	33049920	33049930	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
146	KEM DƯỠNG DA GIÚP GIẢM MỤN, GIÚP THÔNG THOÁNG LỖ CHÂN LÔNG, GIÚP NGĂN NGỪA THÂM DO MỤN VÀ GIÚP NGĂN NGỪA MỤN TÁI PHÁT. 40ml - 54632/17/CBMP-QLD - (LA ROCHE-POSAY LABORATOIRE DERMATOLOGIQUE EFFACLAR D	33049920	33049930	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
147	KEM DƯỠNG GIẢM DẦU NGĂN NGỪA MỤN, DUY TRÌ ĐỘ ẨM CHO DA DẦU VÀ DA MỤN 50ml - 35170/17/CBMP-QLD - (VICHY LABORATOIRES NORMADERM CORRECTING ANTI-BLEMISH CARE 24H HYDRATION) - M9722120	33049920	33049930	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
148	KEM GIÚP GIẢM MỤN 15ml - 24739/16/CBMP-QLD - (LA ROCHE-POSAY LABORATOIRE DERMATOLOGIQUE EFFACLAR A.I. TARGETED IMPERFECTION CORRECTOR) - MB121701	33049920	33049930	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
149	Gel làm bóng muối tắm chanh (mỹ phẩm)	33019090	33073000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
150	Các chế phẩm dùng làm thơm phòng	33079090	33074910	Khai sai mục đích sử dụng (thực tế làm thơm hoặc khử mùi phòng) nhằm hưởng mức thuế suất thấp
151	Xà phòng tắm, xà phòng giặt dạng cục	34022015 34022095	34011140 34011150 34011990	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
152	Sản phẩm tẩy trang, dạng miếng bằng vải không dệt	33079030	34011910	Khai sai mã số do mã 33079030 có thuế suất thuế nhập khẩu ít hơn mã 34011910
153	Dung dịch làm sạch da hoặc Gel làm sạch da	33049990	34013000	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn.
154	Bộ Mỹ phẩm gồm nước hoa và sữa tắm	33049990 33030000	34013000	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hoá nhằm hưởng mức thuế suất thấp
155	Mặt hàng sữa tắm, dầu gội toàn thân dạng đã đóng gói bán lẻ	33073000	34013000	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp. Công văn hướng dẫn của TCHQ: số 713/TCHQ-TXNK ngày 6/3/2018

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
156	Mặt hàng Sữa rửa tay, Sữa rửa tay dưỡng ẩm Mặt hàng nước rửa tay khô dạng gel: Nước rửa tay khô chứa chất dưỡng ẩm & Vitamin E giúp bảo vệ da ta	34012099	34013000	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
157	Lọ xịt nước rửa tay	96161010	34013000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. bản chất mặt hàng là nước rửa tay được đựng trong lọ, không phải chỉ mỗi lọ xịt.
158	Nhũ tương tắm dành cho da dị ứng/kích ứng Latopic Bath Emulsion (Latopic Emulsja do kapieli), 200 ml/ chai. Nhãn hiệu Latopic. HSD : 2/2020. Nhà sản xuất: IBSS BIOMED S.A. Hàng mới 100%.	33073000	34013000	Khai sai mã số, thuế suất
159	Hỗn hợp dung môi hữu cơ để tẩy rửa bản in.	38140000	34021140	Lợi dụng mặt hàng hóa chất khó xác định để áp vào mã có thuế suất thấp hơn, bản chất mặt hàng là chất hữu cơ hoạt động bề mặt
160	TEGOSTAB B 80002	39072090	34021390	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chất hoạt động bề mặt dạng không phân ly (non-ionic), dạng lỏng, từ polyether polysiloxane
161	Chất tẩy rửa khuôn sứ	34029099	34029013	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch có thành phần từ natri hypoclorit, chất hoạt động bề mặt dạng anion..., ở dạng lỏng
162	Chất trợ nhuộm dùng trong công nghiệp nhuộm: Emulsifer ME-13, hàng mới 100%	34021390	34029014	Lợi dụng mặt hàng khó phân loại doanh nghiệp khai báo mã số hàng hóa có thuế xuất thấp nhưng nhập khẩu hàng hóa mã số có thuế suất cao để gian lận thuế
163	Phụ gia thuộc da	32029000	34029092	Khai vào mã có thuế suất thấp
164	Chất hoàn tất dùng cho ngành dệt hoặc chế phẩm làm mềm vải	38099190	34029019	Khai báo sai đặc điểm, mục đích sử dụng là chất phụ gia, chất hoàn tất vải nhằm hưởng thuế suất thấp. Bản chất mặt hàng là chế phẩm hoạt động bề mặt không phân ly, dạng lỏng.
165	Chất trợ sử dụng trong ngành dệt nhuộm	38099190	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm hoạt động bề mặt dạng anion và không phân ly, ở dạng lỏng

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
166	Chất làm sạch mền ép bột giấy, dạng lỏng- Felt Cleaner	38099200	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm sạch, dạng lỏng, có chứa chất hoạt động bề mặt nonionic, este của axit phosphoric... nước
167	Hóa chất dùng trong công nghiệp dệt: LAUFAST IF - Chất hãm màu cho vải.	38099190	34029019	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai sai tên hàng, chủng loại, mã số, thuế suất thấp (hàng là chế phẩm có chứa chất hoạt động bề mặt nonionic, chưa đóng gói để bán lẻ, dạng lỏng) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 235/TB-KĐ2 ngày 27/02/2019
168	Chất ức chế Axit nitric, chế phẩm chống gỉ, hoặc chống ăn mòn. Tên thương mại Activivol 1874	38119010	34029019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã
169	Chất chống xù lông trong quá trình nhuộm.	38099190	34029019	Doanh nghiệp khai báo theo công dụng, không khai theo bản chất hàng hóa
170	Chế phẩm dùng trong xi mạ hoặc Chất khử bọt	38249999	34029019	Bản chất của hàng hóa là chế phẩm làm sạch. Doanh nghiệp khai báo không đầy đủ thông tin chất hàng hóa để được áp mã số có thuế suất thấp
171	Chế phẩm hoạt động bề mặt Sodium Hydroxide dạng bột	28151100	34029092	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp hơn (KQPTPL số 1146/TB-KĐ3 ngày 11/9/2020)
172	Chế phẩm hoạt động bề mặt Sodium Phosphate dạng bột	28352590	34029092	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp hơn (KQPTPL số 1146/TB-KĐ3 ngày 11/9/2020)
173	Chế phẩm làm sạch có hoặc không chứa chất hoạt động bề mặt	38101000	34029019 34029099	Khai báo sai tính chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp. Hàng hóa là chế phẩm làm sạch, tẩy nhờn chứa chất hoạt động bề mặt, dạng lỏng
174	Chế phẩm bôi trơn sợi thép các loại	34031990	34031919	Không khai báo dạng lỏng để hưởng thuế suất thấp hơn tại mã số 34031990
175	Chế phẩm tách khuôn, chế phẩm bôi trơn có thành phần cơ bản chứa nhỏ hơn 70% dầu mỏ	27101943 27101944 27101990	34031919 34031990	Doanh nghiệp chỉ khai báo là: Chế phẩm làm róc khuôn, chế phẩm bôi trơn, bỏ qua thành phần, đặc điểm hàng hóa để hưởng chênh lệch thuế suất giữa các mặt hàng thuộc nhóm 3403 và lẫn với hàng hóa thuộc phân nhóm 271019
176	Chế phẩm dạng nhão làm láng mịn bề mặt kim loại	38101000	34039912	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất thấp

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
177	Dầu bôi trơn	34039912	34039919	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Chế phẩm bôi trơn không chứa dầu khoáng, không chứa dầu silicon, dạng lỏng
178	Chế phẩm bôi trơn có thành phần chính là dầu perfluoropolether và phụ gia, dạng nhão	38112110	34039990	DN Khai báo: (Chất làm tăng độ nhớt)
179	Silicon dạng nguyên sinh MR-14 (Chất chống kết dính)	39100090	34039990	Khai báo sai tên hàng mặt hàng là Chế phẩm tách khuôn đúc có thành phần chính là các hợp chất silicon, axit stearic, axit palmitic, dạng nhão
180	Chất bôi trơn dạng bình xịt hoặc chất bôi trơn dạng lỏng	34039990 27101943 27101944	34039919 34031990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
181	Chế phẩm sáp polyetylen, dễ phân tán trong môi trường nước	38249999	34049090	DN khai sai mã số hs để hưởng thuế suất thấp
182	Keo được làm từ nhựa thông dạng hạt	13019090	35030019	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn. Thực tế mặt hàng là Keo làm từ gelatin dạng hạt 25kg/bao. mới 100%
183	Tinh bột sắn đã nung, sấy khô dùng sản xuất keo để dán bìa carton	35051010	35052000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Bản chất hàng hóa là keo.
184	Hóa chất cho khuôn - dùng để tráng khuôn trước khi cho nguyên liệu vào khuôn sản xuất ra sản phẩm, Chất kết dính - ATTAPULGITE - ACTI-GEL	25084090	35069900	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
185	Sáp nhân tạo từ Polyethylene, dạng bột	34049090	35069100	Khai báo sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp. Hàng hóa thực nhập có bản chất là keo thuộc nhóm 35.06
186	Keo Tobacol	35019020	35069100	Bản chất mặt hàng là keo Tobacol, DN khai báo là keo casein nhằm hưởng thuế suất thấp tại mã số 35019020
187	Chất kết dính từ nhựa Urea Formaldehyde dạng bột	39091090	35069100	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
188	Bột bã xơ dừa, dùng trong sản xuất ván ép.	32149000	35069100	Doanh nghiệp khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
189	POLYPROPYLENE(B-509) DẠNG MẢNH	39021090	38069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dẫn xuất của colophan, ở dạng mảnh
190	Nhựa tăng độ dính - Super Ester	39139090	38069090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dẫn xuất của rosin, dạng mảnh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
191	Chất bổ sung enzym trong thức ăn gia súc	23099020	35079000	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
192	Chế phẩm khử trùng, diệt nấm mốc bổ sung trong TĂCN	38089490 23099020	38089290	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp Hàng hóa là chế phẩm chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi
193	Tác nhân làm mềm, Nước xả vải	38099190	38099110	Khai báo sai tên hàng, chủng loại với chất hoàn tất dùng trong ngành dệt
194	Silicone nguyên sinh dạng lỏng	39100020	38099110	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Chế phẩm làm mềm vải dùng trong ngành dệt, thành phần gồm Poly(dimethyl siloxane), hoạt động bề mặt không phân ly, trong môi trường nước, hàm lượng rắn > 50%
195	Dung môi làm nguyên liệu pha chế các sản phẩm hóa chất.	29141200 29023000 29141100 29153300	38140000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số thấp Mặt hàng có thể không phải là hợp chất hóa học đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt mà là hỗn hợp các dung môi dùng trong ngành sơn
196	Bột oxit Silic (hóa chất vô cơ) – Ramming Mix SiO2 dùng để sản xuất gạch chịu lửa, hàng mới 100%, xuất xứ Trung Quốc.	28112210	38160090	Khai sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp (hàng là vật liệu chịu lửa (nhiệt độ chịu được trên 1500 độ C), thành phần chứa nhôm oxit, silic dioxit, magie oxit và phụ gia, dạng bột) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 2065/TB-KĐ2 ngày 17/12/2019
197	Sạn đầm chịu lửa, thành phần chính là nhôm oxit cỡ hạt 0-6mm	25174900	38160090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa, bản chất hàng hóa là vật liệu chịu lửa.
198	Axit stearic	29157020	38231100	Mô tả và mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng, cụ thể mặt hàng là chế phẩm axit béo công nghiệp nhưng doanh nghiệp khai báo là hợp chất hóa học đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt
199	OCTACOSANOL(POLICOSANOL)	29389000	38237010	DN khai sai mã số hs để hưởng thuế suất thấp. Bản chất hàng hóa là cồn béo công nghiệp dạng sáp.
200	Polyether polyol nguyên sinh-AQUALOC LA110Nguyên liệu dùng cho ngành xây dựng	39072090	38244000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Phụ gia dùng cho xi măng, vữa hoặc bê tông
201	Sorbitol Solution 70% B.P	29054400	38246000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UDĐB thấp hơn. Bản chất mặt hàng có chứa thành phần khác như polyol, ...

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
202	Hạt nhựa Polypropylene Copolymer GRANULE GR-20 N0443, dạng nguyên sinh	39029090	39021090	Khai không đầy đủ thành phần để hưởng thuế suất thấp
203	Chất phụ gia (nguyên liệu dùng sx hạt nhựa)	38123900	39033060	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Copolyme acrylonitril – butadienne –styrene, dạng hạt
204	Nhựa PP (nguyên sinh, dạng hạt)	39021090	39033060	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Copolyme acrylonitril-butadien-styren, dạng hạt
205	Copolyme acrylonitril butadien styrene (ABS) nguyên sinh, dạng bột	39029090	39033090	Doanh nghiệp khai báo: (Polyme từ propylen dạng nguyên sinh, dạng bột, dùng trong sản xuất hạt nhựa các loại)
206	Hạt nhựa ABS nhập khẩu	39033060	39033090	DN khai báo mặt hàng ở dạng hạt nhằm hưởng thuế suất thấp
207	Nhựa PVC Resin (SWDY-PVC-50) dạng bột có chứa chất hóa dẻo dùng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa	39042290	39042230	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UĐDB thấp hơn
208	Chất hỗ trợ thẩm thấu trong quá trình nhuộm.	38099190	39095000	Doanh nghiệp khai báo theo công dụng, không khai theo bản chất hàng hóa
209	Chất hoàn tất dùng cho vải	38099190	39069020	Khai báo chất hoàn tất, tuy nhiên thành phần của sản phẩm là polyme acrylic phân tán trong môi trường nước
210	Dung dịch làm đặc (Thickener)	38123100 38123900	39069020	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyacrylat dạng nguyên sinh, ở dạng phân tán trong nước
211	Nhựa polyurethan dạng lỏng loại Kamthane 5000, 1408 dùng để sản xuất vật liệu chống thấm. Hàng mới 100%.	39095000	39069020	Khai sai mã HS để hưởng thuế suất thấp. KQPTPL số 1351/TB-KĐ2 ngày 06/11/2020 của Chi cục KĐHQ 2
212	Dầu mờ gốc nước dùng trong sx giấy 4350 (WB-4350), (50kg/thùng), Làm mờ làm li bề mặt, chống xầy xước, mới 100% mã CAS: 42978-66-5, 8002-74-2, 7732-18-5, 9003-05-8, xuất xứ Trung Quốc	38099200	39069020	Khai sai tên hàng, chủng loại, mã số, thuế suất (hàng là Polyacrylic nguyên sinh dạng phân tán trong nước) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 147/TB-KĐ2 ngày 12/2/2020
213	Hóa chất sử dụng trong ngành sản xuất giấy - Chế phẩm làm tăng độ bền của giấy.	38099200	39069099	Thực tế Mặt hàng là Copolyme acrylamide hòa tan trong môi trường nước, dạng lỏng Không khai báo bản chất hàng hóa, chỉ khai báo mục đích sử dụng
214	POLYPROPYLENE(B-207LB) DẠNG LỎNG	39021090 39061090	39069099	Mặt hàng có bản chất là Copolyme metyl methacrylat-butyl acrylat nguyên sinh, ở dạng lỏng, trong đó metyl methacrylat chiếm tỷ trọng cao hơn

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
215	Nhựa alkyd trong dung môi hữu cơ, dùng sản xuất sơn	39075010	39069099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Copolymer Styren-acrylic, trong hỗn hợp dung môi Xylen; Methoxy 2-propyl acetat; Toluene; ethyl benzen, dạng lỏng
216	Poly (etylen terephthalat), dạng phân tán	39076990	39076100 39076910	Doanh nghiệp không khai chỉ số độ nhớt hay khai sai dạng để hưởng thuế suất thấp
217	Polyester no nguyên sinh, dạng lỏng. Nguyên liệu dùng trong sản xuất sơn	39079990	39076990 39075010	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (0%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (3%) để gian lận thuế. Nếu là nhựa alkyd dạng lỏng thì thuộc mã số 39075010
218	Nhựa polyete	39079990	39079130	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyester polyol chưa no nguyên sinh, dạng lỏng
219	Nhựa amino dạng nguyên sinh	39093999	39091010	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
220	Phụ gia thức ăn gia súc (SUNNY BINDER)	23099020	39091090	Khai báo sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp. Hàng hóa là chế phẩm có thành phần chính là polymethylolcarbamine (nhựa ure formaldehyde) nguyên sinh, dạng bột, hàm lượng vô cơ khoảng 5% khối lượng, dùng làm chất kết dính, tạo viên trong thức ăn chăn nuôi
221	Hợp chất Diphenyl Methane Diisocyanate MDI	29291010	39093100	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UDDB thấp hơn đề nghị DN khai báo thành phần, công dụng, tính chất lí hóa, đóng theo bộ sản phẩm hay không, mục đích sử dụng,... để xác định mã số HS
222	Polyisocyanat nguyên sinh, dạng lỏng	39093999	39093100	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
223	Nguyên liệu dùng sản xuất sơn PU cho gỗ (Amino Resin 312-X-70)	39093999	39092010 39092090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
224	Nhựa amino khác	39093999	39093100 39093910 39093991	Doanh nghiệp khai không đầy đủ để khai thuế suất thấp
225	Nhựa tổng hợp (Synthetic Resin)	39139090	39094090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Nhựa phenolic nguyên sinh, dạng mảnh

thực

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
226	Chất làm đặc dùng trong ngành sơn	38249999	39095000	Bản chất của hàng hóa có thể là polyurethan của nhóm 39.09, tuy nhiên DN chỉ khai báo công dụng của sản phẩm để khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp.
227	Polyete Polyol, PolyIsocyanate dạng nguyên sinh	39072090	39095000	Khai báo là Polyete nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp hơn, thực tế là Tiền polyurethan dạng nguyên sinh có thành phần chính là polyether
228	POLYPROPYLENE ĐÃ CLO HÓA DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT MỰC IN -B-808 DẠNG BỘT	39029010	39119000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Polyketone, dạng hạt
229	Phế liệu, phế thải và mẫu vụn, từ plastic khác	3905 đến 3911	39151010 39151090 39152010 39152090 39153010 39153090 39159000	Mặt hàng bản chất là phế liệu phế thải, DN khai báo là polyme dạng nguyên sinh để hưởng thuế suất thấp,
230	Màng nhựa PE không xốp đã qua sử dụng, vẫn còn giá trị sử dụng, dùng trong nông nghiệp	39201090	39151010 39151090 39152010 39152090 39153010 39153090 39159000	Mặt hàng bản chất là phế liệu nhựa được thu gom tại các nhà máy sau quá trình sản xuất, nhiễm bẩn, chưa được làm sạch, dạng cuộn hoặc tấm, doanh nghiệp khai sai tên hàng và mã số để nhập khẩu phế liệu thuộc diện phải có giấy phép và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn
231	Bao tải dứa PP/bao bì nhựa PP/ bao Jumbo/bao tải cầu	63051019 63051021 63051029 63051011	39153090 39159000	Mặt hàng bản chất là phế liệu nhựa được thu gom tại các nhà máy sau quá trình sản xuất, nhiễm bẩn, chưa được làm sạch, ép và đóng thành khối; doanh nghiệp khai sai tên hàng và mã số để tránh giấy phép tiêu chuẩn, quy chuẩn nhập khẩu phế liệu
232	Ống co nhiệt dùng để xử lý chống thấm cho bộ đèn led	94059290	39173299	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
233	Ống cách điện bằng plastic	85479090	391732 391739	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
234	Đệm nhựa làm kín (vật tư dự phòng kèm theo trạm bơm dung dịch nhũ hóa BRW200/31.5).	39269049	39174000	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
235	Tấm trải sàn bằng nhựa PVC	57032090	39181019	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
236	Tấm trải sàn tự dính làm từ plastic	3919	3918	Khai sai mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
237	Thảm trải sàn bằng nhựa	39269099	39181011 39181019	DN khai báo sai mã để hưởng thuế suất thấp hơn

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
238	Băng keo 1 mặt dán túi nhựa bằng PVC (Bag Sealing Tape) khổ ngang, 10 kg/thùng, dạng cuộn, xuất xứ Trung Quốc, hàng mới 100%.	39199010	39191010	khai sai mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp. (Lưu ý kích cỡ chiều rộng (khô) của sản phẩm để phân loại chính xác)
239	Băng keo	39199099	39191099	Danh nghiệp không khai báo kích cỡ để áp mã số loại khác nhằm hưởng mức thuế suất thấp
240	Dải mút xốp tự dính từ nhựa Polyurethan dùng làm đệm giảm chấn	39211391 39211392 39211399	39199091 39199092 39199099	Mặt hàng là Dải nhựa tự dính. DN khai báo vào mặt hàng dải nhựa không tự dính nhằm hưởng thuế suất thấp
241	Màng poly (ethylen terephthalat) không xếp, chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được hỗ trợ hoặc chưa được kết hợp với các vật liệu khác, không tự dính, dày 0,03mm dạng cuộn khổ rộng 1m	84773000	39206210 39206290	Khai báo sai mục đích sử dụng, công dụng (phụ kiện, vật tư cách điện) để hưởng thuế suất 0%
242	Vòi xịt cầm tay bằng nhựa ABS mạ chrome, item: ND231C, Nhà sx INNOCI/Hand held Bidet Spray . Hàng mới 100%.	84818088	39229090	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Mặt hàng là vòi xịt (bidet) cầm tay bằng nhựa plastic mạ chrome dùng trong nhà vệ sinh
243	Bồn tắm bằng nhựa	94037090	39221011 39221019	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
244	Bể bơm hơi ngoài trời làm bằng nhựa	95069990	39221019	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn
245	Chậu tắm nhựa/ (Chậu nhựa tắm)	39249090 39269099	39221090	DN khai báo hàng là Chậu tắm nhựa hay chậu nhựa tắm khai báo vào mã 39249090 (TSNK ưu đãi 22%, form E 0%), 3926.90.99 (TSNK ưu đãi 12%, form E 0%) nhưng hàng phù hợp áp nhóm mã 3922.10, 3922.10.90 (TSNK ưu đãi 22%, form E 5%).
246	Nút nhấn hơi bằng nhựa	39249090 39269099	39229090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Đề nghị Doanh nghiệp khai báo rõ công dụng, quy cách đóng gói ... Theo mô tả tại Danh mục HHXKNKVN để làm cơ sở áp mã HS
247	Tấm thu đáy bể bơi bằng nhựa các loại	39269099	39229090	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ , UĐDB thấp hơn Đề nghị DN khai báo rõ cấu tạo, công dụng... Theo mô tả tại Danh mục HHXKNKVN để làm cơ sở ở áp mã HS
248	Ống nối xi bết bằng nhựa màu đen	39174000	39229090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
249	Bình chứa (bộ phận của máy làm lạnh nước ép trái cây)	85099090	39233090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
250	Bobbin bằng nhựa, phụ tùng máy dệt	84485900	39234010	Khai báo sai chủng loại lẫn với dòng hàng 84485900
251	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic...	39269099	39239090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
252	Ly nhựa	39231090	39241090	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
253	Khay nhựa dùng làm giá để cốc	39231090	39241090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
254	Khay nhựa rửa chén bát/muỗng nĩa/đĩa chuyên dụng (linh kiện của máy rửa chén bát công nghiệp)	39269099	39241090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
255	Chai nhựa dùng để đựng nước uống	39233090	39249090	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (15%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (22%) để gian lận thuế Trường hợp Mặt hàng nếu là chai nhựa đựng nước uống có mục đích vận chuyển, đóng gói hàng hóa thì phù hợp 39.23.
256	Nắp nhựa - đi cùng bộ với ly nhựa	39235000	39249090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
257	Bình đựng xà phòng 250ml bằng nhựa PP nhãn hiệu Daiso	39233090	39249090	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
258	Bùi nhùi bằng nhựa dùng làm bông tắm	39269099	39249090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
259	Móc treo quần áo bằng nhựa, dài 50+-10cm, loại không đóng lên tường	39269099	39249090	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
260	Tấm gỗ nhựa công nghiệp dùng trong xây dựng, hiệu Culture, nhà sản xuất Kianson, model EE 5416 AP, Quy cách: 25mm (dày) x 138 mm (rộng), dài 16ft (4900mm), 448 thanh (302.94m ²). Hàng mới 100%.	39219090	39259000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Do tính đặc trưng cơ bản của sản phẩm thể hiện rõ bề mặt bên ngoài bằng nhựa, có rãnh nhám chống trượt, không xẻ rãnh hai bên, có độ bền cao, bảo đảm chống mối mọt, mục rữa, bong tróc và cong vênh, chịu nhiệt, chịu ẩm, chống ẩm mốc...; Tham khảo công văn số 7294/TCHQ-TXNK ngày 26/12/2012 và thông báo Thông báo kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu số 6455/TB-TCHQ ngày 02/10/2017 nên sản phẩm được xếp vào chương 39. Mặt hàng là cấu kiện dùng trong xây dựng dùng lót sàn, bậc cầu thang ngoài trời, phù hợp xếp vào nhóm 3925, chi tiết 3925.90.00.
261	Chóp cửa bằng nhựa	39269099	39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
262	Rèm cửa ra vào kho lạnh bằng nhựa PVC, kích thước: 900mm-2200mm x 1800mm-4500mm(H), khung rèm làm bằng kẽm	63039900	39253000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
263	Nắp đậy nylon chữ P dùng làm cửa	39041099	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
264	Tấm PVC Tlock dạng cuộn dùng để chống thấm trong xây dựng, mới 100%	39199099	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
265	Băng cản nước Greenseal PVC GS952, 19 - 20m/cuộn	39219090	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
266	Cục nhựa gắn trong bánh xe cửa lửa; Cục nhựa chặn khóa cửa	39263000	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
267	Máng cáp điện máy khoan CNC (doanh nghiệp khai báo là cuộn dây kéo bằng nhựa dài 12m, chứa dây điện của máy khoan CNC)	39269059	39259000	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
268	Gioăng lông cửa bằng nhựa tổng hợp	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
269	Nắp bịt đồ động bằng nhựa	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
270	Nắp bịt ngưỡng nhôm cánh bằng nhựa	39269099	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
271	Nút nhấn tay báo cháy	39269099 85365051	39259000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
272	Thanh nối cửa lửa bằng nhựa	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
273	Bìa kẹp tài liệu, chất liệu nhựa giả da	39269099	39261000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
274	Hộp (dạng Tủ) đựng đồ dùng trong văn phòng bằng nhựa	39249090	39261000	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
275	Nút nhựa chụp chân ghế	39235000	39263000	Doanh nghiệp hiểu sai bản chất hàng hóa nên phân loại vào mã số HS có thuế suất thấp
276	Thanh nhựa (plastic) giữ chớp bằng nhựa, dùng cho cửa sổ bật	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
277	Ke gốc cho cửa, tay nắm gạt, chốt đệm gioăng các loại bằng plastic	39269099	39252000 39253000	Doanh nghiệp khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
278	Túi treo trang trí bằng nhựa	39232990	39264000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
279	Gioăng cửa	40169390	39269099	Khai báo sai chất liệu từ cao su để giảm thuế Đề nghị DN khai báo rõ chất liệu để làm cơ sở áp mã

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
280	Nêm (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Đề nghị DN khai báo rõ cấu tạo, thành phần, công dụng, quy cách đóng gói...theo mô tả tại Danh mục HHXKNKVN để làm cơ sở áp mã
281	Bộ lọc thờ. Code: C2F cho máy HI-801. 100pcs/box/set.	90330010	39269039	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
282	Màng lọc cảm biến dòng (Sensor Mesh screen), phụ kiện cho máy đo chức năng hô hấp HI-801, Hiệu CHEST	90330010	39269039	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
283	Miếng dán tạo nhịp dành cho máy sốc tim Code: H329	90330010	39269099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
284	Phụ kiện máy thở Monnal T60: Vỏ bọc màn hình bằng nhựa	90330010	39269039	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
285	Đĩa petri bằng plastic tiệt trùng dùng trong phòng thí nghiệm	90189090	39269039	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
286	Miếng nhựa dán ngoài bàn phím (phụ kiện dành cho máy điện tim), Code: 6122901031, Hiệu Nihon Kohden,	90330010	39269099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
287	Miếng đệm cách nhiệt bằng sợi nhựa lưu hóa	39219010	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
288	Vòng nhựa che ổ bi	39269059	39269099	DN khai sai mã số
289	Vật liệu đóng gói, bao bì sản phẩm (camera dân dụng): Xốp EVA tấm 256x203x29mm (Etylen-Vinyl axetat)	39211991	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã Trường hợp sản phẩm dùng được ngay thì phân loại thuộc 39.21.
290	Bích nối các ống dẫn nước (linh kiện trong máy rửa chén công nghiệp)	84229090	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
291	Đầu phun nước có gắn vòi, dùng cho hệ thống phun nước	84248920	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
292	Bì nhựa dùng để kiểm tra chất lượng sản phẩm sứ vệ sinh sau khi ra lò nung	84829900	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
293	Đế nhựa cho camera trên tàu thủy, không nhãn hiệu và model	85299040	39269099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
294	Quả cầu cảnh báo màu cam, bằng plastic, đường kính 500mm. Sử dụng để cảnh báo cho các phương tiện bay tránh ĐZ. Nhà sx Anhang China	39269049	39269099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
295	Bộ phụ kiện hay bộ phận của điện thoại di động	85177021 85423100 85423200 85423300 85423900	39269099	Khai báo là bộ phận để hưởng thuế suất thấp Đề nghị DN khai báo rõ cấu tạo, công dụng, thành phần, tính chất lí hóa.... Theo mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã Bộ phận của điện thoại di động có nhiều loại và có loại có thể thuộc nhóm 8517, 8542.
296	Vỏ công tắc bằng nhựa dùng cho máy hàn hồ quang điện 15A-220V, kích thước (2x75)cm, hiệu chữ trung quốc, mới 100 %	85365099	39269099	Khai báo sai tên hàng, chủng loại để hưởng thuế suất thấp hơn. Đề nghị DN khai báo rõ nếu trong trường hợp chỉ là vỏ bằng nhựa hay còn có kèm thiết bị đi kèm
297	Tấm cách điện bằng nhựa, phụ kiện cách điện bằng nhựa	85472000	39269099 39269099 3920 3921	Khai báo phụ kiện cách điện bằng nhựa: theo công dụng hàng hóa Nhưng đây là tấm cách điện làm bằng nhựa nên được áp vào sản phẩm bằng nhựa
298	Nắp chắn nước cho kẹp răng đầu nối (bộ phận nối dây cáp điện dùng cho điện áp 24KV), mới 100%	85389020	39269099	Doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để hưởng mức thuế suất thấp Vật liệu bằng Plastic . Dùng chụp bảo vệ chốt siết kẹp răng 24kV nhằm chống thấm nước vào bên trong. Đây là bộ phận của bộ nối điện trên đường dây.
299	Cao su BUTYL	40023110	40059190	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Hỗn hợp cao su chưa lưu hóa với chất độn vô cơ, chất màu và phụ gia, dạng tấm
300	Hạt nhựa TPR(TPR RESIN)(Dạng nguyên sinh)-NPL sản xuất phụ tùng xe đạp	40029990	40059990	Mặt hàng là Cao su hỗn hợp, dạng hạt Thành phần gồm có copolyme styren, dầu khoáng, canxi cacbonat. Dễ lẫn giữa mặt hàng cao su tổng hợp và cao su hỗn hợp
301	Hạt nhựa cao su (Themoplastic rubber MK-ERO W5-145A, 145B) dùng trong sản xuất đế giày	40021910	40059990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại giữa cao su tổng hợp và cao su hỗn hợp
302	Cao su tổng hợp Butadiene	40022090	40051090	Mặt hàng là Hỗn hợp cao su với muối carbon và oxit silic nhưng khai báo là cao su tổng hợp nhằm hưởng thuế suất thấp
303	Miếng cao su EPDM dùng cho ô tô dùng làm đệm giảm chấn	40027090	40081900	Khai báo vào mặt hàng cao su tổng hợp nhằm hưởng thuế suất thấp
304	Ống dùng cho bàn là dùng trong may công nghiệp	84519090	40094110 40094190	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
305	Băng chuyền, dây curoa bằng cao su có mặt cắt hình thang	40103500	40103100	Lợi dụng mô tả hàng hóa chưa rõ ràng để khai sai bản chất hàng hóa

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
306	Đai tải băng truyền (dây cu roa) bằng cao su, được gia cố bằng vật liệu dệt, mặt cắt chữ V, chu vi 1800mm, dùng trong dây chuyền sản xuất bột mỳ	40103900	40103100	Khai báo sai tên hàng, chủng loại để hưởng thuế suất thấp hơn
307	Dây curoa 400x2500mm	84649010	40103900	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc, mã số 84649010
308	Lốp xe chuyên dụng cho xe ô tô tải tự đổ không lưu hành trên đường quốc lộ mà chỉ dùng trong khai thác mỏ	40112090	401180	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp. Mặt hàng tùy thuộc kích cỡ lốp để phân loại ở cấp độ 8 số thuộc phân nhóm 401180 Công văn hướng dẫn số 6156/TCHQ-TXNK ngày 18 tháng 9 năm 2020
309	Lốp ô tô dùng cho ô tô tải	40112090	40112010	Không khai bản rộng lốp , khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp Đề nghị DN khai báo rõ tương ứng theo mô tả của Danh mục HHXKNK Việt Nam
310	Lốp đặc TOKAI, PU25-255x120x190, đường kính ngoài 255mm, chiều rộng 120mm (dùng cho xe nâng hàng)	40129014	40129021	Mặt hàng có bản chất là lốp nửa đặc. Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp hơn
311	Săm bánh xe sau của dàn cày bằng cao su có đường kính 40 cm	40117000	40139091	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
312	Mặt hàng miếng cao su xốp, mục đích sử dụng để ngồi và quỳ khi làm vườn hoặc cắt tỉa cây	40081900	40161090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
313	Miếng mút ép nhãn bằng cao su, dùng cho máy dán nhãn	40169390 40169959	40161090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
314	Dải cao su không xốp kích thước 2 mm x 1 m x 10 m, màu shiny normal Green	40082190	40169110	Đề lẫn với mặt hàng là tấm sản phẩm từ cao su không xốp (màu đen), đã lưu hóa, một mặt đã được phủ plastic (màu xanh lá cây, chiếm ~15% khối lượng), chiều dày 2mm, dạng tấm rộng 1m
315	Thảm trải sàn bằng cao su	40081900	40169190	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
316	Túi khí bằng cao su dùng để hạ thủy tàu	89079090	40169500	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (phao nổi)
317	Linh kiện xe máy điện không đồng bộ: Cao su toàn xe (0.3kg/bộ), sử dụng cho model : DK gogo. Hàng mới 100% do TQ SX	40169919	40169912	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế
318	Miếng dán cao su	40169390	40169999	Khai báo sai chủng loại với miếng đệm, vòng đệm và các miếng đệm chèn khác bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng, mã số 40169390

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
319	Khớp nối bằng cao su	40169959	40169999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
320	Gioăng bằng cao su	40169959 40082900 40169390 84229090	40169999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
321	Các sản phẩm bằng cao su xốp	98181110 98181190	40169953 40169959	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
322	Bàn phím làm bằng cao su	98341100	40169999	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (Khắc lase, phủ PU, nhiệt độ chịu đựng 150 độ c, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất chương 98
323	Túi xách bằng nhựa	39269099	42021299	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt
324	Thùng đồ nghề bằng nhựa	39231090	42022200	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
325	Túi nhựa Plastic dùng để đựng dụng cụ	39232990	42029290	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
326	Ví tiền nữ bằng nhựa giả da, kết hợp vật liệu nhựa (trang trí)	39269099	42029290	DN khai sai mã số
327	Thanh đốt từ mùn cưa, nén thành dạng thanh	44013100	44029090	Khai sai bản chất hàng hóa, tên hàng, mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
328	Gỗ ván sàn bằng gỗ Téch	44072969	44092200	Khai báo không đầy đủ mô tả hàng hóa nhập khẩu (ví dụ không khai báo yếu tố đã được soi, bào rãnh)
329	Ván bằng các vật liệu có chất gỗ khác	44092100	44109000	Khai báo sai chủng loại hàng hóa với Gỗ (kể cả ván) từ tre mã số 44092100
330	Tấm gỗ ghép làm từ gỗ bạch dương (2000-2440 x 1220 x 9-12)mm	44129990	44219999	khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp hơn
331	CORKBOARD (Ván dăm)	44101100	45041000	Mặt hàng là Tấm lie kết dính
332	Giấy không tráng phủ, hàm lượng bột giấy thu được từ quá trình cơ học dưới 10%, dạng cuộn, khổ 125cm, định lượng 71gsm, hàm lượng tro 35.6%, loại dùng để in	48025590	48025569	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
333	Giấy bìa không tráng (định lượng 350g/m2 quy cách 889 mm x 650 mm, dạng tờ, dùng để in nhãn	48059390	48025839	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng khó phân loại để áp mã số HS vào mặt hàng có thuế suất thấp
334	Giấy lớp mặt không tráng định lượng 140gsm	48052400	48041900	Bản chất mặt hàng là giấy kraft lớp mặt, DN khai là giấy lớp mặt để hưởng thuế suất thấp

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
335	Giấy lớp mặt không tráng định lượng 170gsm	48052510	48041900	Bản chất mặt hàng là giấy kraft lớp mặt, DN khai là giấy lớp mặt để hưởng thuế suất thấp
336	Giấy in nhãn chưa tráng phủ, kích thước 787 mm x 1092 mm, định lượng 400g/m2	48059390	48041900	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng khó phân loại để áp mã số HS vào mặt hàng có thuế suất thấp
337	Giấy không tráng, dạng tờ,	48059390	48043190	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai là giấy không tráng để hưởng thuế suất thấp
338	Các tông làm từ tre, chưa tráng phủ, dạng tờ hình chữ nhật	48059390	48043190	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
339	Giấy đã tráng dạng cuộn	48103190	48043920	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Giấy kraft đã tẩy trắng, chưa tráng phủ, dạng cuộn, dùng làm bao gói thực phẩm
340	Giấy không tráng, dạng cuộn, định lượng từ 150gsm trở xuống	48059190	48043990	Bản chất mặt hàng là giấy kraft không tráng, DN khai là giấy không tráng để hưởng thuế suất thấp
341	Giấy không tráng, dùng để bọc cuộn thép không gỉ	48059190	48043990	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
342	Giấy tráng phủ chất kết dính, chống tĩnh điện, có hàm lượng bột giấy 80%, không bụi, đã tẩy trắng, chưa in dạng tờ (KT: 900mm x 850mm)	48109990	48043990	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
343	Giấy đã tạo sóng dạng cuộn, khổ 749 cm - 1499 cm, định lượng từ 150g/m2 trở xuống, nhãn hiệu Medium, chưa đục lỗ	48081000	48044190	Mặt hàng là Bia giấy kraft chưa tẩy trắng, chưa tráng phủ, chưa thấm tẩm, chưa in hay nhuộm màu bề mặt (giấy chưa làm nhãn, làm chun hay tạo sóng) Khai báo vào mặt hàng giấy đã tạo sóng nhằm hưởng thuế suất thấp
344	Giấy Carton lớp mặt được làm chủ yếu từ bột tái chế với các định lượng khác nhau có xuất xứ từ Australia	48052590	48045190	Khai báo sai thành phần, giấy là loại nhiều lớp, được làm chủ yếu từ bột tái chế, có hàm lượng bột giấy sản xuất theo phương pháp sunphat và kiềm lớn hơn 80%, mã số khai báo 4805
345	Giấy dạng cuộn có nhuộm màu bề mặt (làm lớp mặt bao bì)	48119099	48052510	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
346	Giấy dạng cuộn nhuộm màu bề mặt (làm lớp mặt bao bì carton 200GSM, chưa in)	48119099	48052510	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Bìa lớp mặt, được tạo bởi hai lớp giấy có màu sắc khác nhau bằng phương pháp ép ẩm, chưa được tráng phủ, chưa in hình, in chữ, thành phần chủ yếu từ bột giấy tái chế, trong đó bột giấy hóa học 745% Mẫu dạng cuộn, khổ 95cm, định lượng 204g/m ² , chỉ số bụi 42kPam ² /g, được sử dụng chủ yếu làm bao bì
347	Giấy chống dính dạng cuộn khổ 150cm DTP PAPER (100M/CUỘN) Tên thương mại: Transfer paper	48025550	48099090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp, mặt hàng là Giấy chuyển nhiệt dùng cho máy in nhiệt
348	Giấy in chuyển ,dùng để in hoa văn lên vải , dạng cuộn, TRANSFER-PAPER	48101399	48099090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
349	Giấy chuyển nhiệt (định lượng: 80g/Cuộn)	48169040	48099090	Không khai báo kích thước hàng hóa Mặt hàng dạng cuộn, có chiều rộng trên 36cm
350	Nhãn giấy chứa mạch tích hợp điện tử RFID - TGOST9H00W	85235929	48119099	Mặt hàng là tấm giấy hình chữ nhật kích cỡ (32 x 46)cm, một mặt được in với 24 ô chữ nhật màu trắng ,mặt đối diện không in, dùng dán lên mặt sau của tấm giấy làm thẻ thông minh loại paper hangtag (with RFID security tag) tên thương mại: paper of hangtag
351	Khăn phủ dùng cho phẫu thuật nha khoa, dụng cụ khám răng	90184900	48119099	Mặt hàng là giấy dùng cho nha khoa, một mặt đã nhuộm màu
352	Giấy làm lớp mặt	48052510	48116091 48116099	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,
353	Giấy tự dính AL-W-SW-2002 (106 CM x 2000 M)	48102999	48114190	Mặt hàng là Giấy đã tráng phủ một mặt bằng cao lanh và canxi cacbonat, mặt sau có lớp tự dính bằng polyacrylic chưa in, chưa nhuộm màu bề mặt Khai báo vào mã số 48102999 nhằm hưởng thuế suất thấp
354	Giấy từ bột giấy đã tẩy trắng, một mặt tráng phủ vô cơ, một mặt tráng phủ plastic với bề dày lớp plastic nhỏ hơn 1/2 tổng bề dày, định lượng	48059390	48115199	Doanh nghiệp khai mã số hàng hóa ở mức thuế suất thấp (10%) nhưng nhập khẩu hàng hóa ở mã số có thuế suất cao hơn (15%) để gian lận thuế
355	Giấy đóng gói dạng cuộn (có định lượng trên 25g/m ² đến dưới 150g/m ²)	48059190	48115949	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp,

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
356	Giấy kraft dạng cuộn, chiều rộng 1090mm (58G White glassine paper)	48102999	48115999	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Giấy từ bột giấy đã tẩy trắng, tráng phủ một mặt bằng polysiloxane, chưa in, chưa nhuộm màu, dạng cuộn, khổ 109, định lượng 59.51g/m2, định lượng lớp silicone 1,2g/m2
357	Giấy bóng mờ	48064000	48115999	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp hơn (KQPTPL số 60/TB-KĐ3 ngày 13/01/2021)
358	Giấy bóng mờ dạng cuộn 60g/32*1260mm, khổ 1m26 không in hình in chữ, dùng trong công nghiệp hàng mới 100%	48064000	48115999	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế theo PTPL là "Giấy từ bột giấy đã tẩy trắng, đã tráng phủ hai mặt bằng lớp mỏng (polyme silicon), loại không tự dính, chưa nhuộm màu bề mặt hay chưa trang trí hoặc chưa in bề mặt, định lượng 119.5g/m2, dạng
359	Giấy thấm dầu dùng để cắt chữ cho máy dập ký tự và số stencil oil board	48022090	48116099	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Các tông đã được thấm tẩm dầu, dạng tờ
360	Giấy trang trí xenlulo	48119099	48142010 48142090	Khai báo sai tên hàng lẫn với dòng hàng 48119099
361	Bao và túi xách bằng giấy không sóng	48192000	48193000 48195000	DN không khai báo rõ chiều rộng đáy, khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
362	Túi giấy dạng không sóng dùng đựng tài liệu ,loại gấp được	48192000	48194000	Khai sai mã số để hưởng mức thuế ưu đãi thấp hơn
363	Túi giấy dạng không sóng dùng đựng tài liệu, loại gấp được, hiệu DANXIN, kích thước (30*22*1) cm +/-10%, mới 100%	48192000	48194000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
364	Giấy được phủ Plastic hai mặt đã ghép thành hình ống và có in trang trí, hướng dẫn sử dụng (950ml, No sugar)	48119099	48195000	Mặt hàng nhập khẩu ở dạng cắt rời thành từng chiếc (Mặt hàng là bao bì đựng sữa đã được ghép thành hình hộp chữ nhật, hai đầu đã được gia công (tạo gờ, gấp nếp, cắt góc) và chỉ thực hiện thêm một công đoạn rất đơn giản là ghép mí khi cho sữa vào trong Sản phẩm đã được cắt thành từng chiếc riêng lẻ, được đóng gói 500 chiếc/một đơn vị đóng gói, mặt ngoài đã được in và trang trí bao gồm tên sản phẩm sữa, tên công ty sản xuất, thành phần hóa học, cách bảo quản, cách sử dụng) Khai báo sai hình dạng hàng hóa (ghép thành hình ống, chưa tạo thành hộp hoàn chỉnh) nhằm hưởng thuế suất thấp
365	Túi đựng dụng cụ để hấp diệt khuẩn, dụng cụ trám răng	90184900	48195000	Mặt hàng là bao bì dùng trong xử lý diệt trùng các dụng cụ y tế, túi dạng đã đóng gói bán lẻ
366	Túi chỉ thị diệt trùng	90189090	48195000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
367	Hộp giấy đựng khóa mã vali	48191000	48196000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
368	Nhãn treo bằng vật liệu nhựa phủ giấy, loại chịu nhiệt, 1100 chiếc/cuộn, kt: 114mmx 79.38m, đã được in một mặt, dùng cho máy in nhiệt để in Eteket sản phẩm thép	39269099	48211090	Khai sai chủng loại để hưởng thuế suất thấp
369	Giấy đã phủ một mặt bằng lớp polyetylen mỏng 200x1580 (mm) VCI Angle paperboard (Sheet)	48115999	48239096	Mặt hàng dạng tấm, kích thước 200x1580mm, một bên chiều dài đã được cắt rãnh răng cưa hình tam giác, chiều dài rãnh 10cm Khai báo sai hình dạng hàng hóa
370	Giấy làm từ bột chưa tẩy trắng đã làm chun, chưa thấm tẩm, chưa tráng phủ, dạng cuộn khổ rộng 40mm	48043110	48239099	Khai báo sai công dụng của hàng hóa (giấy kraft cách điện) nhằm hưởng thuế suất ưu đãi thấp 5%
371	Bộ roăn (bằng giấy) hoặc Roăn bằng giấy các loại	48109990	48239099	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
372	Yếm nha khoa, bằng giấy phủ Plastic	48115999	48239099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

STT	Tên hàng hóa		Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2		3	4	5
373	Băng giấy chống thấm		56039300	48239099	Khai báo sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp Đề nghị DN bổ sung thông tin về cấu tạo, thành phần, mục đích sử dụng ... Theo mô tả tại Danh mục HHXKNK Việt Nam để làm cơ sở áp mã
374	Tấm bìa làm từ giấy chưa tẩy trắng, gồm 3 lớp dán với nhau: lớp giữa làm từ giấy, được ghép, dán lại với nhau tạo cấu trúc rỗng hình lục lăng, kt: 1103x936x(15, 20, 25, 30 và 40)mm, hàng mới 100%.		48081000	48239099	Khai báo sai mã số, thuế suất (hàng là: Sản phẩm được làm từ giấy chưa tẩy trắng, gồm 03 lớp được dán với nhau: lớp ở giữa làm từ giấy, được ghép lại, dán lại với nhau tạo cấu trúc rỗng hình lục lăng; hai lớp bên ngoài được làm từ giấy không trắng phủ, không thấm tẩm, chưa in, chưa dập nổi, chưa làm chun hay làm nhăn) Kết quả PTPL số 2153/TB-KĐ2 ngày 25/12/2019 của Chi cục Kiểm định hải quan 2 và Thông báo số 3402/TB-TCHQ ngày 26/05/2020 của Tổng cục Hải qua
375	Vật liệu đóng gói, bao bì sản phẩm (camera dân dụng): Giấy sóng đã quét lớp keo dính, dùng làm khay lót bên trong hộp		48114990	48239099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã
376	Nhãn nhựa, dùng làm tem nhãn dán vào dây điện		39269059	49089000	Khai sai tên hàng, mã số để hưởng mức thuế suất thấp. Bản chất mặt hàng là Đề can
377	Nhãn nhựa		39269099	49089000	DN thường áp sản phẩm nhựa nhưng nhãn nhựa thường là decan
378	Decal chưa in dùng cho các sản phẩm thủy tinh		49081000	49089000	Doanh nghiệp khai sai bản chất, khai báo mã số hàng hóa có thuế suất thấp để được hưởng thuế suất Ưu đãi, ƯĐDB thấp hơn
379	Màng nhựa tự dính một mặt, có in hình		39199099	49119139	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa: Sản phẩm in trên màng nhựa polyvinyl clorua tự dính, ở dạng miếng, có thể ghép thành bức tranh, ảnh hoàn chỉnh
380	Nhãn thân Beck's Ice bằng nhựa PET để dán thân chai bia, có in nội dung.		39199099	49119990	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
381	Trang giấy chèn phụ để làm đóng gói camera dân dụng QSG 89x114.5mm (Item # 307001017935), đã in nhãn hiệu RING, không thấm, tằm, trắng, phủ	48119099	49119990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã
382	Sợi filament tổng hợp từ các polyester sợi dún (100% Spun polyester)	55092100 55092200 55095210	54023300	Khai sai mã số hàng hóa, đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế thấp
383	Sợi polyester DTY...	54022000 54026200	54023300 54024600 54024700	Bản chất mặt hàng là Sợi dún/sợi khác từ filament polyester, chưa đóng gói để bán lẻ nhưng doanh nghiệp khai sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
384	Sợi xe từ polyeste/Sợi từ polyeste	54026200 54022000	54023300 54024700 54025200	Khai sai thành phần, loại sợi để áp vào mã số có thuế suất thấp hơn
385	Sợi spandex 100% polyurethan (1680DR-Col BK)	54026900	54024490	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng khó phân loại để áp mã số HS vào mặt hàng có thuế suất thấp
386	Vải dệt thoi từ sợi filament tổng hợp.	54077100	54075200	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt thấp (hàng là Vải dệt thoi, đã nhuộm, thành phần gồm 91% filament polyester dún và 9% sợi đàn hồi polyurethane, bề mặt không tráng phủ, định lượng 134g/m2)
387	Vải dệt thoi , có tỷ trọng sợi filament polyester dún trên 85% (không phải sợi có độ bền cao), đã nhuộm, chưa ngâm tẩm hay tráng phủ bề mặt, dạng cuộn, khổ 1,56m	54076190	54075200	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐDB thấp hơn
388	Cuộn len sợi, có tỷ trọng sợi bông 86%, Đóng gói 12 cuộn/kiện. Mối 100%	52071000	55092200	Khai sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu FTA thấp hơn. Thực tế mặt hàng là Sợi bằng xơ staple không phải từ bông
389	Sợi xe polyester, spandex, dùng sản xuất hàng may mặc/Sợi tổng hợp Spun Polyeste	54026200	55092100 55092200	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Sợi từ xơ staple polyeste nhưng khai báo vào mã số của sợi filament
390	Vải 100% Polyester khổ 58/60"	55129900	55121900	Khai sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất AC 0%. Bản chất mặt hàng không phải là từ xơ polyeste

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
391	Vải TC dệt thoi từ sợi nhân tạo tái sinh	55164100	55131100	Khai sai tên hàng, mã HS, thành phần cấu tạo để hưởng thuế suất FTA thấp. Thực tế mặt hàng từ xơ stape tổng hợp
392	Bông tẩy trang	96162000	56012100	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
393	Tấm bông lõi gỗ dành cho người lớn	96190019	56012100	Doanh nghiệp khai báo theo công dụng không hai báo theo bản chất hàng hóa
394	Phốt đánh bóng giấy	84539000	56022900	Doanh nghiệp khai báo vào mã HS của bộ phận của máy dùng để sản xuất hay sửa chữa giày dép
395	Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ...	59039010 59039090	56039100 56039200 56039300 56039400	Khai báo sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế ưu đãi thấp hơn. Thực tế hàng hóa là vải không dệt
396	Tấm polypropylene được dùng để thấm hóa chất các loại	39269059	56031400	Khai sai bản chất hàng hóa để áp mã số có thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
397	Sản phẩm không dệt từ xơ stape polypropylen.... Có trọng lượng trên 25g/m2	56039100	56039200	Khai sai trọng lượng hàng hóa nhằm hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp hơn
398	Vải địa kỹ thuật dùng trong xây dựng	59119090	56039400	DN khai sai mã số hàng hóa
399	Sợi thủy tinh G-440P	70191200	56039400	Khai báo thành sợi thủy tinh để hưởng chênh lệch thuế
400	Màng lọc dạng cuộn	59119090	5603	Khai báo vải lọc kỹ thuật để hưởng thuế thấp, bản chất là vải không dệt
401	Dây thun tròn, đôi, dùng để sản xuất khẩu trang y tế	56041000	56060000	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa Đề nghị DN bổ sung thông tin về cấu tạo, thành phần, mục đích sử dụng ... Theo mô tả tại Danh mục HHXKNK Việt Nam để làm cơ sở áp mã
402	Sợi ruy băng (dùng trang trí trong tiệc giáng sinh)	39206910 39206990	58089090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
403	Vải mảnh dùng làm lớp từ sợi ni lông 6	98260000	59021091	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (Vải mảnh nylon 1680D/2 và 1890 D/2) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

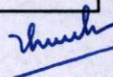
Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
404	Vải dệt được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic khác trừ loại với polyvinyl chlorit và polyurethan dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su	98080010 98080090	59039010 59039090	Khai báo sai mục đích sử dụng (Dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
405	Tấm nhựa PU; P.U giả da, dạng cuộn, dùng để làm phụ liệu giày, túi, cặp.	39211391	59032000	Khai sai tên hàng, mã số, bản chất hàng hóa để được áp dụng thuế suất thấp. Mặt hàng tấm nhựa PU giả da có đặc điểm cấu tạo giống mặt hàng vải giả da đều được tráng phủ lớp PU giả da trên nền vật liệu dệt hoặc không dệt nhưng mặt hàng tấm nhựa PU giả da có mã phân loại 3921.13.91, mặt hàng vải giả da có mã phân loại 5903.20.00.
406	Vải mảnh dùng làm lớp từ nylon, vải tráng cao su làm mép lớp- DIPPED CANVAS	59021019	59039090	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Vải dệt thoi, kiểu dệt vân điểm, thành phần từ 100% filament polyester; vải đã được ngâm tẩm với RFL (resorcinol formaldehyde latex), dạng cuộn; dùng làm lớp cốt cho vải tráng phủ cao su dùng trong sản xuất lốp xe cao su
407	Băng đai tải - băng vật liệu dệt	85143090	59100000	Dùng trong dây truyền công nghệ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc thiết bị có thuế suất của dòng hàng 85143090
408	Vải dệt thoi	54076910 54076990	60053500 60053790	DN thường khai báo sai tên hàng, chủng loại, thành phần, ... và có thể lợi dụng khai báo mã số theo C/O form E (từ Trung Quốc) để hưởng thuế suất thấp. Bản chất là vải dệt kim
409	Dây buộc giày bằng sợi tổng hợp, dài (1.2-1.5)m, mới 100%	64061090	63079080 56090000	Khai sai mã số hàng hóa. Lưu ý: Đối với mặt hàng thuộc mã số 6307.90.80 là sản phẩm đã hoàn thiện.
410	Đế ngoài và gót giày bằng cao su hoặc plastic	64069031 64069032	64062010 64062020	Khai báo sai mục đích sử dụng từ đế ngoài và gót giày bằng cao su hoặc plastic thành đế giày đã hoàn thiện hoặc tấm lót bằng cao su hoặc plastic để hưởng mức thuế suất thấp hơn
411	Cây cảnh trang trí bằng điện	39264000	67021000	Khai báo sai chủng loại với Cây cảnh bằng nhựa có đèn trang trí, mã số 39264000 để hưởng thuế suất thấp

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
412	Đá phiến (Slate), chưa mài bóng, cắt cạnh, dạng tấm.	25140000	68030000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Đá phiến, dạng tấm, một mặt được gia công phù hợp làm vật liệu ốp lát
413	Đá mài	25132000	68042200	Khai báo tên hàng không rõ ràng rồi áp mã có TS thấp hơn
414	Đá mài bằng kim cương	68042100	68042200	Khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
415	Tấm xốp dán tường 3D	39189099	68101910	Khai sai đặc điểm hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp hơn
416	Đá ốp lát nhân tạo	68029310	68101990	Khai sai tên hàng để được hưởng thuế suất UD, UDDB thấp hơn
417	Đá nhân tạo từ bột đá phiến kết lại thành khối, đá ốp lát từ bột đá phiến kết lại thành khối.	68030000	68101990	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
418	Đá Granite tự nhiên đánh bóng 1 mặt, vân đá đều, hàng mới 100%, xuất xứ Trung Quốc.	68029310	68101990	Khai sai về chủng loại, mã số, thuế suất, số lượng hàng hóa nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan (thực tế hàng là: Đá nhân tạo, dạng tấm, đã đánh bóng một mặt, xuất xứ Trung Quốc).
419	Các mặt hàng thành phẩm từ graphit	38019000	68151099	Doanh nghiệp khai theo chất liệu dẫn đến sai mã số
420	Sản phẩm gốm chịu lửa chứa trên 50% trọng lượng là oxit nhôm và dioxit silic, sử dụng để lọc dầu. Hình trụ tròn, đường kính ~4.5cm đến 5.5cm, chiều cao ~1.8cm đến 3.2cm, xốp, thông khí, màu trắng	38151900	69032000	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
421	Gạch dùng trong xây dựng	69022000 69029000	69041000 69049000	Khai sai mã số hàng hóa, dễ lẫn với mặt hàng gạch chịu lửa dùng trong xây dựng.
422	Lớp lót dùng lót cối nghiền làm từ oxit nhôm (hàm lượng ô xít nhôm $Al_2O_3 \geq 68\%$, độ cứng: 7.6 mohs) dùng trong sản xuất gạch men	69032000	69072110	DN nhầm lẫn trong việc Phân loại, áp mã hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
423	Gạch lót bằng cao nhôm dùng trong dây chuyền sản xuất gạch men	69091200	69072110	Khai báo vào nhóm đồ gốm sứ để hưởng thuế suất thấp hơn
424	Gạch chịu lửa dùng để xây thành lò làm từ nhôm oxit (hàm lượng ô xít nhôm $Al_2O_3 \geq 50\%$, chịu nhiệt độ 1400 độ C) dùng trong sản xuất gạch men	69032000	69072191	DN nhầm lẫn trong việc Phân loại, áp mã hàng hóa
425	Bình hoa, vỏ rượu bằng gốm	69091100	69149000	DN Khai sai mã số và thuế suất
426	Kính quang học dùng làm bếp gas (7mmx1830mmx2440mm) không hiệu, mới 100%	70052910	70052990	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
427	Kính quang học không có cốt thép, loại khác	70052910	70052990	Khai báo sai chủng loại với kính quang học không có cốt thép, chưa được gia công về quang học, mã số 70052910
428	Kính trắng đã gia công cạnh	70060090	70052990	Khai báo sai tên hàng, mã số
429	Gương thủy tinh	70099100	70099200	Không khai chi tiết hàng hóa có bao gồm khung hay chưa để hưởng chênh lệch về thuế suất
430	Bộ gương lược bỏ túi bằng kim loại	96151900	70099200	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
431	Ống đựng thuốc tiêm	70101000	70109099	Doanh nghiệp khai sai hình dạng để áp mã số có thuế suất thấp
432	Ly thủy tinh dùng để đựng sáp đèn cây và đựng dầu	70109091 70109099	70132800	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
433	Khay bằng thủy tinh đựng trái cây hình tròn	70139900	70134900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.



STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
434	Ly, cốc bằng thủy tinh	70139900	70131000 70132200 70132800 70133300 70133700	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
435	Chén, đĩa, tô, hộp (dùng đựng thức ăn) bằng thủy tinh (bộ đồ ăn hoặc đồ nhà bếp bằng thủy tinh)	70139900	70134100 70134200 70134900	Dn khai sai mã HS để hưởng chênh lệch thuế suất
436	Viên thủy tinh dùng cho đèn chùm	94059190	70181010	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp. Công văn số 6915/TCHQ-TXNK ngày 27/10/2020
437	Vải dệt thoi từ sợi multifilament thủy tinh, chưa thấm tẩm, chưa tráng phủ, dạng cuộn khổ rộng	85461000	70195100	Khai báo sai mục đích sử dụng, công dụng (phụ kiện, vật tư cách điện) để hưởng thuế suất 0%
438	Sào thao tác cách điện điện áp 220KV (CE-5-50-K), hàng mới 100%	85479090	70199010	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
439	Đồ trang trí, đồ phong thủy bằng đá./ Đá thạch anh trang trí	68159900	71162000	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp hơn. Bản chất mặt hàng là đá quý và đá bán quý
440	Hợp kim ferro	72024900 72029900	72021100 72023000	Khai báo bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
441	Thép dạng thỏi	72061090	72042100	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số không chịu sự quản lý chuyên ngành
442	Thép phế liệu dùng trong nấu luyện (có thành phần gang, xi sắt)	72044900	72041000 26190000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
443	Sắt lá	72111915 72111919 72111992 72111993 72111999	72071290	Bản chất mặt hàng là "dạng bán thành phẩm", DN không khai báo đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn tại nhóm 7211
444	Thép tấm, thép cuộn không hợp kim, mạ kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt	72104911	72103011	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân nhưng khai báo thành hợp kim hóa bề mặt) để được hưởng lợi về thuế
445	Thép cuộn không hợp kim, được cán phẳng mạ kẽm bằng phương pháp điện phân có hàm lượng carbon dưới 0.6 %, tính theo trọng lượng	72103011	72104912	Kết quả kiểm tra sau khi có chỉ đạo từ công tác trực ban trực tuyến xác định hàng hóa nhập khẩu thực tế là thép cuộn không hợp kim, được cán phẳng mạ kẽm bằng phương pháp khác, mã số điều chỉnh 72104912

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
446	Thép không hợp kim được cán phẳng (hàm lượng C<0,6% tính theo trọng lượng) chiều dày không quá 1,2mm, chiều rộng từ 600mm, mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, dạng cuộn	72103011 72104911	72104912	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép cuộn mạ kẽm theo phương pháp điện phân, hàm lượng carbon dưới 0,6%) hoặc mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng (thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt có hàm lượng carbon dưới 0,04% tính theo trọng lượng và chiều dày không quá 1,2mm) để hưởng chênh lệch thuế
447	Tole tráng kẽm 05mm, được tráng kẽm bằng phương pháp điện phân, có hàm lượng cacbon dưới 0.6%	72103011	72104912	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Thép không hợp kim, cán phẳng, có hàm lượng Carbon dưới 0.6% tính theo trọng lượng, cán nguội, dạng cuộn, chiều rộng trên 600mm, chiều dày không quá 12mm, mặt cắt ngang hình chữ nhật đặc, bề mặt tráng kẽm bằng phương pháp nhúng nóng
448	Thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng, chiều dày không quá 1,2mm, được mạ hoặc tráng hợp kim nhôm-kẽm.	72103011	72106111	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng "Thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng, chiều dày không quá 1,2mm, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân." để hưởng chênh lệch thuế.
449	Thép không hợp kim dạng đai và dải (hàm lượng C<6%), cán nóng, chưa tráng phủ mạ, mã số phân loại 72111913, thuế suất thuế NK ưu đãi 10%.	72122010	72111913	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
450	Thép hợp kim được cán phẳng, dạng đai và dải (dạng cuộn), cán nóng, không sơn phủ mạ tráng	72269110	72112920	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai sai tên hàng vào mã số thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế theo PTPL là "Thép không hợp kim cán phẳng, cán nguội, dạng đai và dải (dạng cuộn). Mã HS 72112920. Thuế NK 7%, Thuế NK bổ sung 25,22% theo Quyết định số 3390/Q Đ-BCT ngày 21/12/2020

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
451	Thép không hợp kim SK5, cán phẳng, chiều rộng 43mm, chưa phủ, mạ, tráng, không gia công quá mức cán nóng, (T.1.0*W.43)mm/cuộn, NL SX linh kiện kim loại, nhà SX: CHINA STEEL, TC:JIS G3311	72111913 72111991	72112920	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Thép không hợp kim được cán phẳng (hàm lượng C>0,25% tính theo trọng lượng), dạng dài và dài, <u>cán nguội</u> . đã qua xử lý nhiệt, kích cỡ chiều dày 1mm, chiều rộng dưới 400mm. DN cố tình khai sai tính chất mặt hàng: Khai là <u>Cán nóng</u> thay vì thực tế là <u>Cán nguội</u>
452	Thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, được tráng kẽm bằng phương pháp hợp kim hóa bề mặt	72123014	72122010 72122020 72122090	Khai báo sai chủng loại hàng hóa (thép được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân nhưng khai báo thành hợp kim hóa bề mặt) để được hưởng lợi về thuế
453	Thép tròn trơn, đường kính dưới 14 mm	72139190	72139120	Mặt hàng là thép cốt bê tông, DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
454	Thép không hợp kim dạng thanh và dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng, đường kính mặt cắt ngang hình tròn dưới 14mm	98391000	72139190	Doanh nghiệp khai báo vào chương 98 để hưởng thuế suất thấp, mặc dù bản chất mặt hàng không đáp ứng tcvn 1766:1975, tcvn 8996:2011
455	Thép không hợp kim dạng thanh và dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng, loại khác	98392000	72139990	Doanh nghiệp khai báo vào chương 98 để hưởng thuế suất thấp, mặc dù bản chất mặt hàng không đáp ứng tcvn 1766:1975, tcvn 8996:2011
456	Thép không hợp kim dạng thanh/que, cán nóng, dạng cuộn, cuộn không đều bằng thép dễ cắt gọt	72132000	72139190 72139990	Khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn. Cụ thể: thép không hợp kim dễ cắt gọt mã HS 7213.20.00 thuế suất 0%, mặt hàng thép không hợp kim không phải thép dễ cắt gọt không phải thép cốt bê tông, không phải thép dùng làm que hàn mã 7213.91.90 (thuế 10%) hoặc 7213.99.90 (thuế 10%)
457	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng C< 0,6%, mặt cắt ngang hình tròn	72142039	72142031	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
458	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng C < 0,6%, loại khác	72142049	72142041	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
459	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng từ 0,6% trở lên, mặt cắt ngang hình tròn	72142059	72142051	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
460	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán, hàm lượng từ 0,6% trở lên, loại khác	72142069	72142061	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
461	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội	72155099	72155091	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
462	Thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, loại khác	72159090	72159010	Bản chất hàng hóa là thép cốt bê tông, DN khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất MFN thấp
463	Thép hình chữ V không hợp kim cán phẳng chưa được gia công quá mức cán nóng, chưa dát phủ, mạ hoặc tráng, tiêu chuẩn CCS loại A, dùng trong xây dựng, hàng mới 100%, xuất xứ Trung Quốc.	72165099	72162110	Khai sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất thấp (bản chất hàng là thép không hợp kim (hàm lượng C < 0,6%) cán nóng, dạng thép góc, có hình dạng mặt cắt ngang giống như chữ L, hai cạnh có độ dài bằng nhau, chiều cao dưới 80mm)) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 2147/TB-KĐ2 ngày 25/12/2019
464	Thép góc carbon, không hợp kim, chưa gia công quá mức cán nóng, hàm lượng carbon dưới 0.6%.	72165019 72165099	72162110 72164090	Bản chất hàng hóa là thép hình chữ L, Doanh nghiệp khai báo sai chủng loại, mã số để hưởng thuế suất FTA thấp
465	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên	98181211 98181219 98181299 98181291	72163110 72163190 72163290 72163210	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

STT	Tên hàng hóa		Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2		3	4	5
466	Thép cuộn Ø 4mm		72171029	72171010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Dây thép không hợp kim được tạo hình nguội, chưa tráng/phủ/mạ, dùng làm nguyên liệu sản xuất, hàm lượng carbon (C) < 0,25% DN cố ý khai sai hàm lượng Carbon để gian lận thuế
467	Dây thép không hợp kim, được tráng Sodium nitrate, calcium nitrate, phủ bôi trơn sodium stearate, sodium tetraborate decahydrate sodiumoleate, hàm lượng Cacbon<0.25%.		72179010	72171010	Khai báo sai mã số, thuế suất (Dây thép không hợp kim (hàm lượng C<0.25%, tính theo khối lượng), chưa được tráng phủ mạ) Thông báo kết quả phân tích phân loại số 389/TB-KĐ2 ngày 27/03/2020
468	Dây thép dự ứng lực không hợp kim có hàm lượng cacbon trên 0.6%, không mạ, tròn cuộn đều, 1670Mpa, đường kính D=5.0mm, có vết ấn, sản xuất theo tiêu chuẩn: BS 5896:2012, hàng mới 100%. Xuất xứ: Trung Quốc.		72171033	72171039	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp Căn cứ kết quả phân loại tại Thông báo số Thông báo số 2128/TB-TCHHQ ngày 31/3/2020
469	Mặt bích bằng thép không gi		730721	7219 7220	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp * Doanh nghiệp khai báo: Mặt bích bằng thép không gi cán nguội J1 (KT: dày 0.36mm x đường kính 316mm x Circles). TC: TCCS/INT/2014. NSX: Shanxi Taigang Stainless Steel Co.,Ltd. Hàng mới 100%. * Thực tế hàng là: Thép không gi chưa gia công quá mức cán nguội, dạng tấm, hình tròn J1 (KT: dày 0.36mm x đường kính 316mm x Circles). TC: TCCS/INT/2014. NSX: Shanxi Taigang Stainless Steel Co.,Ltd. Hàng mới 100%
470	Thép không gi, cán nóng, cán phẳng dạng dài, chưa tráng phủ mạ sơn, hàm lượng C>0,25%. Tiêu chuẩn GB/T699, mác thép 420J2, hàng mới 100%		72201210	72202010	Khai sai tên hàng, chủng loại, mã số, thuế suất (hàng là thép không gi cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chưa phủ, mạ hoặc tráng) Kết quả Phân tích kèm mã số tại Thông báo số 1968/TB-KĐ2 ngày 28/11/2019

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
471	Thép không gỉ, cán phẳng, được gia công quá mức cán nguội	72209010	72202010	DN Khai là được gia công quá mức cán nguội thay vì thực tế là Chưa được gia công quá mức cán nguội
472	Thép không gỉ dạng thanh đặc	72221100	72222010	Khai báo sai đặc điểm với thép không gỉ dạng thanh, mã số 72221100 Khai báo sai đặc tính của thép không gỉ cán nguội thành thép không gỉ cán nóng
473	Thép tròn không gỉ, dạng thanh và que khác, có mặt cắt ngang hình tròn	72221100	72222010	Khai là Chưa được gia công quá mức Cán nóng thay vì thực tế là Gia công kết thúc nguội để gian lận thuế
474	Thép hợp kim, có mặt cắt ngang hình tròn, dạng thanh	72286010	72222010	Mặt hàng thực tế là Thép không gỉ dạng thanh, có mặt cắt ngang hình tròn, được gia công kết nguội
475	Thép không gỉ, dạng thanh, gia công kết thúc nguội, mặt cắt ngang hình chữ nhật.	72201190	72222090	Doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
476	Dây thép không gỉ	72210000	72230010 72230090	Khai báo sai tên hàng thành thép không gỉ mã số 72210000
477	Thép không hợp kim, dạng cuộn, cán phẳng, được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân, hàm lượng C<0.6%, TC JIS G3313, mác thép SECC-MD1	72103011	72259190	Khai báo sai chủng loại hàng hóa để được hưởng lợi về thuế, bản chất là thép được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân (chương 98: 9811.00.10, thuế suất 10%)
478	Dây thép mạ kẽm, dạng cuộn, đường kính 10mm, hàm lượng C-070%	72172099	72292000	Khai sai tên hàng, mã HS khai báo mã HS 72172099, không thuộc diện phải có giấy phép; Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa: hàng là Dây thép hợp kim Mangan-Silic, dạng cuộn, mạ kẽm, mã HS 72292000 và phải có Giấy phép nhập khẩu tự động
479	Ống chống và ống khai thác bằng thép đúc không có ren, sử dụng cho khoan dầu khí, loại bằng thép không gỉ	73042490	73042410	Khai sai chủng loại không có ren thành có ren để hưởng mức thuế suất thấp
480	Mục 7: Ống đường nước (kèm phụ kiện khớp nối), chất liệu bằng thép. Hàng mới 100%.	73049090	73049030	khai sai về mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp
481	Ống thép không gỉ có mặt cắt hình vuông rỗng đã qua gia công quá mức cán nóng	72224090	73049090	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng thuế suất thấp hơn

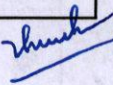
STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
482	Ống bằng thép không hợp kim (hàm lượng C~0,045% tính theo trọng lượng), được hàn, mặt cắt ngang hình tròn, đường kính trong 109,8mm và đường kính ngoài 114mm, chiều dày thành ống 2,1mm, chưa phủ, mạ hoặc tráng, chưa khoan, chưa đục lỗ và chưa được gia công thêm	73045990	73063091	Doanh nghiệp khai báo: (Ống dẫn bằng thép hợp kim, không nối, có mặt cắt ngang hình tròn - STEEL PIPE 100A*6M)
483	Ống bằng thép không hợp kim (hàm lượng C~0,046% tính theo trọng lượng), được hàn, mặt cắt ngang hình tròn, đường kính trong 42,1mm và đường kính ngoài 48,6mm, chiều dày thành ống 3,25mm, chưa phủ, mạ hoặc tráng, chưa khoan, chưa đục lỗ và chưa được gia công thêm.	73045990	73063091	Doanh nghiệp khai báo: (Ống dẫn bằng thép hợp kim, không nối, có mặt cắt ngang hình tròn - STEEL PIPE 40A*6M)
484	Ống xả lắp đặt (bằng thép) của máy phát	73041100	73069091 73069092 73069093 73069099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
485	Ống cao áp dẫn dầu (sắt) - phụ tùng động cơ diesel dùng cho máy cày xới	73061990	73069091 73069092 73069093 73069099	DN khai sai mã số
486	Tấm kim loại đã gia công cắt theo kích cỡ	72199000	730890	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp * Doanh nghiệp khai báo: Tấm thép trần phòng mổ chưa gia công cắt theo kích cỡ, không đục lỗ, khu hành lang sạch và KV hồi tinh bằng thép mạ kẽm sơn tĩnh điện, KT 625x625mm, dạng treo, sơn màu 9016.Model:Genex GSK110. Chứng từ hồ sơ thể hiện hàng là: Tấm trần đã gia công cắt theo kích cỡ 625x625mm và phụ kiện ghép nối đi kèm, bằng thép, model: Genex GSK110 KK625 Đề nghị DN khai báo rõ để xác định mặt hàng có hay không là bộ phận rời của các kết cấu hay các tấm, thanh, góc, khuôn, hình, ống và các loại tương tự đã được gia công để dùng làm kết cấu, đặc trưng để làm cơ sở phân loại vào phân nhóm 7308.90.

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
487	Tấm cách nhiệt làm bằng nhựa polyisocyanurate PIR cho vách, nền hành lang lạnh ,hiệu Pluripanel. Mới 100%	39211399	73089099	Doanh nghiệp khai sai bản chất, cấu tạo của mặt hàng để hưởng thuế suất nhập khẩu thấp hơn “Tấm cách nhiệt polyurethane (PUR), tấm cách nhiệt polyisocyanurate (PIR)” nhập khẩu có cấu tạo gồm: Hai mặt bên ngoài là tấm thép mạ hợp kim nhôm kẽm có độ dày 0,4mm/0,5mm, được sơn tĩnh điện màu, có lớp phim bảo vệ bên ngoài, lớp lõi ở giữa là xốp cách nhiệt polyurethane/ polyisocyanurate, có kích thước cụ thể quy định rõ trong hợp đồng, hóa đơn thương mại, bảng kê đóng gói hàng hóa dùng để lắp đặt vách, trần của kho lạnh. Đề nghị DN khai báo rõ để xác định mặt hàng có hay không là bộ phận rời của các kết cấu hay các tấm, thanh, góc, khuôn, hình, ống và các loại tương tự đã được gia công để dùng làm kết cấu, đặc trưng để làm cơ sở phân loại vào phân nhóm 7308.90.
488	Bộ đường ống bằng inox 304,316, đường kính 1.5 inch, 2 inch, 3inch, 2.5inch, 4inch và phụ kiện đi kèm (bulong, đai ốc, kẹp, bích.). Hàng mới 100%	59090090	73072290 73072190 73181590 73181690 73044900	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐDB thấp hơn
489	Tấm ốp tường bằng tôn phủ sơn tĩnh điện, mã FBG, lõi Glass wool (bông thủy tinh), dày 75 mm, mã màu RAL 9003, hàng mới 100%; Tấm nẹp kích thước dài 100mm, rộng 60mm, dày 2.3mm, đã đục lỗ, chất liệu thép, nẹp để cố định tấm ốp tường, hàng mới 100%; Bo bít cửa sổ bằng tôn phủ sơn tĩnh điện, dài 3.1m,rộng 105mm, dày 0.5 mm, hàng mới 100%; Bo bít cửa sổ bằng tôn phủ sơn tĩnh điện, dài 2.5m, rộng 105mm, dày 0.5mm, hàng mới 100%”.	73089020	73089099	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thế ưu đãi đặc biệt thấp
490	Tấm Panel polyurethane tường và trần sử dụng để lắp đặt kho lạnh, dày 50-150mm, hiệu Pluri	39211391	73089099	Doanh nghiệp khai báo không đúng bản chất hàng hóa gây nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
491	Tấm cách nhiệt plastic xốp (Phenolic Sandwich Plate) dùng trong nhà xưởng sản xuất đồ gỗ nội thất	39211999	73089099	Doanh nghiệp khai báo không đúng bản chất hàng hóa gây nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
492	Gối chậu thép, vật tư đặc chủng xây dựng cầu	73081010	73089099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
493	Cổng rào chắn barie bằng kim loại	85309000	73089099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
494	Bể kềm có kích thước 12m*1m*15m được làm bằng thép có dung tích trên 300 lít	84798110	73090099	Khai báo sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
495	Thùng phuy bằng sắt	73269099	73102910	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa sang các sản phẩm khác bằng thép, mã số 73269099
496	Băng tải bằng thép	84283390	73141910	DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
497	Tấm đan	73141200 73141400 73141910 73141990	73144100 73144200 73144900	Doanh nghiệp khai báo sai bản chất hàng hóa (cách đan) để hưởng thuế suất thấp
498	Lưới lọc keo bằng sắt thép	84212990	73144900	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
499	Kẹp bằng sắt dùng để gia cố sản phẩm	73269099	73170090	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
500	Đinh kẹp	73181510 73181590	73170090	DN khai báo sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
501	Đinh vít (bằng sắt)	73181590	73181510	DN cố tình không khai chi tiết, cụ thể đường kính của đinh vít để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt form E)
502	Bộ sản phẩm đóng gói bán lẻ mới 100% (gồm: Bulông dài 15,20,30,35,40,45, đường kính thân từ 01 đến 5mm, mỗi loại 04 cái; long đèn thép, đường kính 20mm: 12 cái, đường kính 15mm:12 cái; ống cao su dài 20mm và 15mm, đường kính 20mm, mỗi loại 04 cái	73181610	73181510	DN sử dụng C/O khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp hơn

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
503	Ốc vít	98181310	73181510 73181590	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (bằng thép, INOX 304, ren tiêu chuẩn 1, mạ chống rỉ, đường kính dưới 14 mm)
504	Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm vênh) và các sản phẩm tương tự	98181310 98181390	73181510 73181590 73182400	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
505	Đai ốc 16mm dùng trong kết cấu thép	73181690	73181610	Khai sai mã số để được hưởng thuế suất thấp
506	Nờ đóng, tắc kê	73181610	73181910	Khai sai mã HS để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt C/O form E
507	Vòng đệm kim loại	84841000	73182200	Khai báo tên hàng không rõ ràng rồi áp mã có TS thấp hơn
508	Thép không hợp kim ở dạng thanh, hàm lượng carbon 045%, mới chỉ được tạo hình nguội phi 18x dài 1870mm(Dùng để kết nối các mắt xích, bộ phận của nồi hơi trong dây chuyền sản xuất sợi hóa học)	72155099	73182400	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
509	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép	73201012 73201019 73201090	73201011	Khai báo lò xo thường để áp thuế suất thấp hơn lò xo dùng cho xe có động cơ
510	Lá nhíp dùng cho xe ô tô	87088099	73201011 73201012	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế
511	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép	98181410 98181490	73201090 73202090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
512	Lò xo cửa của máy rửa chén	84229090	73209090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.



STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
513	bộ phận của bếp gas	84169000	73219090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. đề nghị DN khai báo rõ loại bộ phận gì, chất liệu, công dụng.... Tương ứng với mô tả tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để làm cơ sở áp mã
514	Thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hoà), không sử dụng năng lượng điện, có lắp quạt chạy bằng mô tơ hoặc quạt gió, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép	98181500	73229000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
515	Giá đựng bát đĩa dùng trong tủ sấy bát đĩa; Giá bát đĩa xoong nồi, chai lọ bằng thép dùng để lắp vào tủ bếp	83024290	73239310	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
516	Gạt tàn làm bằng kim loại màu bạc, kèm theo một chân đế bằng nhựa	83062990	73239320	Doanh nghiệp khai sai công dụng của sản phẩm để hưởng thuế suất thấp
517	Xô inox loại 1 lít	73239990	73239390	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
518	Giá đựng ly	83025000	73239390	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
519	Khay sắt không gỉ	73261900	73239310 73239390	Khai báo sai mục đích sử dụng với dòng hàng 73261900 Mặt hàng có bản chất là đồ nhà bếp hoặc đồ gia dụng thì phù hợp thuộc nhóm 7323
520	Rổ lọc	84359010	73239990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
521	Thùng rác bằng inox; Thùng rác đôi bằng thép không gỉ có sơn tĩnh điện, bên ngoài trang trí ốp đá Marble; Thùng rác có gạt tàn bằng inox	73269099 73102999	73239390 73239990	Khai không rõ mục đích sử dụng
522	Nắp thoát nước bằng thép dùng trong phòng tắm	73269099	73249099	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
523	Tay vịn bồn cầu bằng inox	73269099	73249099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
524	Giá đựng đồ dùng nhà bếp bằng inox	83024290	7323	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn, Công văn 6523/TCHQ-TXNK ngày 07/11/2018 của Tổng cục Hải quan
525	Vòi nước bằng inox dùng cho chậu rửa mặt có chức năng nóng lạnh	84818099	73249099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
526	Bi dùm để chặn hơi bằng thép - 209-0073 Steel ball - PN.70456800- Model MP2264B (phụ tùng thay thế của dụng cụ vận vít hoạt động bằng khí nén, mới 100%)	84829100	73261900	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
527	Đệm lót (thép)	84841000	73269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
528	Móc tăng, giảm (tăng đơ) dây thép (cáp), bằng thép có ren, chiều dài 6- <50cm (chưa tính đầu móc)	73160000	73269099	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
529	Giò trung mỳ của bếp nhúng	85169030	73269099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
530	Móc khóa trang trí	83089090 95030099 39264000	732690	DN khai sai mã số. Bản chất mặt hàng làm bằng kim loại cơ bản.
531	Ty khóa néo dây bọc cách điện 24KV/XLPE/ACSR 240/39 SQMM(Bộ phận nối dây cáp điện áp 24KV), REF T1X0DBKACSR240/39. hàng mới 100%	85389020	73269099	Doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để hưởng mức thuế suất thấp Mặt hàng gồm 3 phần chính: 1- Bộ đầu nối điện 24kV cho dây nhôm lõi thép bọc cách điện: vật liệu bằng hợp kim nhôm 2- Phần ống bọc cách điện 24kV: vật liệu bằng Polyolefin; 3- Phần ty néo lõi thép để giữ dây dẫn: vật liệu bằng thép Sử dụng để đấu nối mạch điện từ nhánh này sang nhánh khác; để đấu lèo hoặc đấu xuống thiết bị, đồng thời để néo giữ dây dẫn
532	Gá kẹp lưới cắt	82089000	73269099 82057000	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
533	Đồng tinh luyện dạng thanh và que	74072100 74072900	74071040	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim
534	Dây đồng có đường kính dưới 6mm hoặc trên 8mm	98300000	74081110	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa (Dây đồng có kích thước mặt cắt ngang tối đa trên 6mm nhưng không quá 8mm) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
535	Đồng tinh luyện dạng dây (tùy theo quy cách)	74082900	74081110 74081190 74081900	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim
536	Cuộn dây Stato (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	74081900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
537	Đồng tinh luyện dạng cuộn	74092100 74093100 74094000 74099000	74091100	Khai sai bản chất mặt hàng: thường khai là đồng hợp kim

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
538	Nhôm ở dạng thanh, que và hình (xuất khẩu, NK)	76069100 76069200	76041010 76041090 76042110 76042120 76042190 76042910 76042930 76042990	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
539	Cầu kiện bằng nhôm dài 3m đã được gia công sử dụng làm kết cấu	76101090	76109099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa, chênh lệch thuế suất ACFTA
540	Khuôn đúc bê tông bằng hợp kim nhôm-A-FORM SYSTEM, dùng trong xây dựng hoặc Aluminum formwork	84806000	76109099	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất ưu đãi/ưu đãi đặc biệt-C/O mẫu E thấp hơn
541	Dây chống rung	76082000	76141012	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Dây chống rung là dây cáp dẫn điện bằng hợp kim nhôm có lõi thép, đường kính khoảng từ 27 mm đến 28 mm. Trường hợp mặt hàng đã bọc cách điện thì xem xét nhóm 85.44
542	Lưới lọc keo bằng nhôm	84219999 84212990	76169100	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
543	Vỏ ngoài của súng phun keo, bằng nhôm	84249023	76169990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
544	Kẽm chống ăn mòn vỏ tàu thủy, đúc hình hộp, loại lắp bằng bulong, mới 100%.	79040000	79070099	Khai sai về mã số, thuế suất hàng hóa nhập khẩu dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.
545	Thiếc hàn dạng thanh	98341300	80030010	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (không chì, phù hợp với tiêu chuẩn RoHS) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
546	Súng bắn keo	84242021 84242029	82055100 82055900	Khai sai mã số, bản chất hàng hóa là dụng cụ cầm tay
547	Đĩa bào thực phẩm bằng thép dùng cho máy bào thực phẩm	84359010 84389019	82083000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
548	Đĩa cắt của máy cắt lát, dùng để cắt thịt cá hay loại dùng cho máy cắt rau củ	84389019	82083000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
549	Lưỡi cắt của máy xay thịt	84389029 84389019	82083000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
550	Lưỡi dao của máy xay trộn thực phẩm	85099090	82083000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
551	Bộ dụng cụ tĩa dùng cho nhà bếp	82111000	82100000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
552	Bộ dụng cụ làm bánh crepe dùng cán bột	85169090	82100000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
553	Bộ dao, nĩa, muỗng bằng thép không gỉ	73239310	82159900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
554	Bánh xe dùng cho cửa	73261900	83022090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
555	Phụ kiện cửa rèm (thanh ray để làm rèm bằng nhôm)	76109099	83024290	Khai báo sai về mã số hàng hoá để hưởng mức thuế suất thấp hơn (theo chú giải HS, mặt hàng này thuộc chương 8302)
556	Giá đỡ ống thông gió bằng thép	73269099	83024999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
557	Ray nhôm cửa đi hoặc cửa sổ trượt	76042910	83024999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
558	Thanh ray trượt bằng nhôm	76109099	83024999	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
559	Giá đỡ kính, dùng trong quy trình làm kính (GLASS RACK)	84798939 84289090	83024999	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
560	Giá giữ ống nghiệm phụ kiện dành cho máy ly tâm Giá đỡ cho bộ cao áp (phụ kiện máy phá rung tim)	90330010	83024999	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
561	Chân đỡ dạng tủ dùng cho bếp, chất liệu Inox	73219020	83025000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
562	Giá đỡ ống thép, dùng cho máy uốn ống, kích thước (60x40x40)cm	83024999	83025000	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
563	Giá đặt khay lò nướng bánh công nghiệp	84179000	83025000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
564	Giá treo máy chiếu cố định	85371099	83025000	Doanh nghiệp khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
565	Cơ cấu đóng cửa tự động	98181700	83026000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
566	Cửa trượt bằng inox dùng trong kho lạnh kèm điện trở xả bằng	73083010 73083090	83026000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
567	Vòng xoắn dùng ghép nối, dùng cho cặp gửi tờ rơi hoặc hồ sơ tài liệu	73209090	83051010	Khai báo sai tên hàng và mục đích sử dụng với lò xo bằng thép, mã số 73209090
568	Cúp trơn bằng sắt (chưa in nội dung), kích thước 14-43cm	73269099	83062990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
569	Gương cầu lồi bằng sắt mạ có phản quang dùng trong giao thông đường bộ	90029090	83063091	Mô tả hàng hóa không rõ ràng, khai sai mã số
570	Dây dẹt dùng đóng hàng gồm củ khóa và chốt (Ratchet and hook)	56075090	83081000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
571	Dây thiếc hàn dạng cuộn không chứa chì	80030090	83113091 83113099	Hàng hóa thực tế là dây hàn bằng hợp kim thiếc, lõi có chất trợ dung, dùng để hàn chảy
572	Chì giúp chảy, dùng để hàn điện các đầu nối dây dẫn, linh kiện điện tử trong sản xuất máy giặt tủ lạnh.	38109000	83113099	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
573	Động cơ diesel, dùng cho xe thuộc phân nhóm 870110	98120010 98120090	84082010 84082093	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
574	Động cơ diesel, dung tích xi lanh không quá 2000 cc	98120010	84082021	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
575	Động cơ diesel, dung tích xi lanh trên 2000 cc nhưng không quá 3500 cc	98120010	84082022	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
576	Động cơ diesel, dung tích xi lanh trên 3500 cc	98120010	84082023	Khai báo đặc điểm của hàng hoá là "công suất trên 60 KW" để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9812
577	Động cơ diesel, hiệu HI-EARNS, model các loại, công suất 13HP/3.600RPM, dùng làm động lực cho máy bơm nước, bơm PCCC và các thiết bị/máy công nông lâm ngư nghiệp, năm sx: 2020.Mới 100%. Mã HS: 84089099. Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi: 10%.	84089099	84089010	Khai sai về mã số, thuế suất hàng hóa nhập khẩu, mã số phân loại không đúng với công suất
578	Ổng xi lanh bằng thép (kích thước 2050x100x108mm, Bộ phận của máy đóng bao trong dây chuyền sản xuất xơ/ sợi hóa học, hàng mới 100%)	84483900	84099973	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
579	Đổi trọng 1130 (Linh kiện động cơ diesel)	84836000	84099979	DN khai sai mã số
580	Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ khác thuộc nhóm 8407 hoặc 8408, (trừ: loại dùng cho động cơ của máy thuộc nhóm 8429, 8430; loại dùng cho động cơ của xe thuộc nhóm 8701, 8711 và xe khác thuộc chương 87; loại dùng cho động cơ của tàu thuyền thuộc chương 89)	98181910 98181920 98181930 98181940 98181950 98181960 98181970 98181990	84099971 84099972 84099973 84099974 84099975 84099976 84099977 84099979	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
581	Bơm dầu bơm piston, sử dụng cho máy nhào trộn đất đá	84748010	84133090	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy móc, mã số 84748010
582	Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường:	98182010 98182029 98182029 98182031 98182039 98182090	84132010 84133051 84133052 84133090 84137011 84137019 84139130	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
583	Máy bơm nước AQUAGEL GPP500/2 SP Serial 400/50 PUMPS STATION , mode: GPP500/2 điện áp 380V 50Hz công suất 6.8 kw, dùng cho hệ thống làm mát nước trong nhà máy. Hàng mới 100%.	84131910	84135031	khai sai về mã số , thuế suất , và bản chất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp
584	Bơm ly tâm nước một tầng, một chiều hút với đường kính cửa hút không quá 200mm	84137091	84137011	Khai báo sai về đặc điểm, chủng loại với Bơm ly tâm khác đường kính cửa hút không quá 200mm (dùng để bơm chất lỏng, hóa chất, các chất có độ nhớt cao...), mã số 84137091
585	Máy bơm nước dùng trong bồn xử lý nước thải	84131910	84138113	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Bản chất mặt hàng không được lắp hoặc thiết kế để lắp thiết bị đo
586	Máy hút chân không, dùng hút không khí,model:GVEL-100B1C2, dùng điện 380v, 05HP	84798939	84141000	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định bản chất để khai báo sai tên hàng vào mã số có thuế suất thấp Mặt hàng thực tế là Máy bơm chân không
587	Đồ chơi cho trẻ em trên 3 tuổi: Quạt đồ chơi, vỏ bằng nhựa, dùng pin, có thể sạc	95030099	84145110 84155191 84155199	Khai sai mã số để hưởng mức thuế ưu đãi đặc biệt thấp hơn
588	Quạt gió dùng để đảo không khí phòng cháy nổ, sử dụng trong lò sấy gỗ	84145920	84145941 84145949	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
589	Quạt khác có công suất trên 125kW, (trừ quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái), có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125 W	98182110 98182121 98182129	84145950 84145991 84145999	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
590	Máy thổi bụi cầm tay	84672900	84145930	DN khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
591	Máy thổi khí 3 cánh gió dùng cho máy sản xuất thép ống, model 3L53WD, công suất 75KW-4, công suất khí 40m3/phút, tốc độ quay 1450 vòng/phút, áp suất chênh lệch xả 78.4KPA , mới 100%; Mã HS: 84145950, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (C/O mẫu E) 0%.	84145950	84145930	Khai sai về mã số , thuế suất hàng hóa nhập khẩu, mã số phân loại không đúng với công suất

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
592	Phụ tùng của máy bi ến áp - quạt làm mát có lồng bảo vệ gắn trên cánh tản nhiệt để làm mát dầu MBA, công suất 0.25kw.	84145991	84145941	DN nhầm lẫn trong việc phân loại , áp mã hàng hóa. Khai sai mã số không đúng công suất hàng hóa
593	Thiết bị lọc khí độc hại dùng cho lò sấy	84148019	84145949	Theo Hồ sơ và TLKT thì mặt hàng là Quạt hút than hoạt tính . DN khai báo sai tên hàng, áp mã HS sai để hưởng thuế suất thấp (điều chỉnh từ 5% -> 15%)
594	Quạt tản nhiệt dùng cho bộ điều khiển của máy ép nhựa (bộ phận của máy ép nhựa) (công suất 0.5HP, 1HP = 0.746kw). Hàng mới 100%	84145999	84145949	Không áp mã HS theo đúng công suất
595	Máy nén điều hòa, dùng cho xe ô tô	84143090	84148042	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
596	Máy nén dùng cho máy điều hoà không khí của ô tô	84143090	84148042	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
597	Đầu nén khí trục vít VV-32/8TV2 (BB-32/8TB2) dùng cho máy khoan xoay cầu SBSH-250, hàng mới 100%	84149091	84148049	Khai sai mô tả hàng hóa (bản chất là máy nén khí trục vít) để áp sang mã số có thuế suất thấp hơn
598	Tấm khay làm mát bằng ống đồng trong điều hòa không khí	84189990	84159019	Khai sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp
599	Điều hòa không khí	84158x	84151x	Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thuế NK thấp DN khai báo hàng có ống dẫn khí để chuyển khí lạnh đến các khu vực làm mát để phân loại 8415.8x.
600	Máy điều hoà không khí, sử dụng cho xe chạy trên đường ray:	98182211 98182219 98182220	84158121 84158129 84158229	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
601	Thiết bị trao đổi nhiệt dùng cho hệ thống điều hòa trung tâm; Dàn trao đổi nhiệt FCU/AHU (dàn lạnh) của hệ thống điều hòa và thông gió	84159049 84159019	84158399 841582 84158193	Doanh nghiệp nhập khẩu hệ thống điều hòa nguyên chiếc, tuy nhiên khai báo tách dàn FCU/AHU để phân loại về mã bộ phận, để được hưởng mức thuế suất thấp hơn.
602	Tủ kết đông lạnh liên hợp cửa trên, 2 cửa, 1 ngăn mát và 1 ngăn đông, thích hợp dùng trong thương mại (không dùng trong gia đình).	84181020	84181019	Khai sai mục đích sử dụng để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt (C/O mẫu E), thuế suất NK 0%
603	Tủ lạnh âm sâu dùng trong y tế	841850	841840 841830	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Bản chất mặt hàng là tủ kết đông cửa trên/ cửa ngang
604	Kho lạnh (không có chức năng làm đá)	94069040 94069090	84185099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
605	Máy nén sử dụng trong thiết bị lạnh	84143040	84186990	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Bản chất hàng hóa là thiết bị lạnh hoạt động kiểu nén
606	Máy làm lạnh và định hình giấy	84532010	84186990	Theo Hồ sơ và TLKT thì mặt hàng là Thiết bị làm lạnh nhiệt độ lạnh âm 10 độ C. DN khai báo sai tên hàng, áp mã HS sai để hưởng thuế suất thấp (điều chỉnh từ 0-> 10%)
607	Thiết bị làm lạnh, công suất làm lạnh 16kW, nguồn điện 3 pha, 415V, 50Hz, dòng điện 14A dùng cho máy cộng hưởng từ. Model: HMSCON009D2P2Y.	90330010	84186990	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UĐDB thấp hơn
608	Thiết bị làm lạnh hoặc đông lạnh khác, trừ: thiết bị làm lạnh đồ uống, nước uống, thiết bị làm lạnh nước có công suất trên 21,10kW và thiết bị sản xuất đá vảy	98182300	84186990	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
609	Bộ phận trao đổi nhiệt, trừ tháp làm mát	98182410 98182490	84195091 84195092	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại nhóm 9818
610	Máy (nấu/chiên...) dùng trong công nghiệp/chế biến thực phẩm	8438	841981	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
611	Máy ly tâm, Hãng Kubota, Model: 3740, 2420, 3220, máy chính kèm phụ kiện chuẩn	90181900	84211990	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
612	Lọc nước giải nhiệt sử dụng nhiều loại xe	84212399	84212329	Khai báo sai tên hàng, chủng, chủng loại với lọc dung dịch làm mát động cơ, mã số 84212399
613	Cân trọng lượng, có độ nhạy lớn hơn 5cg	90160000	84238120	DN khai không đúng về độ nhạy của cân nhằm mức thuế suất thấp
614	Băng chuyền hành lý sử dụng trong sân bay, Model: ZT38TCS	84289090	84283390	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
615	Máy bốc kính, loại bốc 2 phía 2 giá kính, dùng trong quy trình làm kính	84289090 84649010	84283990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
616	Máy vận chuyển kính, tải kính, có bánh xe để định vị kính (TRANSFER MACHINE WITH UNIVERSAL WHEELS) hoặc Máy vận chuyển, tải kính và định vị, kết nối với máy bốc dỡ (TRANSFER AND POSITION MACHINE)	84649010	84289090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
617	Dàn xới đất (chưa gắn máy kéo)	84329090	84322900	Khai báo sai cấu tạo hàng hóa (khai là bộ phận của máy xới) để hưởng thuế suất thấp
618	Máy trộn nguyên liệu dùng trong dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc loại đặt cố định dùng điện 380 V tổng công suất 11 KW Kích thước(3000 mm x 550 mm x 800 mm)nặng 1000 Kg Hiệu YBL-10B-Mới 100%	84798210	84361010	Khai báo sai chủng loại để hưởng thuế suất thấp
619	Máy nghiền TACN- Ginder machine, hiệu LD 150. Model: LDSWL150B, mới 100% và các thiết bị đồng bộ đi kèm (bộ giảm áp, nắp, silo, van, máy lọc bụi, quạt hút cao áp); Hệ thống máy nghiền siêu mịn (Grinder machine) - một phần của dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản, mới 100%, hàng đồng bộ tháo rời; Myas nghiền siêu mịn Model: SWFL130, dùng trong ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi	84368019 84798210	84361010	Mặt hàng có bản chất là máy nghiền đứng, dùng để nghiền các nguyên liệu thô như bột cá, khô đầu đậu nành, bột xương thịt,... Để thu được thành phần có kích thước nhỏ, mịn (nghiền tinh) dùng làm sản xuất thức ăn thủy sản (thức ăn cho tôm cá)
620	Máy chọn màu nông sản	84336010	84371030	Khai báo sai chủng loại với các mặt hàng thuộc 84336010
621	Máy xay đỗ tương	84386010	84378059	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
622	Máy xay nguyên liệu hạt ngũ cốc hoạt động bằng điện	84386010	84378059	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
623	Máy xay nguyên liệu hạt ngũ cốc hoạt động bằng điện, nhãn hiệu Selmi, 1 pha, 230 V, 50 HZ	84386010	84382010	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
624	Máy đóng gói chè	84224000	84388091	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn. Thực tế là máy cắt, cán lá chè.
625	Máy cắt thịt dùng trong chế biến thực phẩm	84385010	84388091	Khai báo sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
626	Máy lọc hoặc tách xương/da/vẩy bằng thép, hoạt động bằng điện	84385010	84388091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
627	Máy xay thịt gia súc, gia cầm	84385010	84388091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
628	Máy trộn xoắn ốc dùng để trộn bột	84798210	84388091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
629	Máy vò chè, dùng điện 380V, công suất 3KW, kích thước (16 x 15 x 15)m, hiệu chữ trung quốc, mới 100%	84798210	84388091	Khai báo sai chủng loại để hưởng thuế suất thấp
630	Máy in kỹ thuật số offset HP Indigo 7900, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động	84433290	84431300	Doanh nghiệp hiểu sai bản chất của hàng hóa nên phân loại vào mã số có thuế suất thấp. Thực tế hàng hóa là máy in offset

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
631	Khuôn đồng đúc kim loại	84801000	84542000	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
632	Máy tiện vạn năng	84581990	84581910	Doanh nghiệp khai báo sai đặc điểm hàng hóa để hưởng thuế suất thuế NK thấp Nghỉ vấn hàng hóa có thể thuộc mã số 8458.19.10, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 15% do hồ sơ không thể hiện bán kính gia công.
633	Máy cắt bánh răng, máy cắt khác	84581990 84589990	84581910 84589910	Bản chất mặt hàng là Máy tiện kim loại có bán kính gia công tiện không quá 300mm DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
634	Thiết bị cân chỉnh đĩa phanh ô tô dùng trong gara ô tô	90311010	84581910 84589910	Khai sai không đầy đủ tên hàng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
635	Máy cắt hai đầu dùng trong gia công cửa nhôm 380V/50ZH, 4,5KW	84798110	84615010	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
636	Máy cắt bánh răng, máy cắt khác	84614010 84614020 84619091 84619099	84615010 84615020	Bản chất mặt hàng là Máy cắt đứt kim loại, DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
637	Máy cắt kim loại	84623910 84623920	84615010 84615020	Không khai đầy đủ thông tin: kiểu cắt (cắt đứt hay cắt xén) để hưởng thuế suất thấp
638	Máy gia công nhựa cứng	8477xxxx	8465xxxx	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
639	Máy phay rãnh thoát nước AWSW, điện áp 220V/50Hz (For AWSM3), hãng: Jinan Fenstek, mới 100%; Máy phay đầu đổ cửa nhựa EM200	84596910	84659220	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UĐ, UĐĐB thấp hơn
640	Máy nổi ván ép. Model: CIVCJ serial: 961001, hoạt động bằng điện.	84793010	84659410	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
641	Máy uốn vòm dùng trong gia công cửa nhựa	84798110	84659410	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

chức

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
642	- Máy cưa cầm tay dùng điện - Dụng cụ cầm tay (Máy khoan) - Máy khoan cầm tay dùng pin	84659120 84678100 84304100 84591020 84592100 84592910 84592920 84615010 84619019 84649010 84659530 84671100 84671100 84671900 84678900 84679910	84672100 84672200	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hoá nhằm hưởng mức thuế suất thấp
643	Khoan các loại	98172000	84672100	Khai báo sai mục đích sử dụng của hàng hoá (để phòng cháy nổ, sử dụng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp
644	Máy cắt cổ đeo vai cầm tay hoạt động bằng điện (động cơ điện gắn liền)	84331100 84331990 84332000	84672900	Không khai rõ là máy cầm tay để hưởng mức thuế suất thấp hơn
645	Máy nghiền đá công suất cao	84351010	84742011	Khai báo sai chủng loại hàng hóa từ nghiền đá (sản phẩm khoáng) sang nghiền sản phẩm dùng trong sản xuất đồ uống
646	Máy ép dùng trong xử lý nước thải	84798210	84743910	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
647	Van điện tử code A600115 24V mới 100%	84811099	84814090	Khai báo sai bản chất để hưởng thuế suất thấp
648	Van an toàn hay van xả	98182690	84814090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
649	Vòi nước bằng đồng	84818091	84818050	Không khai báo vòi nước có chức năng nóng lạnh hay không, vì mặt hàng vòi nước có chức năng nóng lạnh là vòi có khoang pha trộn lưu chất
650	Van đường ống nước (bộ trộn nóng lạnh) dùng cho vòi gắn bồn 03 lỗ Talis E. Hiệu Hansgrohe. Hàng mới 100%	84818063	84818050	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
651	Van Cổng	84818073	84818061	Khai không đầy đủ bản chất mặt hàng Van cổng để hưởng thuế suất thấp do việc phân loại mã số cho van cổng tùy thuộc vào xác định bản chất của Van cổng (ví dụ: van giảm áp; Van dùng trong truyền động dầu thủy lực hay khí nén; hay van đường ống nước...), kích thước của van.
652	Van bướm điều khiển điện.	84818099	84818062	khai sai về mã số, thuế suất hàng hóa dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.
653	Van nước bằng nhựa	39269099	84818063	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
654	Van điện từ bằng nhựa	84818099	84818063	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
655	Van nước điện từ của lò nung công nghiệp bằng nhựa	84818099	84818063	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
656	Van đóng mở, hoạt động bằng lò xo, mở bằng lực khí nén	84812090	84818082	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
657	Van điện từ cấp nước của máy rửa chén	84229090	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
658	Bẫy hơi bằng gang dạng Ball Float dùng cho đường ống hơi	84213990	84818099	Khai sai không đầy đủ tên hàng nhằm hưởng mức thuế suất thấp Đề nghị DN khai báo cụ thể Mặt hàng nếu là van mới thuộc 8481.
659	Vòi phun tráng của máy rửa bát đĩa	84229090	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
660	Họng nạp nước chữa cháy 2 cửa/ 4 cửa, có khớp nối	84242029	84818099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
661	Cục điều chỉnh hơi cho bàn là hơi nước dùng trong may công nghiệp	84519090	84818099	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
662	Van điều chỉnh lưu lượng gió	90328939	84818099	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa
663	Thân của valve đóng mở, bằng thép, bộ phận của van	84819090	84819023	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
664	Đầu vòi xịt bằng hợp kim thép, nhựa (bộ phận dùng cho van)	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
665	Lõi van, dạng cánh quạt, bộ phận của van khí nén	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
666	Tay cầm vòi xịt bằng hợp kim thép, nhựa (bộ phận dùng cho van)	84819090	84819029	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
667	Đế van	84819090	84819029	Khai sai tên hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
668	Van an toàn hay van xả	84811019 84811021 84811022 84811091 84811099	84814010 84814090	Khai báo sai chủng loại với van giảm áp, mã số 848110

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
669	Đầu phun nước bằng đồng phi (6-12)mm, mới 100%	84812090	84819021	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
670	Ổ đĩa côn, kể cả cụm linh kiện vành côn và đĩa côn	98182700	84822000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
671	Bạc đạn	84832090	84821000	Khai báo vào bộ phận của máy móc tại dòng hàng 84832090
672	Trục của bộ ly hợp bằng thép	73269099	84831090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
673	Tay quay truyền chuyển động	73269099 82041100	84831090	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
674	Khớp nối dùng truyền động lưỡi dao cho máy xay sinh tố	84359010	84831090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
675	Trục truyền động dùng cho máy ép thủy lực	84833090	84831090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
676	Khớp nối trục các đăng dùng cho máy cán thép	84836000	84831090	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
677	Khớp nối trục cardan dùng cho động cơ giá cán thép	84836000	84831090	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
678	Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên khác	98182800	84831090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
679	Bộ bánh răng và cụm bánh răng ăn khớp khác, (trừ bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động ở dạng riêng biệt; vít bi hoặc vít đĩa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn)	98182900	84834090	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
680	Khớp nối trục bằng sắt dùng cho máy móc	73269099	84836000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
681	Bộ điều tốc (phụ tùng của máy đóng gói)	84229090	84834090	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 84229090
682	Bộ giảm tốc cho băng chuyền nối vào máy rửa nồi inox M/C(NV115) loại lớn, mới 100%	84804900	84834090	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng dễ nhầm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
683	Bánh răng đảo hướng máy kéo sợi bằng thép, kí hiệu FA 401 -0633, hình tròn, đường kính 50mm, Hàng mới 100% Sản xuất tại : China	84483900	84834090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
684	Hộp giảm tốc của giá cán K10 (hộp giảm tốc K10); Bộ phận của máy cán thép	84559000	84834090	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
685	Bộ chống quay ngược cho hộp giảm tốc dùng cho băng chuyền	84313990	84839099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
686	Khớp nối bằng nhựa dùng truyền chuyển động của máy xay thực phẩm	84389019	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
687	Trục xoắn dẫn hướng và đẩy thịt vào lưỡi xay (bộ phận của máy xay thịt)	84389019	84839099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
688	Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu dệt khác hoặc bằng hai hay nhiều lớp kim loại	98183000	84841000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
689	Mô tơ, công suất không quá 5W	98341600	85011029	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (công suất >5W, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
690	Mô tơ rung cho điện thoại	98341500	85011049	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (đường kính <30mm, công suất <05W, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
691	Mô tơ điện	84122900	85012019	DN khai báo phân loại theo máy móc, thực chất động cơ điện được phân loại tại nhóm 8501 Đề nghị DN khai báo đầy đủ loại động cơ, công suất, số pha....tương ứng mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã
692	Mô tơ	84439100	85012019	DN khai báo phân loại theo máy móc , thực chất mô tơ dc phân loại tại nhóm 8501 Đề nghị DN khai báo đầy đủ loại động cơ, công suất, số pha....tương ứng mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã
693	Mô tơ điều khiển van bướm, Motor quạt	84123900 84128000	85012029	Dn khai báo phân loại theo máy móc , thực chất mô tơ dc phân loại tại nhóm 8501 Đề nghị DN khai báo đầy đủ loại động cơ, công suất, số pha....tương ứng mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã
694	Mô tơ hộp số dùng trong băng truyền, 1,5KW 200V, hàng mới 100%	85015229	85012029	DN không khai báo đầy đủ thông tin để hưởng thuế suất thấp hơn,
695	Động cơ điện vạn năng, mô tơ điện công suất trên 37,5W nhưng không quá 1KW, điện áp 220V-240V, tần số 50-60HZ	85012019	85014019	Khai sai mã số để được hưởng thuế suất thấp hơn

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
696	Động cơ của máy may dòng điện 1 pha, động cơ liên trục điện áp 220V, động cơ xoay chiều đa pha điện áp 220V, Trung Quốc sản xuất	85012019	85014019	Khai sai mã HS để hưởng thuế suất thấp
697	Mô tơ giảm tốc 055KW	84748010	85015119	Một phần của thiết bị đồng bộ nhưng Khai báo vào bộ phận của máy, mã số 84748010
698	Mô tơ có gắn hộp giảm tốc, xoay chiều, ba pha, công suất 750W	85015219	85015119	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn. (Công suất không quá 750W)
699	Mô tơ giảm tốc dùng cho máy công nghiệp có công suất không quá 750W	85015229	85015119	Không khai hoặc khai sai công suất, khai sai mã số HS để hưởng thuế suất thấp hơn
700	Tổ máy phát điện	85016110 85016120 85016210 85016220 85016300 85016400	85021100 85021210 85021220 85021320 85022010 85022020 85022030 85022042 85022049	Khai báo sai tên hàng thành máy phát điện
701	Tổ máy phát điện với động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, công suất trên 100 KVA nhưng không quá 10000 KVA	98183100	85022030	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
702	Bộ chuyển đổi điện (hàng dự phòng cho tuốc bin, máy phát và van)	85365059	85043199	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
703	Cuộn biến áp dùng cho các thiết bị điện tử, viễn thông	98341700	85043193 85043199	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (công suất danh định nhỏ hơn 0,1 KVA; Dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
704	Các loại biến áp thích ứng	98173010	85043311 85043414 85043411 85043422	Khai báo sai chủng loại và đặc điểm của hàng hóa (biến thể khô, trạm biến áp khô trọn bộ đi động, phòng nổ trong hầm lò, loại có công suất danh định trên 16 kVA và có điện áp tối đa từ 66 kV trở lên; dùng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
705	Các loại biến áp khác	98173090	85043319 85043413 85043416 85043424	Khai báo sai chủng loại và đặc điểm của hàng hóa (biến thể khô, trạm biến áp khô trọn bộ đi động, phòng nổ trong hầm lò, loại có công suất danh định trên 16 kVA và có điện áp tối đa từ 66 kV trở lên; dùng trong hầm lò) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
706	Mặt hàng Pin mangan.	85068010	85061010	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
707	Pin lithium (dày >7mm, dài >100mm, rộng >100mm)	98341800	85065000	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (dày <7mm, dài <100mm, rộng <100mm), dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin
708	Trọn bộ bình ắc quy được đóng gói kín để lưu trữ dài hạn	85049049	85072098	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
709	Ắc quy a xít chì dùng cho xe đạp điện, điện 48V - 12AH, hiệu chữ trung quốc, mới 100%	85072097 85072098 85072099	85072094 85072095 85072096	Khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp (bản chất mặt hàng có điện áp danh định 6V hoặc 12V)
710	Pin dự phòng cho đèn led gắn trần nhà loại CASB-SP03w (EB), chất liệu (=Ni-Cd), dùng trong khách sạn	85068091 85068099	85073090	DN nhầm lẫn trong việc phân loại áp mã hàng hóa, Mặt hàng là Pin Ni-Cd, loại có khả năng sạc được
711	Robot hút bụi, lau nhà, hoạt động bằng pin điện 18V, c/s 37W, dung tích ngăn đựng rác 0,7 lít phần mềm tự động lập trình đường đi.	85086000	85081100	Khai báo sai mã số HS để được hưởng mức thuế suất thấp hơn.
712	Máy hút bụi các loại	85081990 85086000	85081100 85081910	Doanh nghiệp khai báo sai về mã số hàng hoá nhằm hưởng mức thuế suất thấp
713	Máy vắt cam	84351010	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
714	Máy xay sinh tố	84351010	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
715	Máy ép rau quả dùng cho gia đình	84386010	85094000	Khai báo mục đích sử dụng mặt hàng máy chế biến công nghiệp hoa quả, loại hoạt động bằng điện thuộc nhóm 8438
716	Máy xay đá viên	84388021 84388091	85094000	Khai báo sai mục đích sử dụng lẫn với dòng hàng 84388091
717	Máy xay thực phẩm dùng trong công nghiệp	84388091	85094000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Doanh nghiệp khai sai tên hàng
718	Máy chà sàn Công nghiệp	84642010 85087090 84791010 84798939 85086000	85098010	Mặt hàng có cùng tên hàng nhưng DN khai báo nhiều mã số khác nhau hàng thực tế nhập khẩu là Máy đánh bóng sàn có thể dùng cho gia đình
719	Máy tắm nước (thiết bị vệ sinh răng miệng)	8421	85098090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp. Thông báo X ĐTMS số 137/TB-TCHQ ngày 12/1/2021
720	Máy tạo độ ẩm không khí hình con thú các loại	84248950	85098090	khai sai mã số để hưởng thuế suất ưu đãi 0%
721	Thiết bị điện gia dụng (máy urom rau mầm, máy làm mát không khí bằng bay hơi)	84368011 84796000	85098090	Khai sai chủng loại, mã số hàng hóa (máy làm mát không khí bằng bay hơi phân loại theo 8509 nếu trọng lượng <20kg, 8479 nếu >20kg)

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
722	Máy băm thịt dùng điện, model CKM1G, hiệu ARISCO, công suất 750W, 230V, 50Hz, kích thước 220x380x440mm	84385010	85098090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
723	Máy cắt thịt bằng điện, Model AFC30S, hiệu ANGELO PO, công suất 0,24kW, kích thước (66x54x44)cm, điện áp 400/230V-3N/3-50Hz	84385010	85098090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
724	Máy cắt xương thịt dùng điện hiệu ARISCO, model HLS165, công suất 750W, điện áp 230V/50hz,	84385010	85098090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
725	Máy chế biến thịt hoạt động bằng điện hiệu ANGELO PO, model TG12, công suất 0.75Kw, điện áp 400V/3N/50Hz,	84385010	85098090	DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
726	Máy xay cà phê công nghiệp	84388091	85098090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Doanh nghiệp khai sai tên hàng
727	Máy rửa mặt	90191010	85098090	DN khai tên hàng là máy rửa mặt nhưng lại áp mã của máy xoa bóp để hưởng thuế suất thuế NK 0%
728	Cối máy xay sinh tố dùng đưng thực phẩm xay	84359010	85099090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
729	Vỏ máy bao ngoài của trục máy xay (bộ phận của máy xay thịt)	84389019	85099090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
730	Bóng đèn rọi xe máy sử dụng đèn led 6-10W, 24V	94054040	85122091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
731	Bóng đèn xe máy	94054091	85122091	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
732	Máy xông hơi khô	90191090	85162900	Dn nhầm lẫn bản chất của hàng hóa là "thiết bị trị liệu"
733	Bàn ủi điện loại bàn ủi hơi nước dạng cây	85167990	85164090	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
734	Nồi nấu canh bằng điện	85166010	85166090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
735	Ấm đun nước	85161011 85161019	85167910	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
736	Điện trở gia nhiệt (dùng để đun nước nóng)	85168090	85168030	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
737	Nhiệt điện trở (hàng dự phòng cho máy phát)	85030090	85168090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
738	Điện trở máy hàn Arctroniv 426	85334000	85168090	DN khai báo không đầy đủ thông tin mặt hàng, để hưởng thuế suất thấp hơn,
739	Loa đã hoặc chưa lắp vào vỏ loa	85182920	85182990	Doanh nghiệp khai sai dải tần số, kích thước áp mã thuế suất thấp

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
740	Linh kiện sản xuất loa: Bass/Treble loa	85189030	85182990	Kết quả kiểm tra sau khi có chỉ đạo từ công tác trực ban trực tuyến xác định hàng hóa nhập khẩu thực tế là “Loa, chưa lắp vào vỏ loa
741	Thiết bị khuếch đại âm tần(khai báo: Bộ khuếch đại - Linh kiện dùng để lắp ráp loa)	85189090	85184040	Khai báo sai mã số bộ phận phụ kiện để hưởng thuế suất thấp
742	Thiết bị điều tiết/điều phổ âm lượng microphone LK M802-220V	85198990	85184090	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
743	Bộ điều chỉnh chính xác hiển thị có trang bị bộ xử lý lập trình EH2-HT40-000N serial dùng để điều chỉnh chính xác tốc độ di chuyển của dụng cụ vận ốc (Hoạt động bằng điện) mới 100%, Hãng SX Estic.	90328939	85371012	Khai báo mã của thiết bị điều khiển tự động để hưởng thuế suất thấp hơn. Tuy nhiên mặt hàng không thể hiện là điều khiển tự động. Tên hàng hóa không khớp mô tả hàng hóa của mã HS trong biểu thuế. Khi kiểm tra catalogue thì không phải là điều khiển tự động mà là điều khiển có trang bị bộ xử lý lập trình, có bộ nhớ, bộ xử lý (Lý do nghi ngờ: tên hàng mô tả khai báo không khớp với mô tả của mã HS trong biểu thuế) Đề nghị DN khai báo về điện áp sử dụng. Trường hợp mặt hàng dùng cho điện áp không quá 1000V thì xem xét mã 85371012
744	Tủ điện (dùng để điều khiển bằng chuyển và buồng sấy khung xe đạp carbon), hiệu: Right 1, Model: R1-100312-1/R1-100312-2, công suất 48/56,5kW (MMTB dùng trong Sx khung xe đạp) (hồ=cái) mới 100%	85372090	85371099	DN có thể cố tình khai sai điện áp.
745	Bộ điều khiển mạng dùng để điều khiển giám sát và kiểm soát mạng lưới của các thiết bị tự động hóa tòa nhà hiện trường và thiết bị sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí, hàng mới 100%	85176900	85371099 85371019	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Mặt hàng là thiết bị điều khiển giám sát hiệu Jonhson Control, model: PCA3613. Là bộ điều khiển lập trình dòng FX-PC bao gồm một nhóm các bộ điều khiển và phụ kiện đa năng được thiết kế để giám sát vận hành nhiều loại thiết bị HVAC thương mại các hệ thống trong tòa nhà. Thông số kỹ thuật: Input: 8UI+6BI; Output: 6AO+6BO; Processor: RX631 32bit, memory: 16MB flash memory and 8MB RAM... Trường hợp mặt hàng dùng cho điện áp không quá 1000V thì xem xét phân nhóm 8537.10

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
746	Bộ điều khiển hệ thống phát âm thanh và hình ảnh nổi với màn hình Led, hiệu 801TV/hiệu 801AR, xuất xứ Trung Quốc, mới 100%	85176221	85371099	DN Khai sai mã số và thuế suất
747	Bảng phân phối	85371020	85371019	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp Nhiều doanh nghiệp khai báo bảng phân phối điện dùng cho các thiết bị điện ti vi, thiết bị xử lý dữ liệu tự động áp mã HS 85371020. (Mã HS 8537.10.20: Bảng phân phối (gồm cả panel đỡ và tấm đỡ phẳng) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các hàng hóa thuộc nhóm 84.71, 85.17 hoặc 85.25) để hưởng thuế suất thấp 10%, nhưng thực tế không đúng như khai báo. Mặt hàng có bản chất là bảng chuyển mạch, bảng điều khiển
748	Bo mạch điện tử tích hợp dùng để điều khiển đóng cắt máy biến áp	85423900	85372029 85372021	Cấu tạo và công dụng: Mặt hàng NK là Bảng điều khiển đã được lắp với một số linh kiện điện như: cầu chì, bộ triệt xung điện, hộp đầu nối... Được sử dụng để đóng ngắt, nối và bảo vệ máy biến áp, dùng cho điện áp trên 1000V.
749	Thiết bị điều khiển vị trí đóng mở của van - Bộ phận nhận tín hiệu từ bảng điều khiển	90328990	85389011 85389013 85389019 85389020	Khai báo mã bộ phận của thiết bị để hưởng thuế suất thấp hơn Tên hàng không thể hiện tự động , không phù hợp khai báo mô tả của mã HS trong biểu thuế. Sau khi kiểm tra sau thông quan , xem catalogue thì thấy sản phẩm chỉ là một bộ phận nhỏ trong hệ thống điều khiển của van nên áp mã vào nhóm 8538 bộ phận của 8537 Đề nghị DN khai báo thông tin điện áp sử dụng để làm cơ sở áp mã

Chánh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
750	Một phần Bộ triệt xung điện (bộ mủ phóng điện), điện áp 550kV	85354000	85389020	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Đây là Bộ phận tháo rời nhập khẩu nhiều chuyển của sản phẩm nguyên chiếc là Bộ triệt xung điện (bộ mủ phóng điện), nhưng không đăng ký Danh mục theo Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BTC. Nhằm đảm bảo tiến độ khẩn của dự án, nhà sản xuất vận chuyển thành nhiều chuyển hàng để kịp tiến độ lắp đặt VTTB. Đây là công trình trọng điểm nhằm đảm bảo chuyển tải và vận hành đồng bộ hệ thống điện cho khu vực Tây Nguyên và miền Nam cũng như các vùng lân cận vào hệ thống điện quốc gia.
751	Bộ dò khí (hoạt động bằng điện). Dùng để dò khí SF6 cho máy cắt	90278030	85389020	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Mặt hàng nhập khẩu là bộ phận của máy cắt 245kV, nhằm phát hiện khí cách điện (SF6) rò rỉ trong quá trình vận hành máy cắt 245kV, để can thiệp kịp thời, tránh gây sự cố cho thiết bị điện
752	Cáp điện tàu thủy đã gắn đầu nối, dùng cho điện áp 0,6 đến 1KV	85444213 85444219	85444297 85444298 85444299	Khai báo sai chủng loại với Cáp dùng cho viễn thông
753	Dây nguồn dùng cho đèn led	85044019 85444219	85444299	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Đề nghị DN khai báo đầy đủ thông số như vật liệu cách điện, đường kính lõi....tương ứng mô tả tại Danh mục HHXKNK VN để làm cơ sở áp mã
754	Hàng hóa theo khai báo là: Dây cáp AV loại 1.4V có đầu nối, dài 1.5m, cách điện bằng plastic dùng trong viễn thông, model: Y201903051, hàng mới 100%.	85444219	85444299	khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
755	Các loại cáp khác	98342700	85444929	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (dùng cho máy thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
756	Loa kéo di động, hoạt động bằng điện	85182190	85185090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. tham khảo mô tả hàng hóa tại công văn hướng dẫn số 544/TCHQ-TXNK ngày 26/01/2018

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
757	Camera lùi dùng cho xe ô tô	85258039 85258059	85258040	Bản chất mặt hàng là loại camera thu nhận hình ảnh để truyền vào màn hình điều khiển, không có chức năng ghi và lưu trữ hình ảnh, dữ liệu được truyền vào một đầu thu sau khi thu được hình ảnh. DN cố tình khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
758	Camera truyền hình	85258051 85258059 85258039	85258040	Khai báo sai chủng loại với camera quan sát mã số 85258050 và camera ghi hình ảnh mã số 85258039
759	Modul led phát quang full color (p6, p10, p20, p16) dùng để lắp ghép bảng chỉ báo, kích thước mỗi chiều không quá 38,4cm, hiệu chữ Trung Quốc	85285200	85285910	Khai báo sai đặc điểm, tính năng hoạt động của hàng hóa
760	Bảng mạch điện tử đã lắp ráp dùng cho máy thu truyền hình	85299091	85299054	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp, mã số 85299091 có thuế suất nk ưu đãi 3%, mã số 85299054 có thuế suất nk ưu đãi 5%
761	Cầu chì 2A	85351000	85361019	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
762	Cầu chì dùng cho các thiết bị điện tử	98342100	85361012 85361092	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (có giới hạn dòng danh định không quá 1,5A, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
763	Cầu chì điện dùng cho hệ thống tàu lượn	85365099	85361092 85361099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
764	Bộ ngắt mạch tự động, loại hộp đúc	85362019	85362011 85362012 85362013	Khai báo sai đặc điểm hàng hóa (trên 1000A)
765	Rơ le	98342200	85364191	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm, chủng loại hàng hóa (bán dẫn/Rơle điện tử có điện áp không quá 28V, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin)
766	Công tắc điện	85365099	85365069	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
767	Nút chuyển (hàng dự phòng cho hệ thống bảo vệ, đo lường và tín hiệu)	85030090	85365099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
768	Công tắc kiểm soát áp suất dùng trong máy ép thủy lực	85362019	85365099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
769	Đầu cắm tín hiệu hình, tiếng, đầu cắm đèn chân không dùng cho máy thu hình	98342300	85366923 85366924	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (có dòng điện nhỏ hơn hoặc bằng 1,5A, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin)
770	Ổ cắm 6gate-10A 6A	85365099	85366992	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
771	Ổ cắm (dùng để cắm rắc cắm truyền dữ liệu). Hiệu: Gira, Type: 017800	85176900	85366999	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
772	Hộp đấu nối dây điện, dòng điện dưới 1A	85369012	85369022	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
773	Phiên đầu nối và khối đầu nối cáp điện thoại	98342000	85369093	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (đầu kết nối USB mini, sử dụng cho nạp pin và truyền dữ liệu từ điện thoại đến máy tính PC, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
774	Đầu nối nguồn led dây, hiệu OSRAM	85444299	85369099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
775	Đầu nối cáp	98342400	85369099	Khai báo sai mục đích sử dụng và chủng loại hàng hóa (Giắc cắm, đầu nối cổng nối USB, giắc mạng để nối dây dẫn tín hiệu, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp hơn tại chương 98
776	Bàn phím máy in lưa	84716030	85371019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
777	Bảng điều khiển loại khác	85371012	85371019	Khai báo sai chủng loại hàng hóa với bảng điều khiển trang bị bộ lập trình mã số 85371012
778	Bảng điều khiển cho cần cẩu XCMG hiệu Hirschman	85381029	85371019	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp
779	Bảng điều khiển	85371013	85371019	Doanh nghiệp không khai rõ mục đích sử dụng, hoặc khai sai để áp mã thuế suất thấp
780	Thiết bị điều khiển nhiệt độ của lò nung sứ vệ sinh	84169000	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
781	Bộ điều khiển của máy rửa chén	84229090	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
782	Tủ điện; Tủ máy chuyên dụng; Tủ điều khiển; Tủ máy âm ly; Tủ máy 220V	85371019 85371020	85371099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
783	Hộp điều khiển dùng cho máy công cụ (máy phay, bào, mài...) điện áp dưới 1000v	85371092	85371099	DN khai báo không đầy đủ thông tin mặt hàng, để hưởng thuế suất thấp hơn,
784	Bảng mạch dùng cho máy thờ	90330010	85371099	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
785	Tủ máy bằng sắt	94032090	85381019	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
786	Bộ phận, kể cả tấm mạch in đã lắp ráp của phích cắm điện thoại; đầu nối và các bộ phận dùng để nối cho dây và cáp; đầu dò dẹt dưới dạng miếng lát nhiều lớp (wafer prober), dùng cho điện áp không quá 1000V	98183200	85389011	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe)

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
787	Nút điều khiển ấn mở cửa	84718010	85389019	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
788	Kẹp răng đầu nối cho dây dẫn 24KV/XLPE/AAA-185sqmm (bộ phận nối dây cáp điện dùng cho điện áp 24KV), Ref TTDC28431FA. Hàng mới 100%	85359090	85389020	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
789	Bóng đèn dây tóc, hiệu: Philip, công suất: 20W-24V, P/N: 1481217, dùng cho tời kéo của tàu thủy	85392990	85392960	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
790	Ổng huỳnh quang dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc	85393990	85393910	Lợi dụng việc khai báo không rõ ràng về tên hàng
791	Bóng cao tần TOSHIBA 8T8RB (phụ tùng của máy ghép ván gỗ cao tần KHL-1040H)	84669290	85393990	Khai sai đặc điểm hàng hóa, mục đích sử dụng nhằm hưởng mức thuế suất thấp
792	Dây điện bằng đồng, 1 lõi, có bọc cách điện PVC, điện áp 400V, chưa gắn đầu nối	85441190	85441120	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
793	Dây đồng bằng hợp kim bằng đồng nhôm	74082900	85441190	Khai sai đặc điểm hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp hơn. Bản chất hàng hóa là Dây dẫn điện bằng đồng dạng cuộn có phủ lớp cách điện bên ngoài
794	Dây cáp điện bọc plastic có đường kính lõi không quá 19,5 mm	98342500	85444294	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (đường kính lõi nhỏ hơn hoặc bằng 5mm, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
795	Cáp (bộ phận của máy in gạch) code 3816TF3310 mới 100%	85444941	85444294 85444295	DN không khai báo đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp hơn
796	Cáp nối truyền dữ liệu	98342600	85444298	Khai báo sai mục đích sử dụng và đặc điểm hàng hóa (dạng dẹt từ 2 sợi trở lên, dùng sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
797	Dây dẫn dùng cho cặp nhiệt điện (Thermocouple), chưa lắp với đầu nối điện, điện áp không quá 80 V	85444913	85444929	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
798	Thanh cái dẫn điện bằng đồng	74071040	85444949	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
799	Dây cáp điện dùng cho điện áp trên 1kv, không quá 36kv, được bọc cách điện bằng Plastic có đường kính lõi nhỏ hơn 22.7mm	85446012 85446019 85446021	85446011	Không khai vật liệu cách hoặc cố tình khai sai, làm giả catalogue sản phẩm. Khai sai mã số HS để hưởng thuế suất thấp hơn
800	Chổi than	98183300	85452000	Khai báo sai mục đích sử dụng (đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
801	Sứ đỡ cách điện 22kV	85469000	85462010	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
802	Xe kéo đẩy máy bay	87059090	87019190 87019290 87019390 87019490 87019590	Bản chất mặt hàng là xe kéo, DN khai là xe chuyên dụng để hưởng thuế suất thấp
803	Xe vận chuyển dùng trong sân gôn	87091900	87041031	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
804	Bộ linh kiện sản xuất xe có động cơ dùng để vận tải hàng hoá	98213014 98213015 98213025	87041034 87041035 87041036	Khai báo sai đặc điểm, mục đích sử dụng (Bộ linh kiện rời để sản xuất, lắp ráp ô tô) để hưởng thuế suất chương 98
805	Xe cần cẩu thủy lực: Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)	98321000	87042129 87042229 87042251 87042259 87042329	Khai báo sai chủng loại, đặc điểm hàng hóa (Xe cần cẩu thủy lực, loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
806	Xe chuyên dụng vận chuyển suất ăn phục vụ trong sân bay	87059090	87042259	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
807	Xe ô tô con	87032445 87032451 87034067 87034077 87036067 87036077	87032449 87032459 87034068 87034087 87036068 87036087	Khai báo sai bản chất mặt hàng thành loại "bốn bánh chủ động" để hưởng thuế suất thấp
808	Xe cần cẩu thủy lực: Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện	98329000	87043129 87043229 87043248 87043249 87043269	Khai báo sai chủng loại, đặc điểm hàng hóa (Xe cần cẩu thủy lực, loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
809	Xe ô tô cần cẩu	84264100	87051000	Doanh nghiệp lợi dụng khai thành mặt hàng cần trục bánh lốp để hưởng thuế suất thấp
810	Xe thiết kế chở tiền	98230000	87059090	Các loại xe có thiết kế không dùng chở tiền được Khai báo là xe thiết kế chở tiền để hưởng thuế suất thấp chương 98
811	Bộ má phanh trước, phụ tùng xe du lịch	87083090	87083029	Khai sai bản chất hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
812	Đùm cầu (cầu chủ động) đã lắp ráp hoàn chỉnh	87085013	87085027	Bản chất mặt hàng là cầu đã lắp ráp hoàn chỉnh nhưng DN khai báo vào mã số mặt hàng chưa lắp ráp hoàn chỉnh để hưởng thuế suất thấp hơn

chính

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
813	Vi sai com lê các loại (bộ phận của cầu) dùng cho xe < 5 tấn mới 100%.	87085099	87085027	Khai sai mã HS để hưởng thuế suất thấp
814	Phụ tùng máy cày xới đất cầm tay, mới 100%: Dây ga + tay đi đều chỉnh ga	84329090	87089919	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế
815	Phụ tùng máy cày xới đất cầm tay, mới 100%: cần gạt	84329090	87089919	DN nhầm lẫn trong việc phân loại, áp dụng mức thuế
816	Trục các đăng	84831027	87089970	Mặt hàng là trục truyền động trong xe ô tô khai báo vào mã số 84831027 để hưởng thuế suất thấp là 3%, tuy nhiên theo chú giải 1(1) Phần XVI, 1(e) Phần XVII, mặt hàng phân loại vào mã số 87089970, thuế NK ưu đãi 15%
817	Lò xo lá và các lá lò xo	73201011	87089970 87089980	Bản chất mặt hàng là loại dùng cho xe thuộc nhóm 8701, DN không cung cấp đầy đủ thông tin mặt hàng để hưởng thuế suất thấp tại mã số 73201011 (mã số này chỉ dành cho xe thuộc nhóm 8702, 8703 và 8704)
818	Mặt bích của khớp nối bằng hợp kim thép, đường kính chén bi phi (52-62)mm (nhãn hiệu: Liusheng, Fangda, Hongxing) dùng cho xe tải (8-15) tấn, mới 100%.	84836000	87089980	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
819	Phụ tùng ô tô cho xe tải 550 kg . Dây ga 2m - 3m, Dây truyền số, Dây tắt máy	87084099	87089980	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
820	Mặt bích khớp nối các đăng (khớp nối trục) bằng hợp kim thép, đường kính chén bi phi (30-47)mm (nhãn hiệu: Liusheng, Fangda, Hongxing) dùng cho xe tải dưới 5 tấn, mới 100%.	84836000	87089980	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
821	xe máy dạng CKD, dung tích xi lanh 49cc	87141010 87141020 87141090	87111019	Danh nghiệp khai vào các mã linh kiện, phụ kiện xe máy để được hưởng mức thuế suất thấp hơn (từ 75% xuống còn 32-35%)

Thư

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
822	Xe đạp đua Xe đạp, Xe đạp trẻ em	87120010	87120020 87120030 87120090	Khai báo chung là xe đạp hoặc xe đạp đua và áp mã HS vào nhóm xe đạp đua có thuế suất thuế NK 5% nhưng không khai đầy đủ các thông số kỹ thuật của xe đạp đua theo công văn số 1450/BVHTTDL-KHTC ngày 22/4/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
823	Xe mô tô địa hình 04 bánh lốp đi trên bờ bãi biển	87112011 87112091	8703	DN không cung cấp đầy đủ thông tin mặt hàng (dung tích xi lanh) để hưởng thuế suất thấp
824	Bánh răng, hộp số, bộ ly hợp và các thiết bị truyền động khác và phụ tùng của chúng dùng cho xe máy	84834040	87141040	Khai sai mã số nhằm hưởng thuế suất thấp
825	Nhông tải xe máy dùng cho xe 2 bánh dung tích (100-125)cm ³ , mới 100%	84839094	87141040	Khai sai mã số hàng hóa để hưởng thuế suất thấp
826	Phụ tùng của xe Ducati-chân chống bằng nhôm	76169990	87141090	Khai báo sai chủng loại với dòng hàng 76169999
827	Tấm phản quang 2FC-H5111-00	85129020	87141090	Mã số khai báo đưa về bộ phận của thiết bị chiếu sáng
828	Chân chống xe máy	73269099	87141090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
829	Xe kéo và xe đẩy, xe kéo và xe đẩy bằng tay để chở hàng và các loại xe tương tự được vận hành bằng tay sử dụng trong các nhà máy hay phân xưởng	84369110	87168010	Khai báo sai mục đích sử dụng (các loại máy dùng trong nông nghiệp) lẫn với dòng hàng 84369110
830	Bóng đèn halogen, không có sợi đốt, để phát sáng cho camera dùng trong máy kiểm tra chai rỗng	85393200	90066900	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
831	Máy chụp phim	84532010	90101000	Khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất UD, UDDB thấp hơn
832	Thiết bị rửa phim X-quang Model Ecomat 9000 kèm phụ kiện chuẩn.	90229090	90101000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
833	Máy xông khí dung các loại	90189090	90192000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
834	Máy kéo nắn cột sống và cổ, hiệu OG-WELLNESS, model OL-2200, máy chính kèm phụ kiện chuẩn	90189090	90191090 90211000	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
835	Máy đo liều phóng xạ cầm tay Model PDM-127B-SH kèm phụ kiện chuẩn	90189090	90308990	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
836	Bộ định giờ (linh kiện cho lò nướng đối lưu Roller Grill)	85371013	91070000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
837	Súng săn ngắn nòng	93032090	93032010	Khai sai sang loại súng săn loại khác để hưởng mức thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa		Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2		3	4	5
838	Súng trường săn		93033090	93033010	Khai sai sang loại súng săn loại khác để hưởng mức thuế suất thấp
839	Ghế các loại đồng bộ tháo rời		94019010 94019031 94019039 94019040 94019092 94019099	94011000 94012010 94012090 94013000 94014000	Khai sai bản chất hàng hóa, là bộ phận, phụ tùng nhưng bản chất là đồng bộ hoặc đã mang đặc trưng cơ bản của sản phẩm nguyên chiếc
840	Ghế kim loại có đệm bọc vải chống cháy		94031000	94017100	DN khai sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
841	Thiết bị massage được tích hợp thêm một số chức năng như làm nóng, làm mát		90191010 90191090	94017100 94018000 94049090	DN khai sai bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp. Thiết bị có khả năng tạo ra các tác động cơ học lên cơ thể con người thì phù hợp thuộc 90.19. Trường hợp thiết bị không có khả năng như trên thì phù hợp thuộc 9401.
842	Thanh sắt đầu tựa ghế xe hơi (14*114*324)cm (dùng cho xe tải nhỏ) JD		87089999	94019039	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
843	Vỏ bọc ghế sofa bằng da thuộc và bằng vải dệt kim		42050090 63049190	94019099	Công văn số 8117, 8119, 8120/TB-TCHQ ngày 28/12/2020
844	Giá để vật dụng văn phòng bằng Inox		73269099	94031000	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
845	Bàn tròn/vuông/chữ nhật, mặt bàn bọc giả da, khung thép		94032090	94031000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. đề nghị DN khai báo rõ mục đích sử dụng hàng hóa theo mô tả tại Danh mục HHXKNK Việt Nam để làm cơ sở áp mã
846	Bàn tròn có khung bằng nhôm		94032090	94031000	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. đề nghị DN khai báo rõ mục đích sử dụng hàng hóa theo mô tả tại Danh mục HHXKNK Việt Nam để làm cơ sở áp mã
847	Bàn xoay để kiểm tra nệm hoạt động bằng khí nén - LIFT AND ROTATE INSPECTION TABLE, mới 100%		90312020	94032090	Doanh nghiệp lợi dụng mặt hàng để nhằm lẫn mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp
848	Đồ nội thất thiết kế đặc biệt dùng trong ngành y tế		94029010 94029020 94029090	94032090 94035000 94036090 94037090 94038990	Bản chất mặt hàng là tủ đầu giường bệnh nhân. Doanh nghiệp khai là đồ nội thất thiết kế đặc biệt dùng trong ngành y để hưởng thuế suất thấp,
849	Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong phòng khách		94038990	94033000 94034000 94035000	Khai sai mục đích sử dụng nhằm hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp hơn

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
850	Giường, tủ bằng gỗ chưa lắp ráp hoàn chỉnh	44031190	94035000	Khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
851	Đồ nội thất bằng gỗ	98330000	94036090	Khai báo sai mục đích sử dụng (Bộ quầy tủ để làm thủ tục tại sân bay, nhà ga) để hưởng thuế suất thấp của chương 98
852	Tủ đầu giường bằng nhựa, có bánh lăn model BT159	94029090	94037090	Khai không đúng tên hàng, sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
853	Tấm Panen gỗ có lõi xốp dùng xây dựng cửa hàng – LSP PW110 (phụ kiện tháo rời của kệ trưng bày hàng hóa)	44189100 44189910	94038990	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
854	Ống thép không gỉ, mặt cắt rỗng, hình tròn, không nối dùng để sản xuất khung giá trưng bày hàng hóa trong cửa hàng (phụ kiện tháo rời của kệ trưng bày)	73044900	94038990	Khai báo sai mục đích sử dụng để hưởng thuế suất thấp hơn
855	Bàn mặt gương khung bằng sắt	94032090	94038990	DN khai sai mã số để hưởng thuế suất thấp
856	Bàn trà tròn có khung bằng sắt (KT: 500 x 450 cm), (KT: 1100*500 mm), (KT: 600*500 mm), (KT: 750*700 mm) Không nhãn hiệu.	94032090	94038990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
857	Khung giường bằng sắt	94032090	94039090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
858	Mút xốp cao su đ ược cắt theo quy cách , dùng làm n ệm, hàng m ới 100%	40059910	94042110	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
859	Nệm ghế sofa có vỏ bọc bằng da	94049090	94042990	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
860	Mút x ốp, dùng trong sản xu ất nệm, kích th ước: dày 50cm, rộng 50cm, dài 1-1.7m, hàng mới 100%	39219090	94042990	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
861	Tấm phủ ghế sofa bằng giả da	41151000	94049010	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
862	Chăn bông	63012000 63013010 63013090 63014010 63014090 63019010 63019090	94049010	DN khai báo mặt hàng là chăn du lịch để hưởng thuế suất thấp

thành

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
863	Đèn LED	85395000	94054060 94051099	Doanh nghiệp cố tình khai báo sai lệch tên hàng hóa, áp và mã số có thuế suất thấp Thực tế hàng hóa NK là Bộ đèn LED có cấu tạo gồm khung vỏ, giắc cắm nguồn điện, chỉnh lưu, các đi ốt phát quang (LED), móc treo, dùng để treo trần nhà, treo tường
864	Bộ bóng đèn LED (1 bộ gồm 1 bóng đèn F40SHN500 và 1 máng đèn GF230), dùng để chiếu sáng trong nhà xưởng. Công suất: 34.6W, quang thông: 5200 lm, quang hiệu: 150.3 lm/W)	94054099	94051092	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại áp mã
865	Đèn tiết kiệm năng lượng	85393190	94051099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
866	Đèn chùm, đèn LED, đèn tường, chiếu sáng	94052090	94051099	Doanh nghiệp khai sai bản chất nhằm hưởng thuế suất thấp
867	Đèn chiếu sâu	85392291 85392292 85392293 85392299	94054020	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
868	Tổ máy phát điện	85021100	94054060	Mặt hàng dễ nhầm lẫn. công văn hướng dẫn số 4925/TCHQ-TXNK ngày 25/7/2017
869	Hộp đèn tủ mát; Hộp đèn trang trí tủ mát	84189100	94054099	Khai sai mã số hàng hóa nhằm hưởng mức thuế suất thấp
870	Đèn tín hiệu (hàng dự phòng cho hệ thống bảo vệ, đo lường và tín hiệu)	85392949	94054099	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
871	Đèn chiếu vàng da trẻ sơ sinh, Hiệu ATOM, Model: Bili-Therapy, Model: Bili-Therapy, máy chính kèm phụ kiện chuẩn,	90189090	94054099	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
872	Biển báo được chiếu sáng bằng Mica	68149000	94056010	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
873	Bóng đèn - bộ phận dùng cho đèn mô các loại	85392220 90330010	94059110	DN nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
874	Đèn bóng tròn trắng lớn thả trên sông dùng điện sạc	69091100	94054099	DN Khai sai mã số và thuế suất
875	Chao đèn bằng thủy tinh dạng hình cầu	94059190	94059140	Khai sai hình dạng để hưởng mức thuế suất chênh lệch
876	Máng đèn dùng cho bộ đèn led, không bao gồm bộ điện và bóng	94054099	94059290	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
877	Chụp đèn bằng nhựa	94059290	94059920	Doanh nghiệp khai chất liệu bằng nhựa để hưởng thuế suất thấp

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
878	Khung đèn và các bộ phận khác của đèn	98160000	94059950 94059990	Khai báo sai mục đích sử dụng của hàng hoá (dùng cho đèn thợ mỏ hoặc thợ Khai báo thác đá) để hưởng thuế suất thấp tại chương 98
879	Phụ kiện thanh nẹp bằng kim loại cho led dây	94054099	94059990	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
880	Đồ lắp ráp trẻ em bằng nhựa	95030040	95030091	Khai báo sai mã số để hưởng thuế suất thấp hơn
881	Đồ chơi bằng nhựa	39264000	95030099	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
882	Đá phiến đã gia công cạnh và khoan lỗ liên kết với các thanh gỗ	68030000	95042020	Bản chất mặt hàng là bàn bi-a DN khai báo sai tên hàng, mã số để hưởng thuế suất thấp
883	Trò chơi "LIFE IS A HIGHWAY" - hệ thống trò chơi ngoài trời của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
884	Trò chơi "Foam Play Structure (Gunge)" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
885	Trò chơi "Cuckoo--Ka--Choo--Choo" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
886	Trò chơi "Monstars of rock" - hệ thống trò chơi của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
887	Trò chơi Chuồng Ngựa "Carnaby" - hệ thống trò chơi ngoài trời của công viên châu á	95069910 95069920 95069930 95069990	95089000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa
888	Chổi dùng cho máy móc thiết bị bằng thép, nhựa	73269099 39269099	96031020	DN khai báo sai so với bản chất mặt hàng để hưởng thuế suất thấp
889	Con lăn bằng nhựa	39259000	96034000	Doanh nghiệp nhầm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa. Bản chất mặt hàng là con lăn bằng nhựa dùng để quét sơn
890	Trục quay có gắn các búi bằng plastic để làm sạch bụi của máy chải sợi	84483900	96035000	Doanh nghiệp khai báo: (Bộ phận làm sạch bụi của máy chải – Cleaning roller for JWF1211)
891	Sợi nhựa tổng hợp (SYNTHETIC FIBER - PBT DOUBLE TAPERED), Sản phẩm dùng để gắn vào bàn chải đánh răng, Kích thước 0.18x28mm, Hàng mới 100%	54041900	96039010	Lợi dụng các mặt hàng khó xác định mã số để khai báo vào mã số có thuế suất thấp. Mặt hàng thực tế là Sợi cước monofilament từ nylon, đã được gia công tia nhọn 2 đầu, dùng làm lông bàn chải đánh răng, đã được tủa thành búi. Quy cách: 0.18x28mm

thanh

STT	Tên hàng hóa	Mã số hàng hóa		Thông tin rủi ro
	Tên gọi/mô tả hàng hóa rủi ro	Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần kiểm tra	
1	2	3	4	5
892	Miếng cọ rửa công nghiệp, bằng sợi không dệt, dùng làm dụng cụ tham gia vào quá trình sản xuất sứ vệ sinh	63071090	96039090	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
893	Cúc áo bằng composite	39269099	96062100	Doanh nghiệp nhằm lẫn trong việc phân loại, áp mã hàng hóa.
894	Mực in mã vạch được cuộn tròn	32151190	96121090	Khai không đúng bản chất hàng hóa là cuộn ruy băng
895	Thép hợp kim khác có chứa một trong các nguyên tố duy nhất Bo và/Hoặc Cr và/Hoặc Ti, được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, được mạ nhôm	72259990	98110010	Mã số khai báo sai so với bản chất mặt hàng để được hưởng chênh lệch thuế

Thanh

Phụ lục IV
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ
THUẾ NHẬP KHẨU BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCHQ ngày 19/7/2021
 của Tổng cục Hải quan))

1. Thuế chống bán phá giá

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
1	2	3	4	5	6
1	17011300 17011400 17019910 17019990 17019100 17029091	Một số sản phẩm đường mía: đường cát, đường mía, đường kính, đường thô, đường trắng, đường tinh luyện, đường RE, đường RS, đường sacarose (sucrose).	Vương quốc Thái Lan	Kiểm tra về Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại các Hiệp định và Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Quyết định số 1578/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2021
2	2922.42.20	Các sản phẩm bột ngọt (còn được gọi là mỳ chính, Monosodium Glutamate, MSG, Mononatri glutamat, Monosodium L-glutamate, Sodium glutamate, Muối natri của acid glutamic). Mục đích sử dụng chính tại Quyết định số 1993/QĐ-BCT ngày 22/7/2020	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, nước Cộng hòa In-đô-nê-xia	Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu	Quyết định số 1993/QĐ-BCT ngày 22/7/2020
3	39202010 39202091	Một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen có độ dày từ 10 micron tới 80 micron và độ rộng từ 115mm tới 7800mm	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan và Ma-lai-xi-a	Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá. danh sách các sản phẩm được loại trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức và điều kiện loại trừ sản phẩm và Sản phẩm được xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức tại Quyết định số 1990/QĐ-BCT ngày 20/7/2020. Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu	Quyết định số 1990/QĐ-BCT ngày 20/7/2020

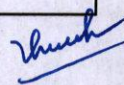
thanh

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
4	72104111	Sản phẩm thép mạ (còn gọi là tôn mạ)	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân quốc	Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu	Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 20/11/2020
	72104112				
	72104119				
	72104911				
	72104912				
	72104913				
	72104919				
	72105000				
	72106111				
	72106112				
	72106119				
	72106911				
	72106912				
	72106919				
	72109010				
	72109090				
	72123011				
	72123012				
	72123013				
	72123014				
	72123019				
	72123090				
	72125013				
	72125014				
	72125019				
	72125023				
	72125024				
	72125029				
	72125093				
	72125094				
	72125099				
	72126011				
	72126012				
	72126019				
	72126091				
	72126099				
	72259290				
	72269911				
	72269991				
5	72163311 72163319 72163390 72287010 72287090	Thép hình chữ H nhập khẩu có cấu trúc một thân bụng thẳng ở giữa cùng với hai cánh nằm ngang ở trên và dưới. Thép hình chữ H còn được biết đến như là “Dầm thép H”, “Dầm thép W” hoặc thép dầm cánh rộng.	Ma-lai-xi-a	Kiểm tra về Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại các Hiệp định và Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá. Thép hình chữ H nếu thỏa mãn một trong các trường hợp sau sẽ được loại trừ khỏi phạm vi áp thuế: + Có chiều cao lớn hơn 704 mm hoặc có chiều rộng lớn hơn 303 mm; + Có kích thước 100mm x 55mm hoặc 120mm x 64mm (kích thước mô tả là chiều cao x chiều rộng).	Quyết định số 1162/QĐ-BCT ngày 02 tháng 4 năm 2021 thuế chống bán phá giá tạm thời

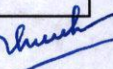
4

3

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
6	72163311 72163319 72163390 72287010 72287090	Thép chữ H hợp kim hoặc không hợp kim có cấu trúc một thân bụng thẳng ở giữa cùng với hai cánh nằm ngang ở trên và dưới. Thép hình chữ H còn được biết đến như là "Dầm thép H", "Dầm thép W" hoặc thép dầm cánh rộng.	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu. Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá. Thép hình chữ H nếu thỏa mãn một trong các trường hợp sau sẽ không bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá: - Chiều cao 700mm (± 4 mm) trở lên hoặc chiều rộng 300mm (± 3 mm) trở lên - Có kích thước: 100mm x 55mm hoặc 120mm x 64mm.	Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 20/11/2020
7	72193200 72193300 72193400 72193500 72199000 72202010 72202090 72209010 72209090	Thép không gỉ cán nguội ở dạng cuộn hoặc dạng tấm có chứa 1,2% hàm lượng cacbon hoặc ít hơn và chứa 10,5% hàm lượng crôm trở lên, có hoặc không có các nguyên tố khác. Thép không gỉ cán nguội ở dạng cuộn hoặc tấm được ủ hoặc được xử lý nhiệt bằng phương pháp khác và ngâm hoặc được cạo gỉ để loại bỏ tạp chất dư thừa trên bề mặt. Những sản phẩm này có thể được tiếp tục xử lý với điều kiện là quá trình đó không làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm..	Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa Cộng hòa, Indonesia, Malaysia, Lãnh thổ Đài Loan	Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu. Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá. Các chủng loại sản phẩm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá và Danh sách một số sản phẩm cụ thể sau được miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá tại Quyết định số 3162/QĐ-BCT ngày 21/10/2019	Quyết định số 7896/Q Đ-BCT ngày 05/9/2014; số 1656/QĐ-BCT ngày 29/4/2016; số 3162/QĐ-BCT ngày 21/10/2019



STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
8	76041010 76041090 76042190 76042910 76042990	Nhôm và các sản phẩm nhôm, hợp kim và không hợp kim, dạng thanh, que, đã được đùn ép, đã hoặc chưa xử lý bề mặt, đã hoặc chưa gia công thêm. Các sản phẩm này có một dạng thù hình, có mạng lập phương, có thể thiết kế theo nhiều hình dạng và mặt cắt khác nhau, có thể tạo ra nhiều màu sắc khác nhau trên bề mặt, có thể tái chế lại. Dùng làm cửa nhôm, vách nhôm, tủ nhôm, trang trí nội ngoại thất, kết cấu trong xây dựng nhà cửa và các công trình xây dựng khác; dùng làm các chi tiết máy móc, kết cấu trong lĩnh vực công nghiệp; và các mục đích khác.	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu.	Quyết định số 2942/QĐ-BCT ngày 28/9/2019
9	72107011, 72107019, 72107091, 72107099, 72124011, 72124012, 72124019, 72124091, 72124092, 72124099, 72259990, 72269919, 72269999	Các sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim, được cán phẳng, được mạ hoặc không mạ sau đó được sơn. Tên thông thường: thép phủ màu hoặc tôn màu. Mục đích sử dụng chính tại Quyết định số 3198/QĐ-BCT ngày 24/10/2019	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nước Đại Hàn Dân quốc	Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá Danh sách Các sản phẩm được miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức tại Quyết định số 3198/QĐ-BCT ngày 24/10/2019, Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu.	Quyết định số 3198/QĐ-BCT ngày 24/10/2019



STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
10	72091610 72091690 72091710 72091790 72091891 72091899 72092610 72092690 72092710 72092790 72092810 72092890 72099090 72112320 72112330 72112390 72112920 72112930 72112990 72255090	Thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm, hợp kim hoặc không hợp kim, được cán phẳng, có bề rộng dưới 1.600mm, độ dày 0,108mm đến 2,55mm, đã được ủ hoặc chưa được ủ, được phủ hoặc được tráng với chất vô cơ hoặc chưa được phủ hoặc tráng.	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc AD08), với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định.	Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế chống bán phá giá. Thép cán nguội nêu trên nếu thỏa mãn một trong các trường hợp sau không thuộc phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá: - Thép không gỉ cán nguội; - Thép mạ điện silicon (thép mạ kỹ thuật điện); - Tấm thép đen (tôn đen) cán để tráng thiếc; - Thép gió; - Thép lượn sóng; - Thép cán nguội được sơn phủ. Kiểm tra về Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất; tên công ty xuất khẩu.	Quyết định số 3390/QĐ-BCT ngày 21/12/2020

2. Thuế tự vệ

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Thông tin rủi ro	Quyết định
1	31051020 31051090 31052000 31053000 31054000 31055100 31055900 31059000	Phân bón vô cơ phức hợp hoặc hỗn hợp DAP, MAP	Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng để được miễn trừ thuế tự vệ Lưu ý: các sản phẩm phân bón có một trong các thành phần có hàm lượng như sau sẽ được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ chính thức: Ni-tơ (N) < 7%; Lân (P2O5) < 30% và Ka-li (K2O) > 3%.	Quyết định số 715/QĐ-BCT ngày 3/3/2020
2	72071100 72071900 72072029 72072099 72249000 72131010 72131090 72139120 72142031 72142041 72279000 72283010 98110010	Phôi thép hợp kim và không hợp kim; Thép dài hợp kim và không hợp kim (bao gồm thép cuộn và thép thanh. (Lưu ý: mã 9811.00.00 chỉ áp dụng đối với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến 3 mã HS gốc là 7224.90.00, 7227.90.00, 7228.30.10 và không áp dụng với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến các mã HS gốc còn lại)	Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng về đặc điểm như kích thước, thành phần ... để được miễn trừ thuế tự vệ Chi tiết các đặc điểm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ tại Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20/3/2020	Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20/3/2020

thanh

STT	Mã HS	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Thông tin rủi ro	Quyết định
3	72139190 72171010 72171029 72299099 98391000	Sản phẩm thép cuộn, thép dây		Kiểm tra tên hàng khai báo để tránh DN khai sai tên hàng về đặc điểm như kích thước, thành phần... để được miễn trừ thuế tự vệ. Chi tiết các đặc điểm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ tại Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 20/3/2020	Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 20/3/2020

thanh

Phụ lục V

BẢN HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG DANH MỤC HÀNG HÓA RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2079/QĐ-TCHQ ngày 19/7/2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

I. Sử dụng Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa (sau đây gọi là Danh mục rủi ro) khi thực hiện quyết định kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan (luồng Vàng và luồng Đỏ):

1. Công chức hải quan đối chiếu thông tin tên hàng, mã số khai báo với thông tin của hàng hóa tại Danh mục rủi ro và xử lý như sau:

Trường hợp Tờ khai hải quan có tên hàng, mã số khai báo thuộc Danh mục rủi ro, đã thực hiện phân luồng Vàng hoặc Đỏ, công chức hải quan kiểm tra hồ sơ và cập nhật kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Trường hợp có nghi vấn doanh nghiệp khai báo tên hàng, mã số nguy trang nhưng chưa đủ cơ sở để xác định tên hàng, mã số hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro, công chức hải quan thông báo nội dung “nghi vấn tên hàng, mã số khai báo” và “yêu cầu người khai hải quan nộp bổ sung các chứng từ, tài liệu” có liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ nộp bổ sung, nếu có đủ cơ sở xác định người khai hải quan khai không đúng mã số hàng hóa, công chức hải quan hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế. Trường hợp người khai hải quan không nộp được chứng từ theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc qua kiểm tra các chứng từ, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở để xác định mã số hàng hóa, công chức đề xuất lấy mẫu phân tích, giám định hoặc báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định.

II. Sử dụng Danh mục rủi ro trong thực hiện kiểm tra sau thông quan:

Trường hợp tên hàng, mã số hàng hóa khai báo thuộc Danh mục rủi ro, được phân luồng Xanh: Công chức hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành đánh giá rủi ro về mã số, mức thuế, trong đó lưu ý các thông tin rủi ro được nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định, trên cơ sở đó thực hiện kiểm tra sau khi hàng hóa đã thông quan theo thẩm quyền của Chi cục trưởng nơi làm thủ tục hải quan để làm rõ dấu hiệu nghi vấn, xử lý theo quy định và báo cáo hàng tháng một số tiêu chí sau:

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng (Mục 1.1 Mẫu số 2 Phụ lục VI).

Chánh

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro (Mục 1.2 Mẫu số 2 Phụ lục VI).

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro đã được xử lý theo hướng dẫn tại Danh mục và công văn số 2119/TCHQ-TXNK ngày 30/3/2017 của Tổng cục Hải quan (Mục 1.3 Mẫu số 2 Phụ lục VI).

- Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế được phát hiện vi phạm sau khi đã xử lý nêu tại mục 1.3 và báo cáo hình thức vi phạm (Mục 1.4 Mẫu số 2 Phụ lục VI).

III. Tổ chức thu thập, phân tích các nguồn thông tin để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro:

1. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đề xuất thông tin xây dựng, sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro như sau:

a) Trong quá trình kiểm tra tên hàng, mã số, mức thuế theo quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018, nếu mặt hàng không thuộc Danh mục rủi ro nhưng có tần suất khai báo sai tên hàng mã số, mức thuế lặp đi lặp lại nhiều lần, công chức hải quan ghi nhận từng trường hợp, tổng hợp nguồn thông tin cụ thể như sau:

- Có cùng tên hàng nhưng có mã số khai báo khác nhau;
- Đã được điều chỉnh mã số, mức thuế;
- Có kết quả phân loại, áp dụng mức thuế khác khai báo của doanh nghiệp;
- Có kết quả phân loại, áp dụng mức thuế khác khai báo và kiểm tra trong thông quan;
- Đã bị xử lý vi phạm về khai báo mã số và mức thuế;
- Thông tin hàng hóa từ Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành;
- Thông tin về điều kiện áp dụng Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;
- Thông tin từ các văn bản hướng dẫn phân loại, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;
- Thông tin từ các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kiến nghị về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế; ...

b) Trên cơ sở tổng hợp các nguồn thông tin nêu trên, định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Thuế xuất nhập khẩu) đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro, cụ thể:

b.1) Đánh giá hiệu quả, khó khăn, vướng mắc của việc triển khai áp dụng Danh mục (khi đánh giá hiệu quả đề nghị nêu rõ số vụ vi phạm phát hiện qua áp

Thư

dụng Danh mục và nêu đầy đủ các thông tin tại mẫu số 1, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định).

b.2) Bổ sung các mặt hàng mới nhập khẩu lần đầu hoặc các mặt hàng có công nghệ mới, chưa được quy định tại Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa theo các phương thức, thủ đoạn hoặc qua công tác nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị (báo cáo theo mẫu số 02, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định).

b.3) Sửa đổi hoặc hủy các mặt hàng tại Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa để phù hợp với tình hình thực tế đối với các mặt hàng chưa phù hợp hoặc thay đổi nguy trạng về tên hàng, mức thuế theo các phương thức, thủ đoạn vi phạm cũng như các biện pháp kiểm tra hoặc qua công tác nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị (báo cáo theo mẫu số 02, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định).

2. Cục Kiểm định Hải quan, Cục Quản lý rủi ro, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ Thanh tra - Kiểm tra:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ, các đơn vị khi có thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, xác định mã số hàng hóa, mức thuế, thông tin điều tra xác minh, thông tin giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp hoặc các đơn vị có liên quan thì tổng hợp gửi về Cục Thuế XNK bằng văn bản, đồng thời gửi hòm thư điện tử phongphanloai@customs.gov.vn vào ngày 30 hàng tháng kèm theo đề xuất, kiến nghị cụ thể.

b) Thông tin cung cấp phải rõ ràng, chính xác, đã được kiểm chứng kèm theo các chứng từ, tài liệu có liên quan theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định, gửi về Cục Thuế XNK bằng văn bản, đồng thời gửi hòm thư điện tử phongphanloai@customs.gov.vn để phản ánh kịp thời.

3. Cục Thuế xuất nhập khẩu:

a) Tiếp nhận, thẩm định báo cáo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 do các đơn vị gửi và xử lý như sau:

- Trả lại các đơn vị gửi đối với trường hợp báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 không đầy đủ các nguồn thông tin theo đúng hướng dẫn tại khoản 1 đối với mẫu số 01, mẫu số 02, khoản 2 đối với mẫu số 03 mục III Phụ lục này hoặc đủ nguồn thông tin nhưng thiếu dữ liệu gửi kèm trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin đề xuất bằng văn bản.

- Yêu cầu các đơn vị gửi bổ sung, thuyết minh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu đối với trường hợp cần giải thích làm rõ thêm các thông tin.

- Trả lại các đơn vị gửi và yêu cầu làm rõ trách nhiệm đối với trường hợp thông tin gửi kèm theo báo cáo không chính xác, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung không có cơ sở theo hướng dẫn tại mục khoản 1, khoản 2 mục III Phụ lục

chính

này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin đề xuất bằng văn bản.

b) Thu thập, đánh giá, phân tích, tổng hợp các báo cáo sửa đổi, bổ sung và lấy ý kiến các đơn vị có liên quan về việc ban hành Danh mục.

c) Tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục.

d) Báo cáo đề xuất Tổng cục ban hành văn bản chấn chỉnh những sai sót, tồn tại, bất cập trong công tác xây dựng Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại hàng hóa trên cơ sở các thông tin do các đơn vị cung cấp./.

Thư

Phụ lục VI**DANH MỤC BIỂU MẪU**

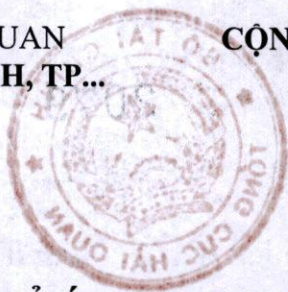
(Ban hành kèm theo Quyết định 2079/QĐ/TCHQ ngày 19/7/2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)



1. Mẫu số 01: Đánh giá hiệu quả áp dụng danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.
2. Mẫu số 02: Báo cáo và đề xuất sửa đổi, hủy, bổ sung các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.
3. Mẫu số 03: Cung cấp thông tin mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

Thư

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TỈNH, TP...



Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., Ngày.....tháng.....năm 20...

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG DANH MỤC HÀNG HÓA XK, NK
RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ**

1. Đánh giá hiệu quả, khó khăn, vướng mắc của việc triển khai áp dụng Danh mục.
2. Bảng đánh giá hiệu quả áp dụng danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

STT	Mặt hàng vi phạm	Mã số hàng hóa		Số thuế thu bổ sung	Số lần vi phạm	Phương thức thủ đoạn vi phạm
		Mã số DN khai báo	Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK VN			
1	2	3	4	5	6	7

LÃNH ĐẠO PHÒNG THUẾ XNK

LÃNH ĐẠO CỤC

Thư

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TỈNH, TP...

Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., Ngày....tháng.....năm 20...

**BÁO CÁO VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, HỦY, BỔ SUNG CÁC MẶT HÀNG
RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ**

1. Báo cáo kết quả xử lý các mặt hàng thuộc Danh mục rủi ro thuộc các tờ khai được phân luồng xanh:

1.1. Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng:

1.2. Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.

1.3. Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế đã được xử lý theo hướng dẫn tại Danh mục và công văn số 2119/TCHQ-TXNK ngày 30/3/2017 của TCHQ.

1.4. Tổng số tờ khai luồng xanh trong tháng có hàng hóa thuộc Danh mục rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế được phát hiện vi phạm sau khi đã xử lý nêu tại mục 1.3 và báo cáo hình thức vi phạm.

2. Đề xuất sửa đổi, hủy các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế:

STT	Tên hàng hóa	Mã số và mức thuế		Phương thức, thủ đoạn vi phạm	Nguồn cung cấp thông tin rủi ro	Đề nghị biện pháp kiểm tra	Lý do đề xuất
		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần phải kiểm tra				
1	2	3	4	5	6	7	8
				Lưu ý: Đề xuất hủy đối với các dòng hàng không rủi ro về thuế suất và phân loại; kim ngạch thấp hoặc không có kim ngạch ...			

Chức

3. Đề xuất bổ sung các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế:

STT	Tên hàng hóa	Mã số và mức thuế				Phương thức, thủ đoạn vi phạm	Nguồn cung cấp thông tin rủi ro	Đề nghị biện pháp kiểm tra	Lý do đề xuất
		Mã số doanh nghiệp có thể khai báo	Mức thuế doanh nghiệp có thể khai báo	Mã số rủi ro cần phải kiểm tra	Mức thuế cần phải kiểm tra theo các Biểu thuế (MFN hay FTA, ...)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						- Đề nghị nêu rõ đầy đủ thông tin về tên hàng Doanh nghiệp khai báo và bản chất mặt hàng (thành phần, cấu tạo, công dụng, tính chất lý hóa, quy cách đóng gói,...), - Nêu rõ cụ thể phương thức vi phạm (ví dụ ví dụ: khai sai mã số để hưởng mức thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt thấp; khai báo sai mục đích sử dụng, chủng loại hàng hóa để hưởng thuế suất thấp tại Chương 98...)			
Ví dụ:	Cá nước ngọt (còn sống)	98020000	0% (MFN)	0301.99.40	20% (MFN)	Khai báo sai từ cá chép thường thành cá chép để làm giống nhằm hưởng mức thuế suất thấp tại Chương 98	Phát hiện qua kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra sau thông quan, ...		

LÃNH ĐẠO PHÒNG THUẾ XNK

LÃNH ĐẠO CỤC

Thư

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐƠN VỊ

Mẫu số 3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

CUNG CẤP THÔNG TIN MẶT HÀNG RỦI RO VỀ PHÂN LOẠI VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

1. Mặt hàng xuất khẩu/nhập khẩu cung cấp thông tin:

STT	Mã số khai báo	Tên hàng khai báo	Mức thuế khai báo	Xuất xứ khai báo	Điều kiện áp dụng Biểu thuế
1					
2					

2. Thông tin thu thập được, bao gồm:

Đề nghị nêu rõ đầy đủ thông tin về tên hàng Doanh nghiệp khai báo và bản chất mặt hàng (thành phần, cấu tạo, công dụng, tính chất lí hóa, quy cách đóng gói,...), nêu rõ cụ thể phương thức vi phạm.

3. Các tài liệu kèm theo, bao gồm:

-
-

4. Nội dung kiến nghị/căn cứ/cơ sở:

LÃNH ĐẠO PHÒNG

LÃNH ĐẠO CỤC

Thư